

1 THÁNG 6 NĂM 1971

BACH KHOA

năm mười lăm

TA-CHÍ ĐẠI-TRƯỞNG giáo dục, một phương tiện
chiếm quyền và giữ quyền * TỬ TRÍ phong trào phản
chiến tháng 5 tại Hoa kỳ * NGUYỄN HIẾN LÊ
Bertrand Russell, * người soi đường cho Hòa bình * *

TRẦN NGỌC NINH đức Phật và sự cải tạo xã hội

* PHAN DU tìm hiểu tiến bộ gọi về nguồn * GEORGES

E. GAUTHIER Việt nam và lòng yêu nước (THU THỦY

dịch) * NGUYỄN MỘNG GIÁC đất và nước * VÔ

HỒNG những ánh sao đêm * TƯỞNG LINH một sớm mai

nào * TRẦN HUIÊN AN uống mừng tình bạn thủy chung *

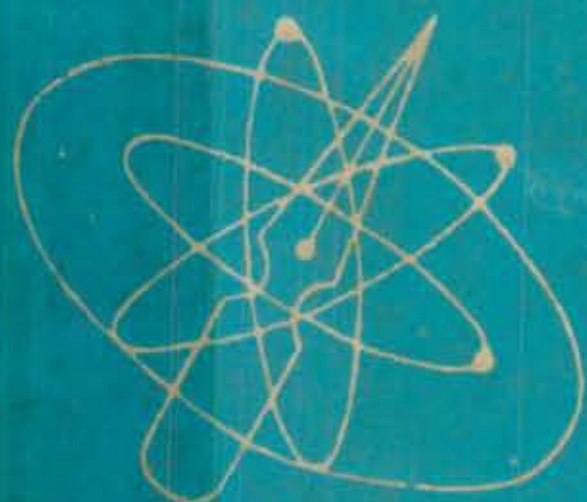
TRẦN ĐẠI đũa sao cũng phải gửi thư cho vợ *

SINH HOẠT thời sự thế

giới * thời sự khoa học

* thời sự văn nghệ

346



TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Thư ký: TÔN THẮT HÀM
 HOÀNG MINH TUYNH Tòa soạn:
 Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
 Chủ bút: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	50đ.
SÁU THÁNG	550đ.
MỘT NĂM	1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 120 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa, Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Kỳ Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
		000		
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BANQUE FRANÇAISE

POUR LE COMMERCE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL de 21.200.000 FRANCS

Siège Social : 74, Rue St. Lazare — PARIS

VIỆT NAM	SAIGON	AGENCE :	32, Đại-lộ Hàm-Nghi Tél : 90.065, 90.066, 90.067.
		BUREAUX :	178, 180, 182, Đường Lê-Thánh-Tôn (Marché central), Tél : 22.142 415, 417, Đường Hai Bà Trưng (Tân-Định) — Tél : 93.172.
	CHOLON	AGENCE :	386, Đại-lộ Đồng-Khánh (Cholon) Tél : 36.105.
	KHANH-HUNG	AGENCE :	23, Đường Hoàng-Diệu Tél : 51

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER.

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE.

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Trụ sở : 96 Bd. Haussmann-Paris (8^e)

Số vốn sung dụng tại Việt-nam : VN §. 50.000.000

Dự-trữ đặc-biệt tại V.N. : VN §. 50.000.000

SỐ THƯƠNG MẠI SAIGON : 157B

Q. G. D. B. : 55 - 826 - 21 - 001

C. C. P. SAIGON N^o 27 - 04

TRỤ SỞ :

29 Bến Chương - Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018

Điện-tín : FRANCIBANK

CHI NHÁNH :

— Hà-nh-lang EDEN — Saigon — Điện thoại : 23.207

— 461, Phan đình Phùng — Saigon — Điện thoại : 92.367

— 834, Trần hưng Đạo — Cholon

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

BÁCH KHOA

Số 346 ngày 1-6-1971

TẠ-CHÍ ĐẠI TRƯỞNG <i>giáo dục, một phương tiện chiếm quyền và giữ quyền</i>	05
TỪ TRÌ <i>phong trào phản chiến tháng 5 tại Hoa kỳ</i>	
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>Bertrand Russell « người soi đường cho Hòa-bình»</i>	23
TRẦN NGỌC NINH <i>đức Phật và sự cải tạo xã hội</i>	31
PHAN DU <i>tìm hiểu tiếng gọi về nguồn</i>	41
GEORGES E. GAUTHIER <i>Việt nam và lòng yêu nước (THU THỦY dịch)</i>	53
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>đất và nước (truyện)</i>	57
VÕ HỒNG <i>những ánh sao đêm (truyện)</i>	67
TƯỜNG LINH <i>một sớm mai nào (thơ)</i>	72
TRẦN HUIỀN ÂN <i>uống mừng tình bạn thủy chung (thơ)</i>	73
TRẦN ĐẠI <i>dù sao cũng phải gửi thư cho vợ (thơ)</i>	74
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	77
TỬ ĐIỆP <i>thời sự khoa học</i>	83
TRÀNG THIÊN — THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	85

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Sài Gòn
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

SỐNG THIỀN

Sống Thiền là hơi thở nóng hổi của một người vừa bước vào điệu lý của Phật giáo Thiền tông, Eugen Herrigel, đề cập đến những biểu lộ hoạt dụng của Thiền trong các bộ môn tư tưởng và văn nghệ: thi ca, hội họa, kịch nghệ, vân vân, cùng sinh hoạt thường nhật với những bất trắc, những quăn quại ngàn đời.

Sách do An Tiêm xuất bản Đồng Nai phát hành

Ý thức mới trong văn nghệ và triết học của Phạm Công Thiện

Một tác phẩm viết riêng cho thế hệ thanh niên hiện nay và nói lên tâm tình xao xuyến của tuổi trẻ qua những hình thái của ý thức mới trong tư tưởng Henry Miller, Franz Kafka, Clément Rosset, André Gide, William Faulkner, Erich Fromm, D.T. Suzuki, Jean-Paul Sartre, Martin Heidegger, J. R. Huguenin, Hemingway, Nikos Kazantzakis, Thomas Wolfe, Nietzsche, Charles Chaplin, Somerset Maugham, Saroyan, Ivo Andrich, Apollinaire, Zen, v.v.

Sách do An Tiêm xuất bản in lần thứ tư, tác giả có viết thêm nhiều bài mới.

Người sành truyện ngắn hãy tìm
XÓM CHUÔNG NGỰA
tập truyện thứ 3 của Nguyễn Đức Sơn

do An Tiêm xuất bản, cuối tháng 5/71

Giáo dục, phương tiện chiếm quyền và giữ quyền

Một trong những đề tài gây sôi nổi, quấy động trong thành phố bây giờ là các vụ bắn chết người của lính Mỹ, nổi bùng dữ dội nhất tới trường hợp em học sinh ở Qui Nhơn. Hãy gạt ra ngoài, chưa bàn đến nguyên do đưa đến sự phản đối dữ dội bao gồm nhiều yếu tố, trong đó có sự tự ái của quần chúng đối kháng với thái độ «an nghỉ» thông thường của nhà cầm quyền. Chúng ta chú ý đến 1 lý do người Mỹ đưa ra để tự biện hộ: «Người lính Yankee không bắn một tên Sioux da vàng — chắc hẳn không nhuộm đỏ, mà chỉ xua đuôi một lũ ăn cắp rồi lỡ gây tai nạn thôi». Cái cớ đưa ra bao giờ cũng là một cái cớ có lợi cho mình nhất — «muốn giết một con chó thì bảo nó điên», và một cái cớ không phải là tất cả nguyên nhân, nhưng dù sao cũng phải được xét đoán một cách nghiêm chỉnh, nhất là khi sự thực không chứng tỏ trái lại.

Người viết từng được một anh bạn đồng minh to lớn ưu ái tặng một cây sào dài ngang qua mặt ở Vũng Tàu, được ăn lon bia rỗng ở đường số 19, được thấy ở Bình-thuận một anh bạn treillis da trắng trên chiếc xe đồ dốc, vung dao chém đứt lên đầu các anh bạn treillis da vàng khố khổ đạp xe cộc cạch, hay lê lét trên «đường trường xa». Nhưng mọi

người cũng không chối cãi được rằng khi các chuyến xe to lớn phải dừng lại ở một khúc đường nào đó thì một, hai, ba... có những con sóc người leo lên đây xuống những vật dụng chông chát, bắt kê cái gì, con dơi, thùng bia, thùng cơ phận... để rồi đồng bạn đứng dưới tiếp sức mang chạy biến vào trong ngõ hẻm... Trong lúc đó, những người khác đồng chúng đưa mắt nhìn không thắc mắc, có khi còn khen ngợi y như một anh chàng vô chính phủ: «Ăn cắp của Mỹ không phải là ăn cắp!». Người Mỹ không cần chúng ta cãi dùm vì họ phải biết biện hộ bằng cái gì, kể cả việc biện hộ trong khi một tay cầm trái bom nguyên tử, một tay mang khẩu M16, ngón tay đề vào cò.

Hình như người lính Mỹ trước khi đi viễn chinh cũng đã được huấn luyện một chừng mực nào đó về cách đối xử với dân bản xứ — Và về phía người Việt, những thành tích mở trường học, tập hợp quần chúng thành đoàn thể để ghép vào kỷ luật quốc gia, những thành tích đó cũng chứng tỏ được mối quan tâm của người cầm quyền đối với việc cần thiết cho đám dân chúng dưới tay hiểu biết đúng, hiểu biết đưa đến hành động hợp lý. Nhưng rõ ràng tất cả những cố gắng của hai bên đều không đủ để cải chính tình trạng hỗn loạn,

bệnh hoạn xã hội mà mọi người đang chứng kiến.

Cai trị không phải là đề nói chuyện đạo đức trống rỗng mà đạo đức cũng không phải được hiểu một cách trừu tượng, mơ hồ. Đạo đức trong nghĩa thực dụng của nó là hình thức nào của hành động đưa đến được sự an bình tập thể. Hiểu theo nghĩa đó, nhà cầm quyền không cần nêu đạo đức như một tiêu chuẩn riêng biệt «giữa trời» mà phải chăm chú vào kỹ thuật giáo dục để đem «hành» tiếp theo «tri» và đưa vấn đề kỹ thuật lên đúng tầm mức quan trọng của nó. «Không ăn cắp», «cần phải có lòng nhân ái», «tứ hải giai huynh đệ» v.. v.. Chẳng hạn, các khẩu hiệu này nếu chỉ được đọc lên một cách hờ hững, cho rồi thì kết quả hẳn là không đi đến đâu như đã thấy. Phải có *những cách* làm cho chúng chui vào óc người nghe, phải tạo hoàn cảnh để tiếp nhận chúng, phải tìm cách trông chừng sự thực-thi chúng cho đến kết quả tốt...

Tiến trình giả định như trên không phải chỉ đề dành cho thời kỳ tôn trọng kỹ thuật cao độ như ngày nay. Hãy xem sự phát triển Khổng-giáo như một lẽ lối chiếm giữ chính quyền thì đủ biết. Khổng-khâu, Mạnh-kha dừng lại ở phạm vi lý luận trừu tượng nên nếm đủ mùi thất bại trong khi bọn Pháp gia đi vào kỹ thuật tổ chức quốc gia, kết tập quần chúng, dẫn đến thống nhất Trung-hoa. Khổng-giáo chỉ vươn lên địa vị của một mẫu mực cầm quyền khi bọn Hán nho biết dùng mớ lý thuyết tôn quân, hiếu lễ, đem dạy dỗ đám dân dưới tay tuân phục người

cầm quyền, tôn trọng trật tự đã an bài.

Sự thất bại của Khổng-khâu cũng là thất bại của Jesus mà sự thành công của bọn Pháp gia, Hán nho cũng cùng một lối với con đường của thánh Pierre thánh Paul và Giáo hội la mã đã vạch cho Thiên Chúa Giáo ở phương Tây.

Thực ra không phải các đệ tử, những người đi sau đã phản bội hay lợi dụng thần tượng tiền bối, thánh sư, giáo chủ của mình. Một tư tưởng lớn phải bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau mà công cuộc nhập thể còn tùy thuộc vào «cơ duyên» lãnh hội, khả năng và hoàn cảnh khác nhau của những người nối tiếp. Thiếu cái thất bại — vì quá lý tưởng — của những kẻ mở đường thì tư tưởng thiếu sự bao quát và thiếu tầm thước cho sự uyển chuyển cần thiết để giải thích một khi va chạm với thực thể. Mà thiếu những tay đem «khế hợp» lý thuyết vào cuộc đời thì mớ tư tưởng kia không truyền đạt đến quần chúng hoặc sẽ rơi chìm vào quên lãng, hoặc sẽ trở thành một mớ bùa chú lộn xộn của các tay buôn thần bán thánh.

Trong hình thức cụ thể của các tư tưởng lớn ngày xưa đang nắm vai trò hướng dẫn quần chúng bây giờ là các «đạo», các «tôn giáo», thì khía cạnh xuất thế tức là phần lý-tưởng kia và khía cạnh nhập thế là cả cái cơ-cấu tổ chức chẳng chịt theo đủ thứ hệ thống dọc, hệ thống ngang dùng để nắm vững linh hồn tín đồ đó. Phải đào tạo những kẻ trung gian — hay có những kẻ tự tạo ra

tính chất trung-gian đó, đề khi cần thiết thì thiên về bên này hay bên nọ mà điều khiển hệ-thống. Cho nên, ngoài Ngôi thứ nhất, Ngôi Lời, còn có Ngôi Hai, Ngôi Ba, ngoài Phật, Pháp, có Bồ tát, Tăng. Và lớp người trung gian này thật quả có đủ một « âm giai » với vô vàn mức độ tiêu biểu làm vai trò nối kết : Bồ tát là Phật-chưa-thành, không phải vì không đủ khả năng, nhưng vì còn muốn lưu lại tính chất trần thế để độ kẻ còn trầm luân (nói một cách khác, đây là một loại « cán bộ quốc tế » được trưng bày để đem lại ngưỡng vọng, tin cậy cho quần chúng). Nhưng những người này còn là những ý niệm kết tinh, các bậc tăng ni mới là đại diện cụ thể của Phật trên cõi đời này, có thể ngắm nhìn, sờ mó được và cũng có thể chỉ bới được nữa. Cái Pháp nằm trong tay những người này, được giải thích theo lời những người này nên thật cũng có nhiều loại tăng ni mà hình thức bà con xa cách nhất là các ông « đạo » đang gây sôi rỗi ở miền Nam chẳng hạn. Cũng vậy ta mới thấy có Thiên sứ Mahomed và những người kế tục muốn thống nhất thế giới dưới vó ngựa Ả-rập, có Thiên-vương Hồng-Tú-Toàn phản-Thanh-phục-Minh để lập Thái bình Thiên-quốc. Cũng vậy ta mới thấy có sự phân hóa hướng nhiều về phía tục thế của Thiên chúa giáo đưa người Linh-mục độc thân bắt buộc chuyển qua — hay đang đòi hỏi để được chuyển qua thành như người Mục sư có gia đình.

Chiều hướng tục thế của những người trung gian này dễ nhận thấy nhất trong vai trò của người cán bộ thời bây giờ. Thành thử, dưới nhiều bộ áo khác nhau, lớp cán bộ cũ, mới đều nhắm mục đích giáo dục sao cho tín đồ tuân theo luật đạo, không « lạc đạo », sao cho dân chúng hiểu biết đường lối chính phủ, sao cho quần chúng thấm nhuần đường lối của Đảng... đề cử xử với những người khác, với nhau hướng theo một trật tự mong muốn xây dựng trên sự rối loạn tạm thời cũng phải. Độc quyền giáo dục từ đây phát sinh ra các thứ quốc giáo các khu vực học đường riêng biệt cho tôn giáo, chế độ độc-Đảng, các tòa án Inquisition, các vụ đốt phù thủy, các lời công kích « tà Đạo », những vụ thanh trừng... Rồi để phá các độc quyền ấy, các tập thể chống đối cũng dùng một thứ độc quyền giáo-dục theo chiều hướng khác, huấn luyện đảng viên, tín đồ... tin theo các lời sấm đời đời, các triệu chứng đảo lộn, các luận lý cách mạng...

Và đặt vấn đề kỹ thuật trong một thế giới « có hai phe » như hiện nay chúng ta vẫn còn chịu ảnh hưởng nặng nề nhất thì giáo-dục tưởng có thể khoác hai hình thức khác nhau: giáo dục công dân và giáo-dục quần chúng, không phải hai hình thức độc nhất, vì còn có những biến dạng thứ hạng mà chỗ giao thoa là các xứ ở khu vực đệ tam.

Đối với các chính quyền tư sản, danh từ « người công dân » được hiểu như là một hãnh diện của chủ nghĩa tự do, thứ tự do cá nhân có lúc tưởng

như là không giới hạn. Trong khung cảnh «tự do» đó, người công dân được hấp thụ một thứ giáo dục phi-chính-trị, và cho rằng mình tự có trách nhiệm về sự chọn lựa đời sống của mình, kể cả sự chọn lựa phủ nhận chế độ đang nuôi dưỡng cái không khí tự do này. Vài thế-kỷ qua, người công dân » thuộc tầng lớp tư sản kinh doanh hay quý tộc còn sót lại đã chuyển hóa một phần. Nhưng tuy chế độ tư sản phủ nhận cuộc Cách-mạng của Mát-xít, cuộc Cách-mạng cơ-khí với sự phát triển báo chí và hệ thống truyền thanh, truyền hình vẫn đưa đến kết quả là mở rộng sự thông đạt kiến-thức, sự đối thoại giữa các tầng lớp dân chúng, lan xuống cả những người còn sót lại ở giai tầng vô-sản. Người công dân thị thành lúc trước bây giờ là người nông dân, người ngoài phố, người bình dân của các » ngã tư quốc tế »...

Nhưng sự phổ biến rộng rãi các phương tiện thông tin, truyền bá mới này đã có bằng chứng không đi đôi với sự phát triển khả năng phán đoán của dân chúng. Hình như chính sự tự do, hiểu như một giới hạn ngập ngừng, âu lo, đã có trách nhiệm trong sự tiêu diệt trí phán đoán, căn bản của tự do đó : người tiêu thụ choáng váng trước những cách thể hấp dẫn của nền quảng cáo thương mại đưa ra quyến rũ, đám dân chúng bình thường vướng víu trong ý niệm tăng-tiến tư-sản, ngạc nhiên rồi lại loay hoay trước những luận cứ của một cuộc tranh chấp phe phía về một vấn đề chính-trị, thời-sự nào đó mà mỗi phe — bằng vào các thể

lực tiền bạc, làm hậu thuẫn, đều đã sử dụng những kỹ thuật tinh vi lôi cuốn quần chúng về phe mình để áp đảo quần chúng đối nghịch. Từ đó cuộc sống tự do đáng lẽ được hướng dẫn đến sự an lạc lại trở thành [một cuộc sống đi dây, bấp bênh, đau khổ mà có những con bệnh sa-dịch đua nhau cò võ.

Tất nhiên đa số bình thường đã không nhận chịu quan niệm khoái lạc trong đau khổ đó nên họ hoặc dễ chiều theo không suy nghĩ những luận cứ đống-hộp, có sẵn của những người hướng dẫn hấp dẫn họ bằng một phương cách tình cờ nào đó. — Khi họ nghe một đoạn tin radio, xem một khúc phim truyền hình kích động, đọc một mẩu báo có nhiều người bàn tán theo một chiều hướng... (sự lôi cuốn có vẻ tự nhiên này không dễ gì nhận thấy lạ : có những người thuộc thành phần gọi là «tru tú» vẫn gọi nền giáo dục không đặt vấn đề thắc mắc về giá trị chế-độ là thứ giáo dục phi-chính trị — trong ý nghĩa chấp nhận là không làm chính trị (hoan hô thần phục !» còn chống đối là «làm chính trị» (lừa đảo, xấu xa !).

Đa số bình thường có khi mệt mỏi không theo dõi nổi cuộc tranh luận, hoặc thấy bất lực không hành động gì trái lại được, nên trở thành đứng đưng, bồng bênh trong các cuộc tranh chấp và khi bị xáo trộn đe dọa thì lại có khuynh-hướng bảo-thủ, ưa trật-tự có sẵn — cho dù có lúc họ đã không bằng lòng trật tự ấy. Đa số do sự trì trệ giáo dục đó vừa mới

được gọi là «đa số trăm tưng» để sử dụng làm đòn công phá khuynh-hướng phản-đối. Và sức nặng của đa số trăm lạng có thể lợi-dụng được này khiến cho một chừng mực bao dung được buông thả trong xã-hội tư-sản, của «thế giới tự do», nơi có các trò chơi kiến thức đối kháng (nên phân biệt : sự tự do quảng cáo thương mại và một chừng mực tự do chính trị nói trên chẳng hạn có nguyên nhân là sự phân-hóa vô-ý thức của xã-hội tư-sản, còn sự bao dung nói ở đây là một ý-thức thường đem lại hãnh diện nhất cho những người bên vực thế-giới tự-do).

Gọi là «trò chơi kiến thức đối kháng» vì cũng có một giới hạn được định rõ. Một anh Công-giáo cấp-tiến nếu chỉ phát biểu ý kiến về hòa bình thôi chẳng hạn thì có thể vững tâm mà tiếp tục nhờ sức nặng đoàn thể phía bảo thủ, phía anh ta chống đối, sức nặng tạo nên thành kiến : «hắn ta Công giáo, không Cộng sản đâu — hắn ta chỉ tung đòn đề nôi danh — hắn ta chơi trò trí thức làm dáng đấy ! »

Sự hiện diện của các đảng Xã hội và Cộng-sản trong các nước tư-sản Tây-phương cũng là một minh chứng khác. Các nước này có cơ-cấu đủ vững vàng để chấp nhận kẻ lăm le lật đổ mình, tụ tập trong một tổ chức mà không sợ hại lây đến căn bản chế-độ. Quả vậy, người đảng viên Cộng-sản ở đây đã không đủ quần chúng tập hợp để vận dụng kỹ thuật tuyên truyền thông thường của họ.

Ưu-thế chỉ có trong các nước Cộng

sản, nơi mà những người Mác-xít đề tam bắt buộc quần chúng huấn-luyện theo một chủ-thuyết rõ rệt, bắt buộc học tập để chấp thuận một đường lối rõ ràng, cập-nhật-hóa, đường lối của một Đảng duy nhất lãnh đạo quốc-gia. Nền nếp huấn-luyện đã có từ ngày Đảng còn trong bí mật, lại được lan rộng từ ngày Đảng nắm quyền. Nhìn chung, đây là một lễ lối giáo-dục được nghiên cứu đến tỉ mỉ từng chi-tiết, phối hợp bao gồm cả những kỹ-thuật từ thô-sơ thủ-công đến những phát-minh tối tân nhất của khoa-học sinh, tâm, lý, hóa. Từ lối tuyên truyền rì tai hiệu-nghiệm vì tính chất kín đáo, thân mật có tác dụng mạnh và vững, qua lối áp dụng tổ chức liên-gia của Thương-Uởng đời Tăn hay các tổ chức nông-trường, công-trường của thời-đại mới cốt tìm những đơn-vị thông-tin giao-cảm nhỏ hơn, khác hơn đơn-vị làng xóm cũ với tác dụng gây môi-trường kết-tập mới. Không phải chỉ có sự thuyết-phục có vẻ dửng dưng qua cái ba động âm-thanh nơi các ống loa, máy truyền thanh... mà còn có một không khí đe dọa để xóa sức phản-kháng cho người đối-thoại dễ tiếp thụ và còn có sự lặp đi lặp lại để nhồi nhét kiến-thức, tin-tưởng vào đầu người nghe nữa...

Các loại «công dân» trưởng-giả, thượng-lưu, tiểu-tư-sản, không được trọng vọng nữa vì người ta đã chấp nhận một quan-niệm khác về giá-trị con người, trong đó một lúc nào đó của giai-đoạn mới, người ta không coi họ có chút quyền-hành nào, tệ hơn, không là con người nữa. Mới kiến-thức

các công-dân kia thường hãnh-diện và đã gây mặc-cảm tự-ty ở các tầng lớp nghèo khó, không còn có chỗ bám trong bậc thang giá-trị mới. Còn đám người khốn khổ từng bị gạt bên lề xã-hội cũ cũng không thể một sớm một chiều giành lấy quyền thống-trị được. Họ phải học-tập để gột rửa những dấu vết của xã-hội cũ đã thâm nhiễm nơi mình họ. Họ phải học hỏi để biết điều khiển xã-hội mới, thay thế lớp thống-trị cũ. Phải học hỏi, mà học hỏi gấp rút... Nghĩa là tất cả đều phải bắt đầu trở lại, với ưu-thế tiến-bộ dành cho người vô-sản công nông.

Chính cái ý-nghĩa «trở lại từ mức khởi hành» này mà chữ «quần chúng» dùng chỉ định cho cách-thể giáo-dục trong xã-hội Cộng-sản có thể bị những kẻ chống đối gán cho một ý-nghĩa xấu, thấp kém: quần-chúng được hiểu như một tập hợp dân chúng ô hợp, tuân theo một thứ định-luật hợp đoàn động vật, một lũ cừu Panurge không có lý trí, không có óc phán đoán riêng tư, chỉ nhắm mắt hành động theo kẻ đầu đàn. Tất nhiên người Cộng-sản không chịu nhận cái nghĩa «quần chúng» đó. Đeo đuôi làm cách-mạng giải-phóng con người, họ không chịu «bắt đầu» có nghĩa là thấp kém. Khóa bằng tất cả để bắt đầu không phải là trở lại con số không văn hóa: Lenine vẫn nhìn nhận giá trị nhân-bản của tư-tưởng tư-sản Âu-châu, giá-trị từ đó đã thoát thai ra chủ-nghĩa Mác, làm căn bản cho tư-tưởng cách-mạng vô sản. Và quần chúng, theo thực-tế giáo-dục của người Cộng-sản, không phải bắt đầu từ đám đông ô hợp mà là từ những cái nhân «quần-chúng ưu-tú nông cốt» từ đó tư-tưởng nhân-bản mới lan rộng dần ra, chuyên-hóa

thành hành động cách-mạng. Trong tiến-trình sinh-hoạt tập-thể đó, lễ lối sinh hoạt phê và tự phê là phương cách xác đáng nhất để biến đổi con người từ xấu ra tốt.

Từ mệnh-đề tiên-khởi «kinh-tế là quan trọng» của Mác, những chuyên biến lịch-sử phát sinh ra các cuộc cách-mạng, đảo chính, bắt buộc nâng mục-tiêu chính-trị lên hàng đầu: giáo-dục quần chúng tiên vàn là giáo-dục chính trị, bắt buộc, không dấu diếm như trước kia, như nơi khác. Bởi vì rõ ràng câu chuyện các ông tiên Xiên giáo, Triệt giáo tung phép yểm trợ các phe phái, việc bói toán trước khi ra quân... là những ngón đòn tâm-lý-chiến, kích động tinh thần quân đội ngày xưa. Người tuyên-úy chăm sóc linh-hồn lính tráng, nhắc nhở đọc kinh, xem lễ, ban phước lành, làm phép khẩu súng... có vẻ như đang đóng một vai trò phụ thuộc ngoài nhiệm vụ chính của quân-đội, trong khi người chính-trị-viên cộng sản lồng sinh hoạt Đảng vào sinh hoạt đơn-vị, quyền hành khuynh-loát cả người đơn-vị trưởng, nhất là trong thời kỳ tương-quan vũ-khí chênh lệch đã để ra quan-niệm Quân-đội nhân-dân: «tinh thần mới là quan trọng, vũ khí chỉ là thứ yếu»!

Mục đích phục vụ cấp thiết đến như vậy nên các loại văn-nghệ ca tụng cá nhân, được gọi là phi chính-trị, vi nghệ-thuật, hay văn nghệ chống đối đều không thấy bóng dáng xuất hiện an lành dưới chế độ Cộng sản. Chỉ có văn nghệ ca tụng lập trường giai cấp, văn nghệ thúc đẩy sản xuất, hô hào chống đế quốc, văn nghệ tô hồng cho chế độ... mới là văn nghệ chân chính, chính thức. Trường học — các địa điểm giáo dục cũ-diền cũng rời bỏ khuôn nếp «lạc hậu» cũ. Quan-niệm về «công dân» đã khác

thì giờ «Công-dân giáo-dục» cũng không là khoảng thời gian để dạy những nguyên-tắc lý-tưởng bèn-bồng, nguy nan dưới các danh hiệu tốt đẹp đẹp «vĩnh cửu», «muôn đời», «phổ quát»... mà lửng quên đi tính chất giai đoạn thực tế sát sao với kế-hoạch phát-tr ền chung. Ông này công-dân sẽ không phải ngưng ngáp khóa lấp các thắc mắc của học sinh khi phải giảng dạy về lòng yêu nước, bốn phần phải đi lính, tôn trọng luật pháp... trong thời kỳ quân đội ngoại quốc tràn ngập nghênh ngang, trong thời kỳ chỉ có mũi súng, còn dao là đáng kể. Ông thầy phải biến giờ Giáo dục công dân thành giờ *chính-trị* công dân, chỉ rõ dứt khoát bạn, thù, đâu là thù phải chống, đâu là bạn phải theo, và theo đường lối nào.

Có thể nói giáo-dục chính-trị có mặt khắp nơi, khắp chốn trong mọi trường hợp, để khuôn nắn quần chúng sinh hoạt theo nhịp gõ của Đảng. Trong tình trạng bao vây như vậy, con người trong xã hội cộng-sản sẽ có những lời nói, hành động, phản-ứng trái ngược lạ lùng đối với thế-giới tự-do mà những người ở phía này không tưởng tượng nổi, đành phải cho là kết quả quái gở của người phù thủy tân thời, tài năng đạt đến chỗ hoán-thai-dịch-cốt, «tày nảo». Cho nên đúng ra không phải là «tuyên truyền rẻ tiền» mà là sự thực—tuy là sự thực mới được chế-tạo—khi tác giả Đào Vũ của tiểu thuyết *Vụ lúa chiêm* đã cho nhân vật của một hợp-tác-xã nông-nghiệp cứ mỗi lát cuộc thì lại nói rằng lát này bỏ võ đầu Hoa-kỳ lát kia phá vỡ mặt cổ T T Diệm (1).

Cái cung cách ăn nói, sinh hoạt gọi là giả tạo do lẽ lối giáo dục đó tạo ra, chúng ta cũng thấy xuất hiện ở phía bên này dưới một khía cạnh khác. Giữa cách phát biểu của một anh cán bộ nông trường: «*Đặc tính của chúng ta là chuyển từ thôn quê về thành thị,*

từ cách lao động bằng tay đến cách sản xuất khoa học, công việc chúng ta rất gấp rút. tôi hỏi cô muốn gì: tôi đang bận» (2) và lối xưng đọc tác phẩm của một cô gái tỉnh lẻ miền nam «*Bờ sông lá mực của Y Uyên, một người năm xuống*» (1)

(1) Hoàng ngọc Thành, *Tiểu thuyết Miền Bắc*, 68. Nếu đứng về một quan điểm phê bình nghệ thuật nào đó thì có thể coi «*điều này làm giảm bớt giá trị văn chương của tác phẩm rất nhiều*», nhưng ngay trong quan điểm sử-học, coi các tác phẩm này như một loại tài liệu lịch sử thì phải thấy chuyện kể đó là một bằng cứ lịch sử đích xác của những con người đang sống trong một chế độ nhất định, trong một giai đoạn nhất định của chế độ ấy. Ông Hoàng hình như ở Lk5 nhưng chắc là đã ở địa vị thầy giáo nên không biết đến chuyện đùa có dấu vết phê phán nhân vật của các học-sinh và thiếu niên thời ấy: cứ thăng bé nào hơi mập mập, «*bơ sưa*» một chút là chúng bạn gọi ngay Vĩnh Thụy, Bảo đại, Bô-la-e, Trần văn Hữu... tùy theo các năm 1948, 49, 50...! (mà ai cũng biết những năm đó chưa phải của thời kỳ giáo-dục chính-trị!)

Chuyện kể trong tiểu thuyết đứng một mình không thể là một sử kiện, mà chỉ có thể giải thích bằng những sự kiện khách quan hơn, ví dụ như là kinh nghiệm sống của người khác, thái độ sáng tác quan điểm lịch sử của tác giả biểu lộ qua tác phẩm... Khi các tác giả miền Bắc viết văn hoan hô công nông, chê bai tiểu tư sản, muốn cuộc võ đầu để quốc... thì sự thực chứng tỏ thời đại đòi hỏi xảy ra như vậy (và do đó, có thể xảy ra ở một chừng mực nào đó) mà tác giả qua những thời kỳ cải tạo t - tưởng, đã thành thực tin như vậy là đúng. Ai đã trải qua những kỳ chỉnh huấn với nỗi vất vả bản thân do lẽ lối phê và tự phê nội công ngoại kích đến quên ăn, quên ngủ, quên chuyện xảy ra trước mắt... thì đều có thể hiểu được điều trình bày ở trên đã gọi là «*sự thực*»—sự thực tuy mới được chế tạo ở vùng cộng sản nhưng được tin tưởng một cách thành khẩn, thiết tha.

(2) sđd, 100, trích tiểu thuyết những người thợ mỏ của Võ huy Tâm.

ở Nora», chúng ta không thấy có gì khác nhau ở tính chất vẹt. Nhưng con vẹt văn nghệ tuy làm khó chịu còn lưu lại cho người nghe chút tự tôn để có thể bỏ qua, chớ liệu hồn, con vẹt chính trị có đủ uy quyền cho anh điều đứng nếu anh muốn cười hần. Từ sự khiếp hãi đó mới có những chế độ sâu cay độc địa nơi các câu chuyện khôi hài đen về thế-giới đỏ, mới có những thù ghét ghê gớm trút cho các con vẹt chính trị.

Nhưng chê bai thì chê bai, kết quả của lẽ lối giáo dục đó vẫn đem đến cho những người ở bên này lẫn mức một sự thán phục có khi làm chuyển hướng cả tư tưởng họ để phải phát sinh ra câu mắng mỏ: «Ăn cơm Quốc gia, thờ ma Cộng sản». Đồi thay thật là dễ hiểu khi người ta chỉ nhìn thấy kết quả tạo thành mà không phải kinh qua những thí nghiệm chua xót của chính bản thân để đạt được kết quả ấy. Lối sống 24/24 giờ trong một ngày, trải qua sự rèn cặp gay gắt để xua đuổi cái «xấu», đem về cái «tốt» khiến cho những người công dân cộng sản nếu phải rời bỏ vùng đất đỏ, sau một thời-gian bàng-hoàng vì đồi thay, lại biết tiếp tục nếp sống được đào tạo lúc trước — nếp sống có khi chỉ là cưỡng ép, để đem lại thăng tiến cho bản thân mình.

Cái lối «thấy người ta ăn khoai cũng vác mai chạy quấy» cũng thấy cả ở những người chống đối tận tình. Một chính-sách khủng bố trắng thay thế khủng bố đỏ cũng xài lại chữ nghĩa của đối-phương: «tổ cộng» thay thế «tổ khò». Lần lượt, Tết Mậu-Thân

xong, ta có danh từ «Bộ Chỉ huy Tiền phương», an bình giả trá ở thôn quê cho xuất hiện các chính sách «tự quản, tự phòng», «thu mua»... (làm như đã trừ tiệt được hệ-thống mua lúa non của tài-phiệt Chợ-lớn vậy!). Những tập hợp quần chúng hoặc chỉ bày ra cho có hình thức, hoặc để kiểm soát nhau theo quyền lợi phân chia mà không đặt nặng vấn-đề giáo-dục nên hoặc có tiếng mà không có miếng, bồng bênh dễ tan rã, hoặc có phản ứng vô giáo-dục trái ngược lại: Phong-trào Cách-mạng Quốc-gia, cột «truyện dài N D T V» trên các báo là những bằng cứ.

Sống luôn luôn với những vấn đề nghiêm chỉnh, đứng đắn (dù quan-điểm chính-trị có thiên lệch đi nữa, những vấn đề chính-trị đúng nghĩa thiết thân với nhân-quần, xã-hội cũng vẫn mang tính chất đứng đắn, nghiêm chỉnh), người dân cộng-sản trung bình một khi thoát ra ngoài những ràng buộc của chế-độ cũng còn những luận-cứ khuynh loát những người trung bình của xã-hội bên này vốn hay tránh né «chính-trị» để dừng lại ở những vấn đề cơm áo, ăn ngủ và do đó có khi cũng đem lại kinh ngạc cho cả những người có mực độ kiến-thức cao hơn, đã thu lượm được từ những lời giảng dạy ít hay nhiều cũng có tính cách trừu-tượng, lý thuyết ở nhà trường. Xa thì có thể lấy làm ví dụ trường hợp của viên Trưởng phòng Thương mại Kravchenko, gần thì có thể lấy trường hợp của đám dân vùng kháng chiến ở lại hay chạy về thành khi chia cắt đất nước.

Không mang cái tự kiêu cá-nhân có

căn bản của nền giáo dục công dân, lại cũng không phải chịu áp lực đòi thay từ số đông của nền giáo dục quần chúng, chúng ta thấy xuất hiện một thứ xã-hội «tiểu trí thức» tiêu biểu của thời kỳ hỗn loạn. Chử dùng không phải để ám chỉ bóng dáng trái lại của một thứ xã hội «đại trí thức» mà người ta sẽ dễ dàng gán ghép vào một loại xấu xa có sẵn tên : trí thức khoa bảng, trí thức whisky, trí thức chồn lùì... Bất lực trước sự phân hóa chung của xã-hội vì một đường lối quốc gia không đứng đắn, người ta đã gán ghép cho trí thức khoa bảng nhiều khả năng quá đáng để thay họ ra tài «kinh tế» cho họ hưởng thụ, rồi thấy không nên việc, họ chửi rửa tục tằn trí thức bằng những luận cứ của cả Cộng sản — mà lạ kỳ thay không thấy có ở Cộng sản (tên cộng-sản nào nói cụt ngắn : «trí thức không bằng cục phân»?). Viên bác sĩ, kỹ sư, giáo sư.. của thế giới Cộng sản phải chịu phê và tự phê, nhưng đám quần chúng lao nhao phê bình đó đâu có phải nói «không đường

lối»! Đẳng này, như đã nói, chúng ta phải sống trong một thời kỳ hỗn loạn, không ai chịu ai, mỗi người là một thế giới tự tôn riêng biệt không cho ai xâm phạm tới — nhưng lại sẵn sàng lẫn lút nhau. Ngôn-ngữ sử dụng để bảo vệ thế-giới ấy dựa vào tính chất tiêu xảo của luận-lý chủ quan, của danh-từ quanh quèo. Như đã nói, thay vì hoặc nương tựa vào nền tảng vững chắc của xã-hội đang dung chứa, người ta tự cải-tiến bản-thân để mang lại ích lợi cho cá nhân mình, hoặc chịu sự cọ xát, va chạm với những cá nhân khác để đòi thay, tiến bộ đồng đều, — hay mong muốn đồng đều, người ta lại kèn cựa nhau, xâu xé, tung nọc độc cho nhau như một bầy bồ cạp nhốt chung giỏ.

Ở một xã-hội như vậy, nền giáo-dục quần chúng không có đã đành mà giáo dục công dân cũng không có nốt.

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

28. 3.71

Bạn đã từng đói xanh mặt giữa một thành phố mà đô-la rơi rớt đầy đường?
 Bạn đã từng sống để vương giữa một quận lỵ cần cỏi?
 Bạn không thể không tìm đọc :

MỘT LẦN VỀ THĂM

truyện của TRẦN-ĐÌNH-THÁI do HUỲNH-VĂN-TI.Ứ xuất bản

- để thấy tâm trạng bời bời của người trẻ trước cuộc sống hôm nay
- bản thường 100 đồng, — bản ân nhân : tùy theo người mua.
- các bạn muốn có sách tặng xin gửi 20 đồng tem về Hộp Thư 84 Qui-Nhơn, tác giả sẽ gửi sách tặng theo lối bảo đảm.

Phong trào phản chiến tháng 5 tại Hoa-Kỳ

Cách đây đúng một năm, quyết định can thiệp tại Kampuchea của ông Nixon đã mở màn cho nhiều cuộc biểu tình đổ máu của phe phản-chiến trên khắp lãnh thổ Mỹ. Phong-trào phản chiến tháng 5 năm ngoái đã làm cho cả xã-hội Hoa kỳ lung lay và làm cho chính phủ Mỹ nao núng. Vì vậy mà ông Nixon đã cố gắng dập tắt mầm nổi loạn của phe phản-chiến trong suốt năm qua.

Tháng 5 năm nay lại là một dịp để phe phản-chiến mở một phong-trào biểu-tình phản-đối chiến-tranh ở Việt-Nam. Lần này ông Nixon nhất định dứt khoát với họ. Tổng-thống Hoa-kỳ lại càng có thái độ cương quyết và cứng rắn hơn khi mà chỉ còn có một năm rưỡi nữa là Hoa-kỳ tổ chức bầu cử Tổng-thống. Hơn nữa địa-vị của ông Nixon giờ đây vững hơn trước nên ông có thể làm mạnh được. Thật vậy, tình-hình chiến-tranh Việt-nam hiện-thời đã sang sửa hơn năm ngoái rất nhiều và một vài tiến bộ trong bang-giao với Trung-Cộng đã khiến ông Nixon tin tưởng vào tương-lai hơn trước.

Ngoài ra dân chúng đã bắt đầu cảm thấy khó chịu trước một đoàn người bán thiu, dơ dáy từ khắp nước Mỹ kéo tới thủ-đô liên-bang với mục-đích làm tê liệt guồng máy chính quyền. Vì vậy phong-trào phản-chiến tháng 5 đã bị thất bại nặng nề và người ta cho rằng trong tương-lai những cuộc biểu-tình

loại này sẽ không còn tiếp diễn trên đất Mỹ nữa.

oOo

Sau các cuộc biểu tình phản chiến rầm rộ của khoảng 250.000 người tại Hoa thịnh-đồn với sự tham dự của nhiều tầng-lớp xã-hội, nhất là những cựu chiến-binh, người ta thấy phong trào Hippie quyết định khởi sự tranh đấu vào tháng 5. Một ủy-ban 7 người từ Cựu-kim-Sơn tới đã kêu gọi giới Hippie từ mọi nơi trong lãnh thổ Hoa-kỳ kéo tới Hoa-thịnh-đồn để làm áp-lực với chính quyền đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt nam. Họ tự mệnh danh là «bộ lạc tháng 5» (May Day Tribe) và lấy ngày lễ Lao-động quốc tế làm ngày khởi sự hoạt-động. Vì chữ «Mayday» viết liền một chữ là tiếng cấp cứu quốc-tế nên những người trong «bộ-lạc tháng 5» muốn chơi chữ, đã dùng chữ Mayday viết làm một tiếng thay vì là hai. Trước ngày thứ bảy 1.5.1971 họ đã kéo về các công viên ở Hoa-thịnh-đồn và trú ngụ tại các công-viên bên bờ sông Potomac. Theo sự ước lượng của Rennie Davis, một trong những người tổ chức, thì số người phản chiến này lên tới khoảng 50.000 người, trong khi chính phủ ước lượng có khoảng 20.000 người.

Nhóm phản-chiến chủ trương cản trở giao thông tại thủ đô, bao vây các cơ-quan chính-quyền để làm tê liệt

guồng máy Nhà nước. Vì vậy họ đã phát động một chiến dịch du kích rải rác khắp các đường phố và cầu cống chính của Thủ-đô để ngăn chặn không cho xe cộ đi lại. Một số giang tay nhau chắn ngang đường. Một số khác nằm trên mặt đường. Đôi khi họ dùng cả phương pháp bạo động để không cho xe cộ đi lại. Họ tháo gỡ các bộ phận của xe hơi để các xe này không đi được. Họ còn cắt cả vỏ xe của Thượng Nghị-sĩ Paul Fannin thuộc Tiểu-bang Arizona. Nhưng một số lớn hoạt động ôn hòa hơn bằng cách thương lượng với các người lái xe để những người này đi chậm lại.

Tại khu Georgetown là khu lịch-sự nhất của Hoa-thịnh-đốn hoạt động của «bộ lạc tháng 5» lên tới mức độ cao nhất. Tại đây, họ đặt các thân cây chắn ngang đường, họ chất thùng rác thành những chướng ngại vật. Một chiếc xe bị lật ngược được đặt ngay giữa đường phố. Họ còn ngồi trên cao ném gỗ đá và hộp sắt xuống đầu các xe cộ đi lại.

Họ cũng kéo tới bộ Tư-pháp để bao vây bộ này. John Froines, một trong 7 lãnh-tụ phản chiếm, đã đứng trên một bức tường lớn tiếng tuyên bố là «Cảnh sát nhân dân đã chiến được bộ Tư-pháp». Khi đoàn biểu-tình kéo tới Ngũ Giác-đài thì họ vấp phải lực lượng của chính-phủ. Ở đây họ không làm gì hơn được là rải phân gà ra trước cửa Bộ Tổng Tham-Mưu Quân-lực Hoa-kỳ. Hành động rải phân gà nhằm mục đích hạ nhục quân đội. Vì các đại-tá Mỹ đeo lon hình con ó, giống con gà, nên các đại-tá thường được mệnh danh là «chicken colonels». Chicken ngoài nghĩa là con gà còn có nghĩa là nhút nhát

và sợ vợ.

Tại các trại trú ngụ của bộ lạc, người ta được chứng kiến tất cả các cảnh tượng ngoạn mục nhất cũng như dâm ô nhất. Người ta thấy có những thanh niên tóc dài râu rậm. Người ta thấy những bộ quần áo lỗ lãng bạc màu hay rách tả tơi. Người ta còn thấy những thiếu nữ trần truồng tự do đi lại, những cặp mắt lơ đãng say khói thuốc cần sa. Một mùi hôi thối nồng nặc đã bao phủ tất cả những cảnh tượng man rợ này.

Cảnh-sát-trưởng Hoa-thịnh-đốn Jerry V. Wilson đã cho phép họ được trú ngụ tại các công viên phía Tây sông Potomac với điều-kiện là họ không được sử-dụng cần-sa. Ban tổ-chức của bộ-lạc cũng đã cam đoan với Wilson như vậy. Nhưng ngay sau đó người ta thấy khói thuốc cần sa nghi ngút bốc lên từ các công viên nên Wilson đã quyết định đàn áp.

Thật ra thì ngay từ lúc đầu Tổng-thống Nixon đã ra lệnh cho Bộ-trưởng Tư-pháp John Mitchell phải thẳng tay đàn áp các cuộc biểu tình của «bộ lạc tháng 5». Trong suốt ngày thứ bảy 1-5, Thứ-trưởng Tư-Pháp Richard Klein-dienst đã chủ tọa một phiên họp để bàn về chiến lược giải tán đoàn biểu-tình. Chính-phủ Hoa-thịnh-đốn quyết định rút giấy phép cho trú-ngụ tại công viên và quét sạch bộ lạc vào sáng chủ nhật 2. 5.

4000 lính nhảy dù và 2000 lính thủy quân lục chiến đã được huy động để trợ lực với Cảnh sát Hoa thịnh-đốn. Cảnh-sát-trưởng Wilson ra lệnh bắt giam tất cả các người nào ăn mặc kiểu hippie và khỏi cần trát của tòa-án. Trước kia bắt một công dân Hoa kỳ đòi hỏi những thủ-tục hành-chánh rườm-rà và ít nhất

trát tổng-giam của biện-lý-cuộc. Nhưng từ khi Mục-sư Luther King bị ám-sát nhiều vụ lộn xộn đã xảy ra khiến các cơ-quan tư-pháp trở tay không kịp vì trong vòng 10 ngày nhà chức-trách Mỹ đã phải bắt giữ tới 7.650 người. Từ đó người ta đã giản dị-hóa thủ-tục bắt giữ rất nhiều. Hiện thời theo thủ-tục mới, mới khi bắt giữ một công dân thì cảnh sát chỉ cần làm một biên bản đã in sẵn để điền vào tên viên cảnh-sát bắt và tên người bị bắt. Sau đó người ta chụp một cái ảnh viên cảnh sát và người bị giữ để dính vào hồ-sơ giải tòa là đủ.

Cảnh-sát-trưởng Wilson quả quyết rằng những biện-pháp này là do chính ông quyết định nhưng người ta thấy ông luôn luôn tiếp xúc với Thứ trưởng Tư-pháp Donald Santarelli và các viên chức cao cấp của Bộ tư-pháp Chính Bộ-trưởng Tư pháp John Mitchell cũng đứng trên bao lơn từng lầu tư của bộ để kiểm soát cuộc hành-quân cảnh-sát. Vì vậy nếu các biện pháp bắt giữ công-dân Mỹ mà không có án-lệnh của Tòa-án có bị phe đối lập chỉ-trích là vi luật và vi-hiến chăng nữa thì chính nội các của ông Nixon cũng đã công khai lãnh nhận trách-nhiệm.

Kết quả của cuộc hành quân cảnh-sát ngày 2-5-1971 là 7200 người đã bị bắt ngay trong ngày đầu, và sau 4 ngày hoạt động để tái lập trật tự, số người bị bắt giữ đã lên tới 13.400, trong đó có cả ba lãnh-tụ của « bộ-lạc » là John Froines, Rennie Davis và Abbie Hoffman ngày 3-5 khoảng 1200 người kéo tới điện Capitol, trụ sở Quốc-hội, để đòi hòa-bình, một người đã thoát y trước cơ-quan lập-pháp. Nhưng ngay sau đó họ

đã bị giải tán và 1146 người đã bị bắt giữ.

Vì số người bị bắt lên cao tới mức chưa từng thấy trong lịch sử Hoa-kỳ nên các trại giam không đủ chỗ để chứa họ. Chính-phủ Mỹ đã phải dồn họ vào các trại tạm giam, các sân vận động. Có sân vận động đã chứa tới 2000 người chồng chất lên nhau. Tại các nơi này, họ lại tiếp tục cuộc sống ồn ào hỗn loạn. Người ta thấy những người tóc dài, râu rậm mặt mũi, vừa đói vừa rét mà còn hô các khẩu hiệu ủng hộ Cộng-sản. Cùng một lúc với những câu « Hồ chí Minh sẽ thắng » người ta thấy có những người thanh niên run rẩy đi xin một điều cần xa để hút cho hạ cơn nghiện và những thiếu nữ đi xin một viên thuốc ngừa thai để chuẩn bị cho buổi tối ngủ trong trại giam.

Đám người bị bắt đã dần dần được trả tự do để hậu cứu. Mới đầu cảnh sát bắt họ phải nộp 250 Mỹ kim mới thả. Sau cảnh sát hạ số tiền này xuống còn có 10 Mỹ-kim. Và sau cùng người ta phải thả không cho họ mà không bắt đóng đồng nào vì một số lớn đã tới Hòa-thịnh-đốn trong túi không có tới một cắc.

Như vậy các cuộc biểu-tình của « bộ lạc tháng 5 » đã không mang lại kết quả mong muốn. Ngay từ 9 giờ sáng ngày hôm 2-5, trật tự đã được tái lập tại Hòa-thịnh-đốn và lưu thông đã trở lại bình thường, 5000 công chức có mặt tại sở ngay từ lúc mở cửa vì họ đã nhận được lệnh đi làm từ 5 giờ sáng. Mặc dầu Ngũ-giác-đài bị bao vây và ngập dưới trận mưa phân gà. Thống-tướng Westmoreland, người bị phe

phản chiến coi là hiện thân của cuộc chiến-tranh Việt-Nam, cũng đã đi bộ tới sở an toàn. Tổng-thống Nixon vẫn tiếp tục mời 88 bà vợ của các dân-biểu và Thượng-nghị-sĩ dùng cơm trưa và người ta thấy không có bà nào tới trễ.

Không những phe phản chiến không làm tê liệt được guồng máy nhà nước mà các hoạt động của họ lại còn có những hậu quả trái ngược. Nếu dân chúng Thủ đô tỏ ra có thiện cảm với các cuộc biểu-tình trước, thì giờ đây họ lại tỏ ra chán chường không muốn trông thấy những đoàn người rách rưới hôi hám tiếp tục làm rối loạn trật-tự nữa. Ngay cả các Thượng-nghị-sĩ có tiếng là bồ câu, chủ hòa, như các ông Mc Govern, Proxmire và Church đều tỏ ra bất bình trước cuộc biểu-tình này vì cả ba ông đều cho rằng những hoạt động của phe phản chiến chỉ làm hại cho các nỗ-lực đi tìm hòa-bình của các ông mà thôi. Trong khi các nghị-sĩ tranh đấu cho hòa bình trong khuôn khổ hợp pháp, thì những người biểu tình lại cố tình chà đạp lên luật pháp và làm rối loạn trật tự để chính phủ có dịp đồng hóa phe phản chiến với những người tội phạm.

Phe phản-chiến còn thất bại nặng nề hơn nữa khi mà ông Nixon đang nắm được ưu-thế. Nếu người ta so sánh cuộc biểu tình năm nay với cuộc biểu tình tháng 5 năm ngoái người ta phải công nhận rằng địa-vị của ông Nixon vào năm nay đã vững hơn trước rất nhiều. Thật vậy năm ngoái cũng vào giờ này, khi quyết định đưa quân Mỹ sang can thiệp ở Kampuchea ông Nixon chưa biết rõ kết quả của hành động này sẽ

ra sao. Ông đã "tổ xā lảng" «và ông đã được. Với chiến tranh mở rộng tại Kampuchea chiến tranh đã lắng dịu hẳn tại Việt-nam. Quân đội Miên sau nhiều ngày lúng túng trước các cuộc tấn công của quân Bắc Việt đã dần dần làm chủ được tình thế. Vì vậy chương trình Việt-hóa đã được tiến triển khả quan đến nỗi vào tháng 2. 1971 ông Nixon đã "tổ" một ván thứ hai tại Hạ Lào hy vọng lược được những kết quả tương tự như ở Kampuchea năm ngoái. Tuy chiến dịch Hạ Lào, vì lý do địa-thể không cho ông Nixon hoàn toàn đạt được mục-tiêu nhưng nó cũng đã cho ông một dịp để thử thách nỗ lực Việt-hóa của ông. Sự thử thách này cho phép ông Nixon tiến thêm một bước nữa trong chính sách rút khỏi Á-châu. Ông loan báo rút thêm quân Mỹ khỏi Việt-nam từ giờ tới cuối năm 1971. Và đầu năm 1972 sẽ chỉ còn có khoảng 200.000 quân đội Mỹ gồm toàn lính nhà nghề.

Hoạt động xuống thang chiến tranh của ông Nixon không phải chỉ giới hạn ở Việt-Nam. Ông lại còn đang cố gắng nhích lại với Trung Cộng để nước này làm áp lực với chính quyền Hà-nội hầu chấm dứt chiến tranh. Nhích lại với Bắc-kinh khiến cho Mạc-tư-khoa e ngại, nên Điện Kremlin chỉ còn cách là tỏ ra thân-hữu hơn với Hoa-thịnh-đốn. Được cả Nga và Trung Cộng «ve vãn», ông Nixon vì đó có được ưu-thế để chấm dứt chiến tranh. Theo đúng truyền-thống chính-trị của Mỹ bao giờ cũng là chính phủ của đảng Dân-chủ khởi chiến và chính phủ của đảng Cộng-hòa ngưng chiến. Trong trận chiến tranh thế-giới và trận chiến tranh Triều Tiên, khi Hoa-kỳ nhảy vào

vòng chiến thì nước này đều có một vị Tổng-thống Dân-chủ. Trận chiến tranh Việt-Nam do Kennedy mở đầu và do Johnson mở rộng, theo đúng truyền thống có thể sẽ kết thúc dưới triều đại Nixon.

Ông Nixon tuy muốn chấm dứt chiến tranh, nhưng ông chỉ muốn chấm dứt trong những điều kiện tốt đẹp. Là một chính khách lão thành, ông biết rằng quốc dân trong một lúc bàng hoàng có thể bất chính-phủ chấp nhận những điều-kiện nhục nhã miễn là chấm dứt chiến tranh, nhưng sẽ không bao giờ tha thứ cho một lãnh-tụ đã chấp nhận những điều-kiện này. Vì biết như vậy nên ông cương quyết chấm dứt chiến tranh mà không mất mặt như vậy thì ông mới có hy vọng tái đắc cử Tổng-thống vào cuối năm tới.

Tuy phe đối lập đồng ý với ông Nixon để dàn áp cuộc biểu tình, nhưng họ đã không ngớt tố cáo chính quyền đã dùng những biện-pháp bất hợp-pháp để giải tán đoàn biểu tình. Họ cho rằng giữ mà không có án-lệnh của tòa-án là vi phạm tự do cá nhân. Giải tán các cuộc tụ họp tức là vi phạm quyền tự do hội họp. Khi cảnh sát phạt người 250 Mỹ kim, người 10 Mỹ kim và người không đồng nào tức là không tôn trọng sự bình đẳng của mọi công dân trước luật

pháp. Nói tóm lại phe đối lập cho rằng đoàn biểu tình đã vi phạm luật pháp để phá rối trật tự và đồng thời họ cũng tố cáo ông Nixon vi phạm luật pháp để duy trì trật tự. Quan điểm của phe đối lập đã khiến cho ông Nixon dễ ăn dễ nói hơn với dân chúng vì giữa hai hành động cũng đáng được chỉ trích chặc chấn là người dân tán đồng việc ông duy trì trật tự dù có phải vi phạm luật-pháp một phần nào.

oOo

Phe phản chiến đã thất bại nặng nề sau các cuộc biểu tình tháng 5 vừa qua. Người ta tin rằng trong tương lai các cuộc biểu tình phản chiến sẽ ít hơn. Nhưng người ta cũng tin rằng ông Nixon sẽ không bắt động sau thắng lợi này mà ngược lại ông sẽ thừa thắng đi xa hơn nữa trên con đường tái lập hòa bình. Ông bắt buộc phải có một giải pháp cho cuộc chiến tranh Việt-nam từ nay tới trước ngày bầu cử Tổng-thống vào tháng 11 sang năm. Và đó chỉ là vấn đề thời gian. Giải pháp này sẽ được ông Nixon công bố không sớm quá cũng không muộn quá để dân chúng còn kịp thời quyết định dồn phiếu cho ông...

TỪ TRI

Tặng phẩm mùa hè

KỶ VẬT CHÚNG TA

Gồm 22 ca khúc chọn lọc trong số hơn 500 nhạc phẩm của nhạc sĩ tài hoa hàng đầu **Phạm Duy**.

Một quà tặng trang nhã, ý nghĩa tượng trưng tình yêu thương và lòng quý mến.

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC

GIA CHỈ MỘT VÉ CINÉ

Bertrand Russell

« Người soi đường cho Hòa bình »

Chỉ một số rất ít văn nhân như Marcel Proust là nhờ một tác phẩm mà lưu danh lại hậu thế, còn hầu hết đều phải viết nhiều, năm sáu chục tác phẩm trở lên, mà muốn viết nhiều thì phải có một sinh lực dồi dào như Balzac, hoặc phải thọ. Một số được Trời hậu đãi, vừa có sinh lực dồi dào lại vừa thọ : Tolstôi, 82 tuổi Hugo và Goethe đều 83 tuổi, gần đây André Maurois cũng thọ ngang Tolstôi. Máy nhà đó đều viết đều đều ít nhất là nửa thế kỷ, lưu lại non trăm tác phẩm. Nhưng thọ nhất thì không ai bằng Bertrand Russell 98 tuổi.

Ông từ hồi trẻ lúc nào cũng mảnh khảnh, chẳng tập thể thao hay Judo gì cả, mà sao sinh lực mạnh mẽ. Cho tới 80 tuổi chỉ có mỗi một lần đau nặng xuyết chết vì bệnh sưng phổi, hồi ông dạy học ở Bắc Kinh. Năm 81 tuổi, ông lại bị bệnh đó nữa, cũng xuyết chết ở Anh rồi cũng lại qua khỏi, hưởng thêm non hai chục năm mà ông cho là quãng đời sung sướng nhất của ông, và điều này mới đáng phục, những dư niên đó lại là những năm ông hoạt động nhiều nhất cho nhân loại.

Trong cuốn *Chinh phục hạnh phúc* ông bảo nhờ sống theo ý ông, bất chấp dư luận, chẳng mặc cảm gì cả, chẳng sợ sệt gì cả, mà đời ông càng về già càng sướng. Đúng vậy. Tám mươi tuổi mà ông chẳng kiêng cử gì hết cứ ăn cho thích khẩu, uống Whisky mỗi bữa, ngậm

ống điếu, hít từng hơi dài, khoan khoái vô cùng. Lại cưới thêm bà vợ thứ tư nữa chứ ! Chính nhờ bà này mà sau ba lần thất bại với ba bà trước, ông đã tìm được tình yêu, cái đam mê thú nhất trong đời ông, và đạt được « cảnh thiên đường huyền bí trên cõi trần, mà các vị thánh và thi sĩ hằng mơ tưởng » như ông nói.

Bà tên là Edith Finch, tổ tiên là người Anh qua Mỹ lập nghiệp từ lâu ; tôi không rõ tuổi bà bao nhiêu, coi trên hình đoán rằng ít gì bà cũng kém ông hai chục tuổi. Ông gặp bà lần đầu tiên vào khoảng 1930 khi bà dạy học ở Bryn Maur (Mỹ). Mười năm sau ông gặp lại cũng ở Mỹ. Năm 1950 trong khi diễn thuyết ở Columbia, họ gặp nhau lại nhiều lần nữa. Tình thân mỗi ngày một đậm thêm và bây giờ hai người thấy rằng xa nhau không được. Edith Finch qua Londres ở cho gần ông, khi thủ tục li dị với bà Patricia xong rồi, ông làm lễ cưới bà, năm 1952.

Hai ông bà dắt nhau đi coi thăm cảnh ở Penbroke Lodge, ở Kew Gardens, đi du lịch Hi Lạp. Tối nào cũng đọc sách lớn tiếng cho nhau nghe, lâu lâu đi coi hát. Những lúc đó họ sung sướng quá, quên hết cả những cảnh ghê tởm trên thế giới, chỉ nghĩ tới hạnh phúc của nhau thôi. Càng sống chung họ càng thấy thị hiếu, tính tình hoàn toàn hòa hợp nhau. Edith không biết gì về triết,

về toán, nhưng biết nhiều cái khác mà Russell không biết; còn thái độ hai người đối với xã hội, thế giới thì giống nhau. Cho nên hạnh phúc của ông mỗi ngày một tăng. «không đoán được tới đâu là cùng» (lời của ông). Ông bảo tất cả những hoạt động của ông từ năm 1950 trở đi đều có bà dự vào. Và vài năm trước khi mất, cho in bộ *Tự truyện*; ông để tặng bà như sau:

To Edith

*Through the long years
I sought peace,
I found ecstasy, I found anguish,
I found madness,
I found loneliness.
I found the solitary pain
that gnaws the heart,
But peace I did not find.
Now, old and near my end,
I have known you,
And, knowing you,
I have found both ecstasy and peace,
I know rest,
After so many lonely years,
I know what life and love may be.
Now, if I sleep,
I shall sleep fulfilled. (1)*

Tặng Edith

Trong bao nhiêu năm dang dăng,
Anh đã tìm sự yên ổn,
Anh đã thấy niềm vui cực độ, anh
đã thấy nỗi lo lắng,
Anh đã thấy sự điên cuồng,
Anh đã thấy cảnh cô độc.
Anh đã thấy nỗi đau khổ hiu quạnh
Nó gặm nhấm con tim anh,
Mà sự yên ổn thì anh tìm không thấy.
Bây giờ ờ già rồi, gần tới cuối đời rồi,
Anh đã được biết em,

Và, biết em,
Anh đã tìm thấy được cả niềm vui
cực độ và sự yên ổn.

Anh đã được biết sự nghỉ ngơi.
Sau bao nhiêu năm cô độc,
Anh được biết thế nào là cuộc sống
và tình yêu.
Bây giờ đây, nếu anh phải ngủ giấc
ngàn thu,

Thì anh sẽ nằm xuống, hoàn toàn
mãn nguyện.

Bài đó là một bài thơ không vần, một bài thơ tuyệt tác, cảm động hơn những bài *Tristesse d'Olympio* của Hugo, *Le lac* của Lamartine, *Souvenir* của Musset. Thực ra, không thể so sánh được. Trong văn học phương Tây tôi chưa hề thấy bài nào như vậy: mà ngay trong văn học Trung Hoa, những bài Tặng vợ của Lý Bạch, Đỗ Phủ, Tô Đông Pha cũng chỉ phẳng phất như vậy thôi. Trong những hàng đó như cá cái hương thơm của phương Đông hòa hợp với cái đậm thắm của phương Tây; sau cái rạo rức chua chát của phương Tây là cái tĩnh mịch, trầm lặng của phương Đông.

oOo

Tám mươi tuổi Russell mới tìm thấy được sự yên ổn, bình tĩnh trong ái tình, nhưng trước những đau khổ của nhân loại, trước cái nguy cơ chiến tranh nguyên tử, lòng ông càng sùng sục lên, giọng ông càng gay gắt mặt sát tất cả các nhà cầm quyền, ngọn roi của ông không chừa một ai. Con người khô đét như con mumm đó, sao mà dữ thế!

(1) Tôi xin cảm ơn ông Cung Cửu Nguyên đã chép giùm cho bài này; nhờ vậy, tôi đã dịch lại cho sát hơn N.H.L.



Bertrand Russell và Edith

Năm 1954 thấy cái họa nguyên tử tăng lên nhiều, ông lập một chương trình hành động đại qui mô.

Ông viết một bài đọc ở đài B.B.C. nhan đề là *Nhân loại lâm nguy*, đoạn kết như sau:

«Nếu chúng ta muốn thì tiền đồ của nhân loại là một sự tiến bộ liên tục tới hạnh phúc, khoa học và sự minh triết. Hay là chúng ta muốn bị tận diệt vì không thể quên được những nỗi bất bình đối với nhau? Tôi lấy tư cách một con người mà kêu gọi tất cả nhân loại: nhân loại nên nhớ nhân tính, tình người của mình mà quên mọi cái khác đi. Được vậy thì con đường mở rộng ra đưa ta vào một thiên đường mới, nếu không thì chỉ còn đợi sự tận diệt nó xảy ra thôi».

Bài đó có một kết quả không ngờ. Ông nhận được vô số thư tán thành,

khuyến khích, nhiều tờ báo xin bài, nhiều cơ quan xin ông diễn thuyết, ông không thỏa mãn xuể. Người ta lại cho ông biết nhiều sự kiện đáng buồn, chẳng hạn một người bảo ông rằng hội đồng quận Battersea đã quyết định hễ có chiến tranh nguyên tử thì khi nghe còi báo động, mọi người phải chạy ngay lại công viên Battersea, tại đó có những xe buýt cấp tốc chở họ ra đồng ruộng để được yên ổn!

Nhưng cũng có một số bất bình với ông. Trong một cuộc diễn thuyết, một thính giả nổi quạu, đứng lên bảo ông y hệt một con khỉ, ông đáp lại: «Nếu vậy thì ông nên mừng rằng sắp được nghe tiếng nói của tổ tiên ông».

Ông được ban soạn Bách-khoa-tự-diễn Pears tặng giải thưởng cho người nào đã gắng sức làm một việc đáng khen nhất trong năm. Giải thưởng đó ghi:

«Tặng Bertrand Russell người soi đường cho hoà bình — 1955»

Hội các «Nghị sĩ thế giới», đúng hơn là «Hội các nghị sĩ chủ trương thành lập một chính phủ thế giới», đặc biệt chú ý tới lời hô hào của ông và mời ông qua Rome dự các phiên họp.

Ông nảy ra ý mời một số nhà khoa học danh tiếng được trọng vọng khắp thế giới, nhưng ý-thức-hệ trái nhau, nghĩa là cả tư bản lẫn cộng sản, cùng ký tên trên một tờ tuyên ngôn. Ông hỏi ý kiến Einstein trước hết. Einstein nhiệt tâm tán thành, nhưng vì sức yếu, năm đó Einstein đã 76 tuổi và bận nhiều việc đã lỡ hứa rồi, nên chỉ ủng hộ góp ý kiến, giới thiệu một số nhà bác học có cảm tình được thôi. Russell bèn thảo tờ tuyên ngôn. Gửi cho Einstein chấp nhận, và viết thư cho một số nhà bác học Đông (tức Cộng sản) và Tây, Đi Rome về ghé Paris ngồi phi cơ được tin Einstein mới từ trần, ông rất buồn, lo rằng kế hoạch của ông phải bỏ. Không ngờ vợ tới khách sạn ở Paris, ông thấy bức thư của Einstein cho biết bằng lòng ký tên trên bản tuyên ngôn. Đó là một trong những hành động cuối cùng vì nhân loại của Einstein.

Ở Paris, Russell bàn cãi lâu với Frédéric-Joliot-Curie, nhà bác học theo Cộng. Ông này tán thành trên nguyên tắc, nhưng còn do dự.

Hồi này Russell bận việc tíu tít. bay mấy lần qua Rome, qua Paris, dự các cuộc thảo luận, đọc diễn văn, tiếp khách trả lời thư từ bốn phương, lại phải giúp đỡ con trai lớn và cháu nội (bộ nghèo), nuôi cậu con út, và chu cấp đều đều cho bà vợ thứ hai và thứ ba.

Ông định họp báo ngày 9 tháng 7 (1955) ở Caxton Hall. Phải chuẩn bị một tuần lễ, gửi thư mời các chủ báo trong nước, các đại diện báo ngoại quốc, báo tin cho các đài phát thanh, truyền hình mà không cho biết trước mục đích cuộc hội họp, chỉ nói mơ hồ rằng sẽ trình một tài liệu quan trọng cho cả thế giới thôi. Như vậy người ta càng tò mò, đổ xô tới nhà ông để săn tin. Điện thoại kêu suốt ngày. Ông không dám ra khỏi nhà, mà Ủy ban tổ chức không cho phép ông trả lời điện thoại hoặc tiếp xúc với bất kỳ ai. Tai vạ trả lời điện thoại và tiếp khách trút cả lên bà và người nữ quản gia.

Sau cùng tới ngày họp báo. Giáo sư J. Rotblat ở đại học Y khoa Saint Bartholomew nhận làm chủ tịch. Phòng họp đông nghẹt, có đủ các máy ghi âm và truyền hình, Rotblat đọc ít lời khai mạc, rồi Russell giới thiệu bản tuyên ngôn gọi là tuyên ngôn Einstein-Russell, gồm mười nhà bác học danh tiếng nhất ký tên: Einstein, Joliot-Curie, Rotblat, Muller, Max Born, Linus Pauling... Nhà vật lý học nổi danh Trung Cộng Li Sye Kuang không trả lời, nhà bác học Nga Skobeltsyine viết thư tán thành nhưng không ký tên trên bản tuyên ngôn.

Dưới đây là đoạn đầu ông tuyên bố với thính giả:

«Bản tuyên ngôn dưới đây về những nguy hại của chiến tranh hạch tâm, đã được một số các nhà khoa học nổi danh nhất ở nhiều xứ trên thế giới, ký tên. Bản tuyên ngôn cho ta thấy rõ rằng trong một chiến tranh hạch tâm, không phe nào có hy vọng thắng được, mà sẽ

có nguy cơ tận diệt nhân loại vì những bụi phóng xạ. Công chúng và ngay các nhà cầm quyền trên thế giới cũng không được cảnh cáo rõ về nguy cơ đó. Bản tuyên ngôn còn cho biết rằng dù hai phe thỏa thuận với nhau để cấm dùng các vũ khí hạch tâm, thì vấn đề vẫn chưa giải quyết được thực sự vì khi có một chiến tranh lớn, hai bên sẽ bắt chập những thỏa ước và cấm đoán đã ký, mà chắc chắn vẫn tiếp tục sản xuất các vũ khí đó. Chỉ còn mỗi một niềm hy vọng cho nhân loại là làm cách nào tránh được chiến tranh. Gợi một lối suy tư để tránh chiến tranh, đó là mục đích bản tuyên ngôn này...»

Bản tuyên ngôn được phát cho mỗi thính giả. Trong bộ *Tự truyện*, Russell không chép lại, nên tôi không biết nội dung ra sao. Thính giả tỏ thiện cảm, hoan nghênh nữa. Các tờ báo lớn Âu Mỹ đều tường thuật và Russell được coi là người cầm đầu phong trào hòa bình thế giới.

Luôn ba năm sau, ông tổ chức và dự gần hết các cuộc hội-nghị hòa bình ở Âu và nhiều lần được bầu làm chủ tịch. Hội các Nghị sĩ Thế giới tổ chức một cuộc hội nghị nữa gồm các nhà bác học Đông và Tây vào tháng sáu năm 1956. Lần này có ba bác học Nga ở Hàn lâm viện Moscou và nhiều nhà ở các nước khác tới dự. Phong trào đã tiến thêm được một bước. Nhưng tháng mười năm đó xảy ra hai biến cố làm cho ông bực mình, tức cuộc nổi loạn của dân chúng Hung Gia Lợi bị Nga đàn áp tàn nhẫn và vụ liên quân Anh, Pháp, Do Thái tấn công Ai Cập, chiếm kinh Suez.

Đầu năm 1957 Thủ tướng Nehru

cũng muốn tổ chức một hội nghị các nhà bác học thế giới ở New Delhi. Thành công hơn cả là cuộc hội nghị Pugwash ở Nouvelle Ecosse (Gia-Nã-Đại). Có hai mươi hai nhà bác học Mỹ, Nga, Trung Hoa, Ba Lan, Úc, Áo, Pháp, Anh, Nhật, Gia Nã Đại, tới dự. Hai ngôn ngữ chính thức là tiếng Anh và tiếng Nga (thêm một tiến bộ nữa). Không khí rất thân thiện. Người ta thành lập ba ủy ban: ủy ban thứ nhất nghiên cứu về các nguy hại của nguyên tử năng; ủy ban thứ nhì xét về sự kiểm soát cái vũ khí hạch tâm; ủy ban thứ ba về trách nhiệm của các nhà khoa học Đông và Tây trong các công việc thử bom nguyên tử.

Cuối năm 1957 Ủy ban thường trực họp ở Londres, tháng chín năm sau họp ở Kitzbuhl (Áo) rồi ở Vienne và đưa ra bản Tuyên ngôn Vienne.

Kết quả cụ thể nhất của phong trào Pugwash đó là điều ước cấm thử khí giới hạch tâm ở trên mặt đất trong thời bình; từ đó Nga, Mĩ, Anh muốn thử thì đều phải thử sâu dưới đất. Russell không thỏa mãn về kết quả đó, theo ông điều đó có giảm được một chút cái nguy hại của chất phóng xạ, nhưng lại ngăn cản chứ không giúp gì nhân loại trên con đường tiến tới sự triệt để cấm dùng vũ khí hạch tâm. Tuy nhiên cũng đáng mừng rằng Đông Tây đã có thể làm việc chung với nhau được,

oOo

Nhưng cuộc chiến đấu vang dội nhất trong mấy năm cuối cùng của đời Russell là cuộc vận động chống chiến tranh Việt Nam. Từ năm 1963 tới khi ông

mắt ông để phần lớn thì giờ và tâm lực của ông vào đó, các công việc khác đều là phụ cả.

Ông phái người, đặc biệt là Ralph Schoenman và Christopher Farley qua điều tra ở Đông Dương. Hai người đó đi tới tận chỗ quan sát, ghi chép lời các nạn nhân chiến tranh và lời của những chứng nhân ở ngay chỗ xảy ra những vụ tàn bạo. Ông lại dùng ngay những tài liệu đăng trên các báo chí Mỹ để phối kiểm, như vậy không ai chê ông được rằng chỉ nghe có một tiếng chuông.

Ông dùng những tài liệu đó để viết một loạt bài đăng báo, rồi ông tuyển lại, gom thành một cuốn nhan đề là *Tội ác chiến tranh Việt-nam*. Tác phẩm đó, nhà Allen and Unwin ở Anh xuất bản năm 1967, bản in «bỏ túi» chỉ nửa tháng đã bán hết, phải tái bản. Có nhiều bản dịch trên khắp thế giới.

Vài tờ báo chỉ trích cuốn đó kịch liệt, nhưng ông lại vạch ra rằng một số nhận tiền của C.I.A.

Chúng tôi không được đọc, không biết nội dung cuốn đó ra sao, chỉ đoán rằng các người cộng tác với ông không điều tra ở miền Nam chúng ta, và như vậy e cũng thiếu sót. Trong một chiến tranh kéo dài trên mười năm và tàn khốc chưa từng thấy như chiến tranh dân tộc chúng ta đang phải chịu đây, không bên nào là tránh được hết mọi tội ác. Cũng không thể biết được bên nào gây tội ác trước, vì cứ đi ngược dòng lên thì đụng tới vấn đề nguyên nhân của chiến tranh, mà ai cũng biết rằng chiến tranh này là do sự tranh chấp ảnh hưởng giữa Đông và Tây, giữa Cộng sản và Tư bản, dân tộc mình dút

Bắc hay Nam đều là nạn nhân cả. *Tội ác chiến tranh Việt-nam* xuất bản chưa được một năm thì xảy ra biển cổ Mậu Thân. Trên năm ngàn người chết oan ở Huế. Không nghe nói Bertrand Russell lên tiếng về vụ đó, nên không biết tâm trạng ông có thay đổi không. Dù sao ta cũng phải nhận rằng ông thành thực can đảm chống chiến tranh Việt-nam chỉ vì ông yêu hòa bình, mà Mỹ bị ông chỉ trích vì họ là kẻ mạnh đã dựng đứng lên vụ tàu Maddox bị tấn công ở vịnh Bắc Việt, để có cơ thả bom xuống Bắc Việt. Chính Arthur M. Schlesinger Jr cố vấn của Tổng thống Kennedy cũng nhận rằng hầu hết người Âu đều ghét Mỹ vì họ là một xứ rất lớn mà lại đi dội bom một xứ rất nhỏ (Việt-nam, một di sản cay đắng trong chính sách đối ngoại của Hoa kỳ — chương V).

Năm 1966, ông viết thư cho rất nhiều nhân vật trên thế giới để mời họ dự vào Tòa án xử các tội ác chiến tranh ở Việt-nam. Mười tám nhà nhận lời, trong số đó có Jean Paul Sartre, Vladimir Dedijer, văn sĩ Nam-tư Lạp-phu vân vân... Ông phái người đi diễn thuyết, chiếu phim ở khắp nước Anh để cổ động cho Tòa Án.

Tháng 11 năm đó, trong buổi họp đầu tiên các hội viên của Tòa Án ông trình bày lý do hành động của ông.

«Tại sao người ta gây chiến ở Việt Nam? Vì quyền lợi của ai? Đó là những vấn đề chúng ta phải nghiên cứu và bày tỏ ý kiến sau khi điều tra tử-mỉ, (...) Tôi nghĩ rằng (sau khi đọc những tài-liệu trình bày về chiến tranh Việt Nam), chúng ta sẽ thấy cần

phải họp một tòa án nghiêm trang gồm những nhân vật danh tiếng không phải vì có quyền cao chức trọng mà vì đã góp công về tinh thần và đạo đức vào (...) nền «văn minh nhân loại».

(...) Tôi có thể gọi lại hồi kí về chiến tranh. Trong mấy chục năm nay đã xảy ra biết bao sự bất công mà người ta đã bình thản ghi lại. Nhưng tôi chưa thấy một trình trạng nào so sánh được với tình trạng hiện nay. Tôi chưa thấy một dân tộc nào bị hành hạ như vậy... Chưa thấy một chiến tranh nào mà sức mạnh vật chất bất tương xứng với nhau như vậy. Chưa thấy một dân tộc nào chịu đựng được bền như vậy, có tinh thần bất khuất như vậy.

(...) Bản phận của chúng ta là tìm ra tất cả sự thật và nói hết ra...

Tôi mong rằng tòa án này sẽ tránh được cái tội làm thình ».

Năm sau, Tòa án họp ở Thụy Điển xử các tội ác chiến tranh ở Việt Nam, kết tội Mỹ là tàn bạo không kém gì phát xít Đức. Russell viết thư mời Tổng thống Johnson tới dự để tha hồ tự biện hộ cho mình.

Đĩ nhiên Johnson không tới. Và chiến tranh vẫn tiếp tục.

Năm 1969, ông lên án Do thái cậy mạnh mà tấn công chớp nhoáng Ai cập; ông ký một văn thư phản đối Hội các nhà văn Liên xô đã khai trừ văn sĩ Soljenitsyne (người mới được giải thưởng Nobel văn chương năm 1970) và công việc cuối cùng của ông cho nhân loại là bức thư gửi cho văn sĩ Vladimir Dedijer tỏ ý lo ngại về tình hình Tiệp Khắc và Trung Đông, đề nghị thành lập một cơ quan công luận quốc tế, mở rộng tòa án Tội ác Chiến tranh.

Ngày mùng 2 tháng 2 năm 1970, ông uống một ly rượu, đi nghỉ, rồi lạng lẽ tắt thở vì chứng sưng phổi, bệnh cũ của ông đã hai lần làm ông xuýt chết. Cũng như Einstein, ông muốn được hỏa táng một cách rất đơn sơ, chỉ có năm người thân thích đi đưa đám.

oOo

Năm 1967, trong bài Tựa cuốn III bộ *Tự truyện* ông biết rằng ông sẽ chết mà không được thấy nhân loại giải quyết xong vấn đề hòa bình, và ông tự hỏi không biết những lời cuối cùng của ông nên như vậy chăng :

Thôi thế là hết cảnh sáng rực rỡ,

Bây giờ phải chịu cảnh đêm tối.
hay là—như ông đôi khi thường mơ tưởng :

Thời đẹp đẽ của thế giới đã trở lại.

Bây giờ chúng ta được sống thời đại hoàng kim ..

Ai là người trả lời cho ông được câu hỏi đó ?

Đồng chí của ông nay còn hoạt động không ? Còn giữ được đức tin của ông không ? Không phải tin rằng sẽ thấy được sự thành công, nhưng tin rằng sống là để phụng sự nhân loại, phụng sự Tự Do và Hòa Bình. Đoạn này của ông tôi buồn vô hạn :

«Tôi đã tận lực để bỏ thêm trái cân nhỏ nhoi của tôi vào bàn cân, mà làm cho cán cân trúc về phía hy vọng, nhưng chỉ là một sự gắng sức yếu ớt để chống lại những sức mạnh ghê gớm.

Mong rằng các thế hệ sau sẽ thành công trong cái việc mà thế hệ tôi đã thất bại».

Đoạn đó có thể khắc trên mộ bi của ông được.

NGUYỄN HIẾN LÊ

(Trích trong cuốn «Bertrand Russell, chiến sĩ Tự-do và Hòa-bình» do Lửa-Thiên sắp phát hành).

BANQUE

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Đức Phật và sự cải-tạo xã-hội

(tiếp theo BK số 345)

Những bất công xã hội

Trước hết là vấn-đề thế-cấp, cái ung nhọt của xã-hội aryan. Đức Phật không nói rằng phải bạo động để xóa bỏ các thế-cấp. Nhưng Ngài giảng rằng lý-thuyết thế-cấp chỉ là một cái chấp của trí-thức, và «những người nào còn chấp trước lý-thuyết giai-cấp thì còn rất xa sự thành-tựu vô thượng trí đức» (1). Ngài chứng minh sự phi-lý của thái-độ kiêu-mạn và kỳ thị về thế-cấp và nói rằng những kẻ còn chấp nhận thế-cấp trong xã-hội đã vô hình chung đưa cấp tướng-sĩ Shastri (Sát-đế-li) lên địa-vị tối thắng ở nhân-gian(1), trong khi chỉ có đức hạnh và trí tuệ mới là tiêu-chuẩn về giá-trị của con người mà thôi. Ngài nói: «Là cùng-đỉnh, không phải do sự sinh-trưởng. Là bà-la-môn, không phải do sự sinh-trưởng. Do hành động, người này là cùng-đỉnh. Và cũng do hành động, người này là bà-la môn, (2).

Đức Phật giảng giải một cách vô cùng rõ ràng rằng chỉ có những tính-cách di-truyền mới có thể coi là có nguồn-gốc trong giòng giống. Còn các giới trong xã-hội thì không thể coi là sản-phẩm của sự di-truyền được. Thế-cấp chỉ có thể phân biệt bằng đời sống kinh-tế và cách sống theo những tập-tục xã-hội. Nhưng

mà giá trị của một người không ở trong thế-cấp xã-hội, mà ở trong hành-vi của người ấy, bất luận là người ấy ở trong thế-cấp nào. Và đảo lại, cái nội-dung của danh từ bà-la-môn (brahman) không nhận cái định nghĩa thông thường là kẻ thuộc về thế-cấp kiêu-mãn nhất trong xã-hội để trở về với cái nghĩa nguyên-thủy của tiếng brahman là kẻ phục-vụ Đức Phạm-Thiên, Ngài nói: «Không phải sự sinh-trưởng làm cho một người là brahman hay không phải là một brahman. Nếp sống hàng ngày làm ra người nhà nông, người đi buôn hay kẻ nô lệ. Nếp sống hàng ngày làm ra kẻ trộm cắp, người binh sĩ, kẻ đi tở hay người lãnh đạo. Nếp sống hàng ngày làm cho một người là một brahman hay không phải là một brahman.

Không những rằng Đức Phật đã vì người đời mà phá vỡ những thành-kiến về giai-cấp, Ngài còn thực hiện sự bãi bỏ giai-cấp trong Giáo-hội Tăng-già (Sangha) mà Ngài lập nên: Trong này, hàng ngày chung sống với Ngài, có những hoàng tử, những nhà thế-tộc, những vị trưởng-giả giàu sang và lại có cả thợ thuyền, ngư-phủ, nông nô. Đức Sunita là người hót rác. Đức Upali là anh thợ cạo. Đức Sati là người đánh cá. Đức Punna là anh thợ cấy.

(1) Kinh Ambattha (A-ma-trú)

(2) Kinh Nipàta và Kinh Vasala.

Angulimala là một kẻ sát nhân mà cũng được Đức Phật độ và nhận vào trong Giáo-hội (1) : Về phía Giáo-hội phụ-nữ, cũng như thế : cạnh bà Maha Pajapati Gotami là mẹ nuôi của chính Đức Phật, có những vị hoàng hậu hay thứ phi của nhiều vị vua, có những nữ thí chủ giàu có, nhưng có cả những tỳ nữ (như Khujjuttara), những thiếu nữ con nhà thuyền thợ như Subhâ là con người thợ rèn, Cápâ là con người đuổi nai cho thợ săn, Rajjumâlâ là con người nông nô ; lại có Ambapâli là một cô gái giang hồ. Tất cả những người này đều đã được nhận vào cửa Phật mà không có một sự phân biệt gì.

Đối với phụ nữ, Đức Phật cũng tỏ ra một độ lượng vô cùng lớn rộng. Trái lại với sự khinh miệt chung đối với phái nữ, Ngài nhận định rằng : « Trong hàng phụ nữ, có người còn tốt hơn đàn ông » và Ngài nói với một người cha đang buồn vì vợ sinh con gái : « Con gái có thể còn quý hơn con trai, vì lúc trưởng thành, có thể là một người vẹn toàn về tri-tuệ và phẩm-hạnh, biết kính nể tà tôn trọng mẹ chồng, làm một người vợ hiền thực, và mang trong lòng một đứa con có thể làm nên đại-sự ».

Tuy nhiên Đức Phật đã tỏ ra khó khăn khi nữ-giới xin được từ bỏ đời sống gia-đình để theo nếp sống không nhà của người Sa môn. Sự đắn đo của Ngài không phải là vì Ngài coi thường những khả-năng của phụ-nữ. Trái lại, Ngài đã bảo với Ananda rằng « phụ-nữ có đầy đủ khả năng để thành tựu đạo quả, nếu được khấp mình vào trong khuôn khổ của Giáo-Pháp và Giới-luật ». Sự do dự của Đức Phật bắt nguồn từ ý muốn

ngăn chặn và bảo vệ sự thanh tịnh trong nếp sống của tăng già. Sự do dự ấy chỉ để làm cho hết thấy các tăng ni đều hiểu rõ tinh cách vô cùng quan trọng của quyết định về sự thành lập một Giáo-hội riêng cho phụ-nữ. Và Đức Phật đã, ngay trong sinh thời của Ngài, cho phép phụ-nữ được xuất gia, mặt dầu, như lời Ngài nói, Giáo-pháp có thể vì thế mà giảm bớt tính cách trường-cửu đến phân

(1) *Chuyện của Angulimâla là một chuyện đẹp, đáng được kể lại. Tên thực của Angulimâla là Ahimsaka (kẻ không tội lỗi). Ông vô cùng hiểu học và theo một đạo sư ; vì này vì nghe lời dèm pha, đã không nhận ông nữa và nói rằng, chỉ trừ phi ông đem lại bằng chứng là đã giết đủ một ngàn người thì mới nhận lại ông là đệ-tử. Ahimsaka, kẻ không bạo động, đã trở nên kẻ sát nhân ghê gớm nhất của cả nước từ đó : mỗi người mà ông ta giết đều được chặt một ngón tay cái và kết vào một cái vòng mà ông đeo ở cổ để kên kên khỏi ăn mất. Tên Angulimâla bắt đầu có từ đây ; Angulimâla là cái vòng kết bằng ngón tay người.*

Một bữa Angulimâla thấy một người đi một mình trong rừng. Đây là một dịp tốt, và ông ta chạy theo nhưng chạy nhanh đến đâu cũng không kịp. Ông ta đứng lại và gọi : Nhà sư kia, hãy dừng lại. Người kia, chính là Đức Phật, trả lời : Như Lai đã dừng lại từ lâu, nhưng còn người, Angulimâla, người đã dừng chưa ?

Angulimâla nói : Chính tôi đã dừng mà ông thì còn đi, sao ông lại bảo tôi chưa dừng mà ông đã dừng lại từ lâu ?

Đức Phật đáp : Đúng vậy, Như Lai đã dừng, và đã dừng lại mãi mãi rồi. Như Lai đã từ bỏ không còn làm dữ và gây hại cho một sinh vật nào, còn người, đến bao giờ người mới dừng lại không giết nữa ?

Angulimâla đột nhiên tỉnh ngộ và quăng lưỡi dao đi mà quì xuống. Đức Phật chỉ nói một câu :

— Hãy lại đây, Tỳ-khưu (Ehi Bhikkhu).

nửa thời gian. Giáo-hội Tì-khuru-ni là tổ chức phụ-nữ đầu tiên đã có trong lịch-sử hoàn-vũ.

Đức Phật trong lịch sử

Sử-gia J. Naudou (1) viết về Đức Phật rằng : «Người ta có thể là một vị thánh vì đạo-đức toàn hảo, hoặc một triết-gia vì tư-tưởng cao siêu; nhưng không thể nào là một vị sáng lập tôn-giáo mà không phát ra những hào-quang thu hút được đại-chúng ».

Ít nhất là ba vị quốc-vương đã tâm nguyện theo Đức Phật sau khi được nghe Ngài thuyết pháp : Vua Pasedani nước Koala, Vua Bimbisara (Bình xa) nước Magadha và con là vua Ajatasattu (A-xà-thế) Đức Phật đã làm giảm bớt được những sự tàn sát trong ít nhất là hai cuộc chiến tranh và ngăn chặn được hai cuộc chiến tranh khác. Đức Phật đã dẫn dắt trở lại chính đạo và biến một ông vua vô cùng hung bạo, đã can tội giết cha, là Ajatasattu thành một vị minh quân. Ngài đã mở lòng-tâm của những nhà giàu trong nước và tạo ra cả một phong-trào bốt-hí. Ngài đã đem lại yên vui cho nhiều gia-đình bằng cách giảng dạy cho vợ hiền, con hiếu, dâu thảo ở trong nhà. Ngài đã làm cho các đại-tể-tự trở thành giản dị và giúp vào sự kiến tạo an lạc cho dân chúng ở những nơi có tai ương và loạn lạc. Ngài đã mở ra cho cái quần chúng nghèo khổ của Á-châu một niềm tin và một hy vọng tràn ngập về sự có thể tạo lập được, trong hòa-bình và tự-nguyện, một xã-hội an vui cho tất cả, để hoàn toàn phục vụ cho sự tinh tiến của con người.

Ảnh-hưởng của Phật-giáo trong lịch-sử

Đức Phật tịch diệt năm Ngài tám

mươi tuổi. Bắt đầu từ lúc thành đạo và giảng bài kinh đầu tiên về Tứ Diệu Đế, đến khi nhập Đại-Niết-bàn, Đức Phật đã, trong 45 năm, hành đạo và giảng đạo.

Lịch-sử của Ấn-độ đã hoàn toàn chuyển hướng trong khoảng năm thế-kỷ sau, vì ảnh-hưởng của giáo-lí mới. Có thể nói rằng, trong thời-kì ấy, những lúc huy-hoàng nhất là những lúc mà Ấn-độ có những vị vua theo Phật-giáo. Yếu-tố quan-trọng để hiểu được những biến-chuyển lịch-sử này là sự nồng-nhiệt ủng-hộ của người dân mỗi khi mà Phật-pháp được dùng làm tôn-chỉ của quốc-gia. Nhưng vì Phật-giáo là tôn-giáo bao-đụng nhất trong các tôn-giáo của loài người, nên sự hiện-hữu của các tôn-giáo khác vẫn còn, và những tôn-giáo này vẫn có thể sui dục được lòng tham của một vị vua nào đó để tạo ra những sự thăng-trầm trong lịch-sử.

Vua Ajatasattu, sau khi theo Đạo Phật, đã thu phục được ba nước lân cận và lập đế-đô ở Pataligrâma, trên nước Magadha. Sử gia Naudou viết «Không thể nghi ngờ gì được rằng chính là nhờ sự theo về Đạo Phật mà nhà vua đã mở đầu cho sự vinh-quang của xứ Magadha» (2).

Vua Ajatasattu cũng bị giết bởi chính con mình, 24 năm sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, và sau đó, Ấn-độ trải qua một thời kỳ vô cùng hỗn loạn cho đến khi quân đội Alexandre từ Hilap tới chinh phục được hết miền Tây của bán đảo. Lúc đó thì ở Magadha xảy ra một cuộc đảo chính, đưa vị tướng đã

(1) J. Naudou—L'Inde trong R.Grousset và E.G. Leonard — Histoire Universelle, Encycl. de la Pléiade, Gallimard, 1956.

(2) Naudou : Sách đã dẫn.

ngăn chặn được quân đội xâm lăng của Hi-lạp, lên cầm quyền. Vị tướng này là Chandragupta, người sáng lập ra nhà Maurya.

Cháu của Chandragupta là Asoka, đã, theo đúng truyền-thống bà-la-môn, giết cha để lên làm vua, (năm 273) và đem quân đi đánh lấy nước Kalinga. Trong trận đánh cuối cùng, sự tàn sát lên đến một mức kinh khủng : chỉ có gươm đao, mà một trăm ngàn người đã bị giết, mấy trăm ngàn người bị thương, nằm ngổn ngang đầy đồng nội. Trước cái cảnh ấy, chính vua Asoka cũng xúc động : một vị sa-môn trẻ tuổi xuất hiện giữa lúc ấy; và, như đọc được ý-nghĩ của nhà vua, vị sa-môn nói về tính cách vô-thường của tất cả mọi vật. Vua Asoka vụt hiểu rằng cả những chiến thắng mua bằng những giá đắt nhất là sinh mệnh của trăm ngàn người và sự tự do của các dân tộc cũng chỉ là những sự vô thường trong một vòng nhân-duyên vô tận, và ngay lúc đó, nhà vua cải theo Đạo Phật.

Vua Asoka đã từ bỏ tất cả các chiến-thắng bằng gươm đao và các chiến thắng phạm đến sự tự-do của người khác, để đi tìm những chiến-thắng khác bằng Đạo-Pháp. Một đạo dụ của vua, công bố trong toàn cõi Ấn-độ, nói rằng :

Ngay sau khi chinh phục dân Kalinga Đức Vua đã theo Đạo từ bi, đã ăn năn trong Đạo, và đã thấm nhuần Giáo Pháp. Do đó Đức Vua vô cùng hối hận vì đã chinh phục dân Kalinga, vì sự chinh phục một dân-tộc bất khuất đã đem lại sự tàn sát và sự nô lệ cho dân tộc ấy. Đây là một việc mà Đức Vua rất lấy làm đau khổ».

Vua Asoka quay về sự tổ-chức xã-hội, với mục-đích là «tất cả chúng sinh đều được an vui, tự kiểm, lạc-tâm và hi hạnh», theo tinh-thần của đạo-pháp (*Dhamma*). Các nước lân-cận dần dần qui tụ lại dưới quyền của vua Asoka mà không có một giọt máu bị đổ. Lần đầu tiên, và cũng là lần độc nhất trong lịch-sử, đã có một sự thống nhất trên toàn cõi Ấn-độ. Không những thế, chính trong thời-kỳ này, ảnh-hưởng tinh-thần của Ấn-độ và nhất là của Phật-giáo, đã lan tràn sang đến cả Âu-châu và khắp cõi Đông-Á.

Về vua Asoka, học-giả H.G. Wells đã viết trong cuốn *Lịch-sử Hoàn-vũ*(1): «Trong số trăm ngàn các vị vua có tên trên những cột của lịch sử, các hoàng thượng, các đấng, các đức v.v... tên của vua Asoka sáng chói, và gần như chỉ có một tên của Ngài, như một vị sao. Từ sông Volga đến Nhật-bản, tên nhà vua vẫn còn được tôn kính. Trung-hoa, Tây-tạng, và cả Ấn-độ nữa, mặc dầu Ấn độ đã bỏ mất Đạo Phật, vẫn còn nói đến sự cao cả của nhà vua như một lời truyền tụng. Ngày nay, còn nhiều người tôn kính nhà vua hơn là từ xưa tới bây giờ người ta tôn kính vua Constantin và Charlemagne.

Những lời phê-bình trên, của một nhà trí-thức Anh, đã được chính ông Nehru chép lại trong cuốn *The Discovery of India* mà ông viết khi bị giam giữ vì đã tranh đấu để đòi quyền độc lập cho nước Ấn-độ. Bởi thế, chúng ta không nên lấy làm lạ rằng, mặc dầu Đạo Phật đã rời khỏi nước Ấn-độ, mà khi đã thấu hồi lại được nền độc lập, thì tất cả những biểu hiện tượng-trưng

(1) H. G. Wells Outline of History.

của Ấn-độ đều lấy ở Phật-giáo : Con sư tử bốn đầu của vua Asoka, biểu-tượng cho cốt-tủy của giáo-lí Đức Thích-ca là Tứ Diệu-Đế, nay là quốc-án của Cộng-hòa Ấn-độ. Cái vòng Pháp-luân của Đức Phật được in ngay trên quốc-kì. Và danh-hiệu Chuyển-Pháp-Luân-vương được khắc ngay trên chỗ ngồi của Tổng-Thống Ấn-độ. Tất cả những sự-kiện ấy, cũng như những lời tuyên-bổ của các nhà lãnh-đạo dân-tộc như Gandhi, Nehru, Aurobindo, tỏ rõ rằng 2.500 năm sau khi Đức Phật tịch diệt, lời nói của Ngài vẫn còn được tôn thờ và coi như phương-châm cao-quí nhất để trị nước.

Đạo Phật đã từ Ấn-độ truyền bá sang Népal, Tây-tạng, Trung-hoa, Cao-ly, Nhật bản, và các nước ở miền Đông-Nam Á-châu. Sự truyền bá Đạo Phật hoàn toàn ôn hòa và chân chính : không bao giờ có một việc bạo động, cưỡng ép hay mua chuộc ; không có một trường-hợp nào Đạo thuận làm phương-tiện để dọn đường cho sự xâm lăng bằng binh-bị hay ngoại-giao. Đạo Phật cảm hóa và dạy dỗ mà bắt rễ vào lòng dân. Ở tất cả những nước đã tiếp nhận Phật-giáo, giáo-lí của Đức Phật đã đem lại sự hoan lạc cho những người đau khổ nhất của nhân-loại đau-khổ, đã ảnh-hưởng sâu đậm vào nếp sống của các dân-tộc, và đã khơi lên những nguồn cảm-hứng và phấn-khởi, tạo nên những thời-kỳ nghệ-thuật huy hoàng trong mỗi nước.

Và ở những quốc-gia này, Đạo Phật cũng đã uốn dòng lịch-sử cho nghiêng về chính-đạo. Ảnh-hưởng của Đạo Phật ở Việt-nam thực là phong-phú.

Những nhà truyền giáo đầu tiên (1) đã tới Việt-nam vào khoảng đầu thế-kỷ thứ III của Công nguyên, giữa lúc người dân đang rên xiết dưới sự bạo tàn của nền đô-hộ mà người Hán đã dựng nên. Sự tàn sát người bản xứ, từ Phong châu đến Tượng-quận và Cửu-Chân bởi Hán Mã-Viện và Ngô Lục-Duyệt có lẽ chưa phai mờ trong ký-ức của dân Lạc Việt. Những người sống sót và lại phải cam chịu sự sống trong sợ hãi, buồn thâm và tủi nhục, của bọn nô-lệ vong quốc. Sự đồng-hóa, cưỡng-bách, bắt đầu với Sĩ-Nhiếp, vẫn tiến hành một cách nghiêm khắc, để xóa hết những vết-tích còn lại của văn-hóa thổ-dân. Trong cái khung cảnh đàn áp và tàn bạo ấy, Đạo Phật đã tới như một ngọn gió mát, và những người mất nước, mất gốc và mất đến cả tính-cách con người của đất này, đã lấy lại được hy-vọng và niềm tin trong tôn-giáo của tình thương, một tôn-giáo mà người thổ-dân không biết từ đâu đưa đến, nhưng chắc chắn là không phải của đế quốc đem sang (2).

(1) Các nhà sư này là : Ksũdra (Khâu đà-la) và Marajivaka (Mala-kì-vực) người Ấn, Kalyanaruci hay Kalaru-i (Chi-cương-lương lâu chi) người Scythe (Nhục-chi), và Khang-Tăng-Hội, người Transoxiane (Khang-cư). Ngoài ra cũng có một nhà sư Trung-Hoa là Mâu Bác hay Mâu-tử đến Bắc-Việt, nhưng là đệ học đạo. Điều này tỏ ra rằng ngay từ thế-kỷ thứ II CN đã có thể có những vị sư rất giỏi ở Việt nam (Trần Văn Giáp : Le Bouddhisme en Annam)

(2) Theo sự Đàm Thiên, đời Tề (Thế-kỷ thứ V), thì «Xứ Giao-châu có đường thông sang Thiên-Trúc»... và «giáo pháp đã được truyền đến Giao-châu trước, rồi đến Giang-Đông (Nam Trung-Hoa) sau».

Xem Trần Văn Giáp : Le Bouddhisme en Annam.

Và đến thế-kỷ thứ VI thì cái quả đầu-tiên đã được cấu thành là cuộc nổi loạn chống lại đế quốc, cầm đầu bởi Lý-Bí và một người cháu mà lịch sử chỉ gọi đơn giản là Lý Phật-tử. Họ Lý không thành công vì những tranh-chấp trong hàng-ngũ lãnh đạo; hơn nữa người thổ-dân cũng chưa thống nhất được tinh-thần, mà quân Tầu, dưới sự chỉ-huy của Lưu Phương, lại là một quân-đội thiện chiến. Tuy vậy mà cuộc khởi nghĩa của nhà Tiền-Lý cũng đã cắt đứt được sự Bắc-thuộc trong 60 năm (541-602).

Các nhà sư gốc ở Giao-châu đã bắt đầu đóng góp vào nền giáo-lý của Phật-giáo ngay từ thế-kỷ thứ VII, thứ VIII, nghĩa là vào cùng một khoảng thời-gian với những đại-sư Trung-Hoa. Nhà sư Nghĩa-Tĩnh đời Đường đã nổi gót Huyền-Trang mà sang Tây-vực cầu phép, kể lại rằng nhiều nhà chiêm-bái Trung-Hoa đã qua Giao-châu trên đường đi Ấn-độ vì các sư Giao châu biết cả tiếng Côn-luân, tiếng Phạn và tiếng Java Sự cộng-tác của các nhà sư Giao châu trong công-việc dịch thuật các kinh luật từ Phạn-ngữ sang Hoang-ngữ là một việc đã được công nhận bởi chính sư Nghĩa Tĩnh.

Đồng thời, Thiền tông cũng được truyền từ Trung-hoa sang Việt-nam vào khoảng cuối thế-kỷ thứ VI. Đệ-tử của vị tổ thứ ba của Thiền-tông là Vinitaruci (Tì ni đa lưu chi), đã nhận mệnh của thầy mà đi về phương Nam; ở đây, ngài đã truyền tâm-ấn cho sư Pháp-Hiền, một vị sư gốc ở Châu Diên, được coi là thủy-tổ của Đạo Thiền ở Việt-nam. Sư

Vạn-Hạnh đời Lý, thuộc về thế-hệ thứ 12 trong dòng Thiền-học của sư Pháp-Hiền.

Vào đầu thế-kỷ thứ IX, vị tổ thứ 9 và cuối cùng của Thiền-tông Bích quán ở Trung-Hoa lại truyền tâm-pháp cho đồ đệ là Vô Ngôn Thông, và vị đồ đệ này đã trực tiếp kế thừa mà lập nên phái Thiền-học thứ hai ở Việt-nam, thường gọi là phái Vô-Ngôn-Thông. Lý Thái-Tôn đã tu ở dòng này và thuộc về đời thứ 7 của phái Vô-Ngôn-Thông.

Còn một dòng Thiền-học thứ ba nữa là phái Thảo đường. Phái này đã được khai sáng ở Thăng-long năm 1069 và là một học-phái thuần thành Việt-nam. Vua Lý-Thánh-Tôn đã thụ pháp trong phái này, và thuộc về thế-hệ thứ nhất. Lý Anh-Tôn, Lý Cao-Tôn, cũng thuộc cùng một phái.

Sở dĩ tôi nói đến sự nẩy-nở của những học phái này, chính là để nhắc lại một thời-kì huy-hoàng về văn-hóa của dân-tộc Việt nam. Niềm tin đặt vào giáo-lý của Đức Phật đã là động-lực chính của sự phát huy này. Lúc ấy Giao-châu đã hưởng một chế độ khá rộng-rãi về cai-trị. Một số quan chức nhỏ được chọn trong số những người bản-xứ có Hán-học. Tề Cao đế (479-483) nhận rằng : «Xứ Giao châu tuy nội thuộc nhưng chỉ là một xứ bị ràng buộc mà thôi ».

Thời-đại từ thế-kỷ thứ VI đến thế-kỷ thứ XI có thể gọi là một thời-đại tinh-thần sáng lạn của Đông-phương, một thời-đại trong đó thực đã có một Đông-phương thống nhất về phương-diện tinh-thần. Ở Ấn-độ là triều-đại Gupta. Ở Trung-Hoa là các nhà Lương,

Tùy, Đường, Tống. Những sự trao-đổi phong phú nhất về văn-hóa giữa Ấn-độ và Trung-Hoa đã được thực hiện trong thời đó, và Giao-châu (tức là Việt-nam) là một chặng đường bắt buộc của một con đường tinh thần. Các nhà sư Việt-nam đã góp một phần không nhỏ vào sự tổng hợp tư-tưởng Ấn-độ và tư-tưởng Trung-Hoa. Thời-đại tinh-thần này đã chấm dứt khi quân Moslem chinh phục nước Ấn và quân Mông-cổ chinh phục toàn cõi Trung-Hoa, đồng thời với sự nổi-dậy của bọn cướp bể Mã-lai và Java ở biển Nam.

Chính là nhờ sự phát-huy tinh-thần trong thời này mà Việt-nam đã có cả một lớp trí-thức như Khuông Việt, Đỗ Pháp Thuận, Đinh Trường-lão, Huệ-Sinh, Viên Chiếu, Thông Biện, Chân Không, Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không và nhất là Vạn-Hạnh, giúp các vị vua lập quốc Ngô, Đinh, Lê, Lý.

Ảnh-hưởng của Phật giáo lên đến mức-độ cao nhất sau khi nhà Lý thay thế nhà Lê. Sử-gia Hoàng Xuân Hãn viết rằng: «*Đời Lý có thể gọi là đời thuần-từ nhất trong sử nước ta*» (1).

Các hình-phạt độc ác của các đời trước được bãi bỏ. Đinh Tiên Hoàng xưa cho ném những kẻ có tội vào chuồng cạp, Lê Long-Đĩnh có những cực-hình bày đặt ra để thỏa mãn tâm-hồn bệnh tật của mình. Nhưng đến đời Lý thì sự khoan-hồng được coi là một phương-châm chính-trị. Vua Lý Thái-Tôn đánh bắt được Nùng Trí Cao rồi lại thả ra (1041). Vua Lý Thánh-Tôn đánh Chiêm-thành bắt được vua Rudravarman II (Chế Củ) (1069) và cũng lại thả cho về nước. Đó là những hành-vi, tuy rằng có phần

chính-trị, nhưng cũng vẫn tỏ ra được là đã khác xa những việc xảy ra trong thời trước.

Từ-tâm của các vua Lý là một sự-kiện được xác nhận trong lịch sử. Mùa đông năm Ất Mùi (1055), trời rét cóng, Lý Thánh-Tôn không quên người ở tù. Nhà vua nói rằng: «Ta ở trong cung kín, sưởi lò than, khoác áo lông, mà còn rét như thế này. Nghĩ đến các tù-nhân bị nhốt nơi lao-ngục, bị trói buộc khổ sở, mà chưa biết phải trái ra sao, ăn không đầy bụng, mặc chẳng che thân; gió rét, tất có kẻ chết không nơi nương tựa; ta thật lấy làm thương». Vua sai phát chẩn chiếu và cấp thêm khẩu phần cho tù sau đó.

Vua Lý Thánh-Tôn lại nói với các quan coi về tư-pháp: «Ta yêu con ta và ta thương dân cũng như thế. Vì dân không hiểu luật lệ nên mắc tội, ta thực lấy làm thương xót. Vậy từ nay về sau tội nặng hay tội nhẹ, các người cũng khá xử cho khoan hồng» (2).

Các tội đều được xử một cách khoan hồng trong đời Lý, trừ có một tội bị coi là rất nặng, là tội cướp ruộng và ăn cắp trâu bò của dân. Đời sống của người nông-dân buộc liền với thửa ruộng và con trâu cày. Sự trừng phạt nặng nề tội cướp đất và tội bắt trâu, chính là để bảo vệ cho sự sinh sống của người dân cày và khuyến khích nông-nghiệp. Trong thời Lý, lúa Chiêm đã được thích-nghi với phong-thổ miền

(1) Hoàng-xuân-Hãn Lý thường-Kiệt (1949).

(2) Ngô Sĩ Liên: Đại Việt Sử Ký Toàn Thư.

Bác và sự cấy hai mùa đã là một bước tiến rất lớn trong việc phát-triển kinh-tế và giải quyết nhân-sinh ở thời đại này. Nếu có một lúc nào và trên một địa-hạt nào mà người Việt-nam đã tiến bộ hơn người Trung-Hoa, thì chính là trong thời này, về nông-nghiệp. Sau khi ta đã trồng được lúa Chiêm thì nhà Tống mới cho đi mua thóc giống mà trồng ở Trung-Hoa. Sự đắc thắng của nhà Lý đối với nhà Tống trên địa-hạt kinh-tế chính là một yếu-tố quan-trọng ở đằng sau những chiến-thắng oanh-liệt của Lý-Thường-Kiệt trên chính đất Trung-Hoa.

Sự cải-tạo xã-hội dưới triều Lý và trong tinh-thần Phật-giáo không giới hạn trong sự cải-thiện chế-độ lao-tù và tinh-thần khoan dung của hình-luật, mà còn mở rộng ra cho những phụ-nữ khốn cực, đã vì nghèo mà phải đem thân đi thế nợ. Mùa xuân năm Quý Mùi 1103, những người này đã được chuộc về bằng của kho và được gả cho những kẻ góa vợ trong nước, để trở thành những người dân tự do.

Sự trọng phụ-nữ còn biểu lộ ra trong hai việc nữa, mà lịch sử cũng ghi chép: là khi vua Thánh-Tôn cầm quân đi đánh Chiêm thành thì Bà Ý-Lan đã được trao trọn quyền nhiếp-chính, và bà đã làm công việc ấy một cách trọn- vẹn đến nỗi người dân ngoài biên-giới cũng ngợi khen; và đến cuối đời Lý, ngôi vua đã được truyền cho con gái. Chỉ hai việc ấy cũng đã tỏ rõ rằng, trong hai thế-kỷ 11, 12, ở nước Đại-Việt, không có một sự kỳ-thị nào đối với phái nữ, và đàn bà con gái có thể đã được học, để rồi có thể đảm nhiệm những trọng trách lớn nhất trong nước, mà không xảy ra một

vụ lạm quyền nào như ta thấy xảy ra ở Trung Hoa và nhiều quốc-gia khác.

Thuế má đời Lý cũng khá nặng nề để đáp ứng với những nhu-cầu xây dựng quốc-gia. Tất nhiên trong dân-chúng cũng có những người oán thán. Nhưng mặc dầu người Tống mua chuộc và sui bầy, (1) không có một cuộc nổi loạn nào hay một cuộc mưu-phản nào trong đời Lý đã xảy ra vì sự bất-mãn của người dân. Có lẽ là tại những năm mất mùa và đói kém, cũng như những năm có chiến-tranh, và ở những tỉnh bị tàn phá bởi nạn bão lụt, các vua Lý đều miễn thuế hoặc giảm thuế cho dân. Sự miễn thuế cho dân, theo đúng lời dạy của Đức Phật trong kinh Kutadanta, đã trở thành một công việc được thi hành bởi các vua Việt-nam từ đời Lý trở đi cho tới thời Pháp-thuộc thì mới bị bãi bỏ, và vẫn còn bị bãi bỏ cho đến ngày nay.

Tinh-thần Phật giáo đã hướng dẫn các vua nhà Lý trong việc trị nước trị dân, nhưng không một lúc nào có vấn-đề đưa Phật giáo lên một ngôi-vị độc-tôn trong nước. Lý Thái Tổ thì xuất thân từ nhà chùa, Lý Thái-Tôn, Lý Thánh-Tôn, Lý Nhân-Tôn, Lý Anh-Tôn, Lý Cao-Tôn đều là những thiền-sư đắc đạo: Các vị chân tu thường được mời vào trong thành nội để giảng kinh cho vua nghe (2). Nhưng cũng chính từ thời Lý mà Đạo-học và Nho-học được phát đạt. Chùa chiền được xây, nhưng đồng thời ở ngay kinh đô Thăng-Long, một Văn-miếu cũng được

(1) Tục tự-trị thông - giám trường-biên (Tống-triều), dẫn trong Hoàng Xuân Hãn : Lý Thường Kiệt.

(2) Hoàng Xuân Hãn : S-đ-d.

dựng lên để thờ Khổng-tử và 72 vị môn-đồ của Ngài. Khổng thư-viện đầu tiên được thiết lập Đại-Hưng tàng và Bát-giác Hưng-tàng ở Kinh-đô, Trùng Hưng-tàng ở núi Tiên-du (Bắc-Ninh) không những để tàng trữ bộ kinh của Phật giáo, mà cả những kinh sách của Khổng giáo nữa. Sư Vạn-Hạnh là quốc-sư trong thời Lý Thái Tổ, đã dựng thuyết Tam-giáo chính là trong tinh-thần bao dung và tổng hợp ấy. Những kỳ thi đầu tiên được đặt ra dưới thời Lý đều lấy cả ba nền học : Phật, Khổng và Lão, làm căn bản khảo thí. Chính vua Thái-Tôn cũng được sử chép là «thông lục nghệ» tức là sáu kinh, cổ-văn của Nho-gia để lại từ đời Chu-công. Các đạo-sĩ học đạo tu tiên cũng được tự do tu tập; những họ không để lại được công-nghiệp gì, mà trái lại, đã truyền bá những sự mê-tín, làm thành cả một bầu không-khí hoang đường trong những năm cuối cùng của nhà Lý.

Những việc đã xảy ra trong thời nhà Lý và những đời sau đều đã thuộc về lịch-sử. Chúng ta chỉ cần nói rằng Đạo Phật đã du nhập vào Việt-nam như

một nguồn an ủi, và phát-triển trong dân-tộc thành một lý-tưởng : Đạo Phật đã là một tâm-lực để giải-phóng dân-tộc giải phóng con người, và dẫn dắt xã hội Việt-nam trên con đường xây dựng độc lập bình-đẳng và tự-do. Nhưng bắt đầu từ đời Trần, Đạo Phật đã dần dần nhường bước cho Đạo-giáo và Nho-giáo trong đời sống của lớp sĩ-phu, để đi sâu vào trong lòng người dân và lẫn vào với nếp sống của dân-tộc.

Đã từ lâu lắm, Phật-giáo, và nhất là Phật-giáo Việt-nam bị giảm thiểu vị thiếu những nhà tư-tưởng, và trở nên lu mờ vì đã từ bỏ mọi tham vọng trong vấn-đề lãnh-đạo quốc-gia để trở thành tôn-giáo của người cùng-dân. Một hình-ảnh suy-tàn của Phật-giáo đã hiện ra; trong cái hình-ảnh đó, giáo-pháp chỉ còn là một thái-độ thanh-thản trước sự chết, và tăng già chỉ còn là những người chán cảnh đời mà tự chôn mình trong những chùa-chiền vắng vẻ; ngay cả Đức Phật cũng chỉ còn là một vị thần rất hiền từ và có nhiều phép lạ, khả dĩ cứu ta ra khỏi những cơn nguy khổ khi ta cầu lạy.

(còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN-NGỌC-NINH

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài «Đức Phật và sự cải-tạo xã-hội» của G.S. Trần Ngọc Ninh đăng trên Bách-khoa số 345 (15-5-71) có một vài chỗ in sai sau đây, mong quý-vị độc-giả sửa lại cho đúng giúp cho :

— Trang 12, cột 2, các hàng 11, 12, 13, khi máy in chạy, chữ cuối hàng trên bị rớt xuống hàng dưới, nên các chữ «khó» «mắc» «trần» xin sửa lại là «khóc», «mất», «trần».

— Trang 16, cột 1, hàng 4, thiếu một câu xin thêm như sau: «ba hạng giáo sư : những giáo-sư chưa chứng được quả đã giảng dạy, mà dạy kém, làm cho thính chúng rời xa sự tu-học, ...»

— Trang 16, cột 2, hàng 14 : đã in «người không thuộc», xin sửa là : «người thông thuộc»

— Trang 16, cột 2, hàng 17 : đã in «bà» của người khác», xin sửa là : «bò» của người khác».

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và quý vị độc-giả.

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
多
金
地
名
貴
牌
超
大
煙
等
方

Cuối tháng 4/71, một tập truyện tuyệt vời ra mắt

NHỮNG VÌ SAO VĨNH BIỆT

Tác-giả : TRẦN HOÀI THƯ — Ý THỨC xuất bản

Người đọc chắc hẳn sẽ rần rụa và xúc động với từng trang giấy đề nhìn lại thân phận mình, tha nhân và đất nước. Bởi chưa bao giờ lại có một tác giả trẻ Việt-Nam dám lặn xả vào lửa đạn, quân lao, kiêu hãnh kéo dài cuộc sống khốn khó của một quân phạm để viết nên một tập truyện như thế.

Tiếng gọi về nguồn

● PHAN - DU

(tiếp theo BK 345)

Cội nguồn đối với loài người

Những gì soi sáng được ở phía loài vật cũng soi sáng được phần nào ở phía loài người. Vì như đã nói, chúng ta vừa khác với loài vật lại vừa giống. Chuyện đó đã quá hiển-nhiên. Nhưng điểm cần nhấn mạnh ở đây là không những chúng ta phải mang một hình-hài sinh-vật, mà còn mang theo, trong cả chủng loại, trong mỗi con người chúng ta, một quá khứ sinh vật lâu dài. Sự kiện này có nghĩa là con người không phải chỉ được Tạo hóa nặn ra, như triết gia kiêm y-sĩ La Mettrie đã nói, bởi cùng một chất bùn như bao nhiêu loại tạo sinh khác, có khác chăng là chỉ khác chất men, mà con người còn là cái kết-quả của một cuộc tiến-hóa lâu dài.

Trước kia, dù chưa có những khám phá chính xác của Khoa-học, thì ngay trong sự chiêm nghiệm các hiện-tượng của cuộc đại-hóa, với cái khả năng trực giác, mãnh cảm, con người đôi khi cũng đã cảm nhận được cái lẽ nói trên, cái sự thực bí-ẩn mà Goethe từng nhắc đến :

*Hướng về những tiêu-chuẩn vĩnh-cửu
Mây tự chuyển hóa qua hàng nghìn, hàng
nghìn hình thái.*

*Và phải trải qua vô vàn thế kỷ mới
trở được Con Người (1)*

Đến nay thì khoa học đã soi sáng cho chúng ta những gì trước kia còn

lẫn khuất, hàm tàng bên dưới những hiện-tượng tiến hóa, và nhờ đó, chúng ta càng cảm nghiệm được rõ ràng hơn là : sự Sống, trên đà tiến hóa, tuy có chia tách ra nhiều dòng, và mỗi dòng có thể toả ra nhiều cành, nhiều nhánh, nhưng tất cả, dù ngay đến những dòng hay chi nhánh bị lâm vào con đường cụt không thể thoát ra, đều có phần đóng góp vào cái dòng chính, tiến tới không ngừng, và, trong đó, những gì đến sau, những gì được nâng cao hơn trên thang tiến-hóa, phải là những kết quả tích lũy, hội tụ bao nhiêu kinh-nghiệm của Vật Sống, qua cái quá trình chinh-phục tinh cầu lâu dài của sự Sống trước đó.

Soi sáng về phương diện này trước nhất phải kể đến, là Thai-sinh học, với những khám phá khiến chúng ta phải nghi ngại nhiều. Nếu thử đem đối chiếu sự diễn biến cơ-thai con người với bốn luật của Von Bear (2) thì những gì xảy ra trong

(1) — **Tu te meus vers des normes éternelles
A travers des milliers et des milliers de formes,
Et il faut des siècles pour arriver à l'homme.**

(2) — Theo luật thứ nhất và thứ nhì, các đặc tính phát hiện ở phôi-châu kế tục nhau theo cái tuần tự từ những đặc tính chung của giới rồi đến của ngành, lớp, bộ, họ, loại, chủng loại. Theo luật thứ ba và thứ tư, giới động vật không phát triển theo đường thẳng, trên một cái thang độc nhất như Charles Bonnet từng quan niệm, nhưng phát-triển như một thân cây đâm nhánh ở tất cả các bậc.

đó quả thực không phải chỉ có một ý nghĩa như J. Huxley đã nói : sự lặp lại một lược đồ cơ cấu tổ tông (réitérer un schéma de structure ancestrale) (1) một cách âm thầm, máy móc. Thực khó cho chúng ta chấp nhận là không có một ý nghĩa nào khác hơn, đáng cho chúng ta phải tìm hiểu nhiều hơn, khi dưới mắt chúng ta xuất hiện một phôi-châu giống với phôi-châu của bất cứ một động-vật có vú nào khác và rồi, trên phôi-châu đó, ta sẽ được thấy những khe mang giống như thai dạng mang cá hiện ra trên cò, một cái thận nguyên thủy giống với một phần thận cá chình chỉ xuất hiện vài ngày lại biến đi để được thay thế bởi một cái thận thứ hai giống như thận ếch, và thận này cũng chẳng có một năng chức gì ngoài việc chỉ hiện ra vài ngày để cũng rút lui và nhường chỗ cho một cái thận thứ ba, thận người thực sự (2). Sau đó, vào khoảng từ tháng thứ sáu đến tháng thứ tám, ở thai nhi, chúng ta sẽ thấy mọc một ra lớp lông măng giống y như lớp lông của loài có vú, nhưng lại biến đi trước khi đưa trẻ lọt lòng. (3)

Cái ý nghĩa trước tiên của những hiện tượng trên đây là chỉ xét riêng về mặt hình-hài, thì lối cấu tạo quả là một đúc kết của nhiều cơ-cấu đã có từ trước. Mọi sự đã xảy ra đúng như là : « ... Trong cuộc tiến hóa đi lên của thế-giới vật-sống. Thiên-nhiên đưa vật-sống từ giai đoạn cũ đến giai đoạn mới, rồi mới hơn, liên-tục, mạch lạc như thể bằng cách dựa trên hình thức cơ-thể cũ để tạo

nên những hình-thức mới-mẻ và thăng bằng nhất, phù hợp, thích nghi với những nhu cầu của vật-sống là « dinh dưỡng » và giao tiếp « càng linh-hoạt, càng sống động càng hay » (4).

Nhưng cùng với nghĩa trên đây, còn có một ý-nghĩa quan trọng hơn, mà muốn rõ, chúng ta cần nhớ lại rằng : cuộc tiến-hóa sinh vật, kể từ con động-vật đơn bào đầu tiên cho đến lớp *Người-Vượn Phương Nam* — lớp linh-trường đứng thẳng xuất-hiện trước lớp người *Tối-Cổ* — không phải chỉ là một cuộc tiến-hóa về cơ-cấu, hình thái mà thôi, nhưng đó còn là giai-đoạn đầu tiên của một quá trình dài đặc mà sự sống phải vượt qua, vì cái ý-hướng tiếp xúc với Tâm-thức. Đây là giai-đoạn *Vật-sống tự tìm cách giải phóng lần hồi khỏi sức kiềm tỏa của cái tiếp-cận và của hiện-tại*, thoát dần cái thế ràng buộc quá ư khít-khao, chặt-chẽ của những *quan-hệ nhân-quả* từng chi phối, thống trị vật chất vô-sinh một cách độc tài để tiến tới *chung cục nguyên nhân bản-năng* (finalité instinctive). Một tiến trình lần mò, dò dẫm, sờ-soạng, rút tỉa, tích lũy kinh nghiệm, từ đi lối động ứng

(1) — L'Evolution et l'homme par Georges Olivier (La récapitulation) page 43

(2) — L'Homme par Jean Rostand (Le cycle vital de l'homme) p. 33

(3) — Le Singe nu par Desmond Morris (Comment la dénudation s'est-elle exécutée ?) p. 39.

(4) — Vẽ phác một chân dung con người của Cs. Lê-văn-Hào (Tiến hóa hình-thể từ vật đến người) Tr. 19- Trình Bày 1967.

thụ-động bằng những phản-xạ, đến chỗ kết hợp, tổ-chức các phản-xạ thành bộ, thành những lược đồ hoạt-động (Schémas d'activités) (1), Vì lược đồ hoạt-động được ấn định bởi bản-năng, nhưng sự thích ứng các lược đồ hoạt-động với hoàn-cảnh, trạng huống mỗi lúc đề đạt được mục đích, thỏa mãn được nhu-cầu lại đòi hỏi ở con vật sự uyển chuyển, biết tùy theo tình-hình mà đổi thay về chi-tiết. Chính sự-trạng này triển khai sáng kiến. Cho nên, song song với những nỗ lực cải tiến về sự linh-động của cơ-thể, những nỗ-lực trên đây phát-triển lần hồi hệ thần kinh, não bộ, trí-giác, bản-năng, cấu thành nên máy sinh-hoạt tâm thần đơn-giản, đề chuyển dòng Tiến hóa vào giai-đoạn thứ hai, mà loài người, với lớp *Nomo Faber* có sứ-mạng phải kể tục, và sau đó, những lớp người *Nomo Sapiens*, tức là giai-đoạn đi từ chung cục nguyên nhân bản năng đến chung cục nguyên nhân tự do và có ý thức, đi từ sinh-hoạt tâm thần đơn-giản đến sinh-hoạt tâm thần phức tạp, từ bản năng qua trí khôn cụ-thể tới trí khôn biểu tượng, đưa vật sống tới chỗ tiếp xúc thực sự với Tâm thức (2).

Liên hệ cái tiến-trình này với những gì đã xảy ra qua những diễn biến của cơ-thai về mặt cơ-cấu của thân thể, chúng ta hẳn phải nghĩ đến một sự thể tương-tự cũng có thể xảy ra về mặt tinh-thần, nghĩa là cái quá khứ tâm lý dài dặc vừa nói trên đây cũng đã được ghi lại trong phần Vô-thức của con người. Và đây không phải là một giả-

tưởng vô căn cứ. Ít ra thì đến nay, sự phối hợp giữa một số thành quả nghiên cứu của Nhân-loại học với những khám phá của ngành Tâm-vệ-th học (Psychiatrie), nhất là của Jung, cũng đã vén lên được phần nào bức màn bí-mật.

Chúng ta được biết thuyết «*Di-truyền về các đặc-tính chủng-tộc*» mà Phân-tâm học đưa ra đã được bảo-chứng bởi một số dữ-kiện của Nhân-loại học. Qua sự theo dõi, quan-sát những chứng bệnh thần kinh và tâm bệnh, và đối chiếu với những điều hiểu biết về các phong thói sinh-hoạt của các bộ lạc cồ-sơ, do Nhân loại học cung cấp, các nhà tâm bệnh học đã ghi nhận được rằng những thói quen cùng những lối biểu thị tượng trưng có vẻ kỳ quái của những cá nhân thường cảm thấy nhiều khó khăn có tính cách bệnh hoạn trong cách thể thích ứng với môi trường xã-hội, có nhiều điểm giống với nội-dung các lễ-thức và thái-độ tượng trưng của con người nguyên-thủy. Nhiều và giống đến nỗi người ta có thể coi những gì xảy ra ở người bệnh chính là sự di-truyền sống động của các «*siêu tượng tinh thần, cảm tính*». Jung nhà tâm bệnh

(1) — Lược đồ hoạt động thoạt tiên còn đơn giản nhằm thỏa mãn những nhu-cầu tức khắc, như tìm thực phẩm, bắt mồi để ăn ngay khi đói, lẩn trốn, tránh né, kháng cự để bảo vệ bản-thân, rồi tiến tới những lược đồ hoạt động phức tạp hơn nhằm đáp ứng những nhu-cầu không gấp vội, thu đạt mục đích, hơi xa như đào hang để ở, làm tổ để sinh nở v.v. sau đó lại tiến tới những lược đồ càng phức tạp hơn, không những chỉ nhằm mục đích xa, nhu cầu chậm mà còn có thể xử dụng trở lại, như lối tạo nơi chắt chứa, tích trữ thực phẩm ở loài ong, loài kiến v.v.

(2) L' Evolution humaine par Jean Przyluski (La conduite humaine) p. 40. 41— Presses Universitaires de France. 1942.

học kiêm phân-tâm-học, đã từng lưu ý chúng ta về cái ông gọi là «*Vô thức cộng đồng*» (inconscient collectif). Theo ông, trong mỗi cá-nhân, bên cạnh những kỷ-niệm riêng của đời mình, còn có những ảnh-tượng tối sơ lớn lao, những biểu-tượng nhân loại tiềm tàng về sự vật y nguyên như thuở nào, được trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, hay nói rõ hơn: *các kinh-nghiệm văn-hóa của người nguyên-thủy đã được truyền xuống mãi mãi, từ thế hệ này qua thế hệ khác, cho các lớp hậu-sinh, ngoài sự hay biết của chính họ, theo những đường lối mật nhiệm, vượt hẳn mọi khái-niệm của sinh vật học hay tâm lý học*» (1) và như vậy, cũng theo Jung, nếu thân-thể người đã là một tập hợp đầy đủ những cơ-thể có trước, mỗi cơ thể là một kết quả của một cuộc tiến-hóa qua các thời kỳ tiền-sử, thì ta phải nghĩ rằng: *tinh thần cũng như thể-chất của ta không thể là một cái gì không có quá-khứ, không có lịch-sử của nó*» (2).

Chính hai thứ quá khứ lâu dài trên đây, quá khứ của cơ-thể (sinh-vật) và quá khứ tâm lý (tinh-thần), kết hợp với những khám phá của các ngành động vật học, cổ sinh động vật học, thể học v. v. sẽ giúp chúng ta tìm được sự giải đáp thoả đáng mà chúng ta muốn tìm.

Trước tiên về phương-diện sinh-vật, chúng ta cần biết qua những gì đã xảy ra trong cái quá khứ lâu dài về cơ-cấu cũng như lối động-ứng, suốt cuộc tiến hóa của loài người.

Điểm đáng lưu ý trước hết, là loài người là một nhánh đâm ra từ bộ Linh-trường. Chỉ xét về mặt thể học, nhà động-vật học Desmond Morris đã có

thể nói: «*Căn cứ vào răng, bàn tay, cặp mắt và nhiều đặc điểm khác về thể-học, thì rõ ràng đó là một con linh-trường nhưng là một giống linh-trường kỳ quặc: linh-trường trụi lông*» (3). Thực vậy, chúng ta rất giống với loài khỉ Nhân-hình, và không phải chỉ về phương diện thể học mà thôi. Còn giống ở nhiều phương diện khác. Giống về máu. Giống về chu-kỳ kinh nguyệt. Giống về thời kỳ thai nghén (suýt soát nhau). Giống về việc chúng có thể nhiễm hầu hết các chứng bệnh của người do vi trùng hay vi-khuẩn gây ra, và sự trạng này chứng tỏ sự giống về lối cấu tạo thể-dịch. Và một điểm giống đáng tự hào hơn cho loài khỉ nhân-hình là chúng cũng có nhiều chí như người. (4) Nhưng không phải chỉ giống với

(1) — Anthropologie. I — Culture et personnalité par Edward Sapir (Sur les rapports entre l' Anthropologie culturelle et la Psychiatrie) Edit. Minuit. 1967 — P. 89 — 104.

(2) — Hành-trình vào phân-tâm học của Vũ đình-Lưu (Mộng mị) — Hoàng-đông Phương. 1968.

(3) — Le Singe nu Par Desmond Morris (Origines) Edit. Bernard Grasset 1968. p. 15.

(4) — Theo phương pháp kết-tuả tổ (méthode de pré in'ines) thì máu vượn giống với máu người hơn; còn theo phương pháp tiêu-hóa-tổ (méthode des hémolysines) thì máu Đười-ươi lại giống hơn. Lại xét chung về những phản ứng của huyết thanh thì máu Hắc tinh giống với máu người nhiều hơn với máu các loài khỉ như khỉ đàn và khỉ lớn ở Phi châu (Babouin). Các nhóm máu người: O, A, B, A B cũng tìm thấy ở các loài khỉ nhân-hình. Người ta có thể tiêm, một cách vô hại, máu của Hắc tinh cho một người có cùng nhóm máu với nó. — Thời kỳ thai nghén ở loài Đười-ươi là 275 ngày, ở loài Hắc-tinh là 270. (L' Homme par Jean Rostand — L'Homme dans le règne animal. p.11, 12).

bọn Linh-trường, mà còn có nhiều điều giống với các sinh vật khác. Vì bộ Linh-trường vốn bắt nguồn sâu xa từ những lớp động vật có vú ăn sâu bọ đầu tiên. Với đời sống trên cây cối, các họ Linh-trường chuyển sang chế độ ăn toàn trái cây. Nhưng rồi một biến cố bất ngờ xảy ra, có thể là vào thời Trung-tân, một cuộc đại biến, đã thúc đẩy nhánh Linh-trường được tuyển chọn để đối phó với nghịch-cảnh, tiến vào con đường nhân-hóa, — chừng như là chi tộc *Ramipithecus* (1) — phải sớm giã-từ cõi Địa đàng sắp tan vỡ, can đảm hòa đồng vào cái xã-hội của các loài có vú sống trên mặt đất.

Nhập gia tùy tục, dễ thích ứng với cái xã-hội mới này, chúng phải thay đổi lối ăn thực, bỏ thói ăn nhóp nhép tối ngày, tập dùng bữa có cách khoản, và nhiễm tập cả thói quen ăn thịt. Với cái truyền thống ăn sâu bọ tiềm tàng gặp dịp cần được triển-khai, với lối ăn trái cây đã quen mồm, lại nhiễm tập được lối ăn thịt, chúng trở thành một giống động vật thích ứng với mọi thứ thực phẩm, và đó là một lợi thế đặc biệt để chúng loại chiếm được ưu thế trong cuộc cạnh tranh sinh-tồn. Nhưng điều cần nhấn mạnh ở đây là, đồng thời với sự nhiễm tập về lối ăn uống mới, chúng cũng nhiễm tập được nhiều phong thói khá hay, rút được nhiều kinh nghiệm có lợi. Đáng kể nhất trong những phong thói mới này là *nơi ăn chốn ở nhất định*.

Linh-trường là vốn thích lang-thang. Giới hạn nó cần biết đến chỉ là sản-địa, còn nơi trú ẩn nhất định thì chúng bất cần. Nhiều loại khỉ Nhân-hình đến

nay vẫn còn quen thói «bụi đời» như vậy. Ban ngày dắt vợ con đi lang-thang, đêm về chọn cây cao, xếp đặt chỗ ngủ. Có loại cùng chia sẻ chiếu giường với vợ con, nhưng có loại con đực xuống ngồi tựa gốc cây, ngắm trăng sao, mơ mộng và mơ mộng chán, đánh một giấc cho đến sáng hôm sau lại kéo đàn thê tử, tiếp tục ngao-du. Cũng như phần đông các loài vật khác, những loại có vú ăn thịt và sống ở mặt đất, không thích cái lối «sinh vô gia cư, thác vô địa táng» như vậy. Ăn thịt thì phải săn thú, săn thú thì phải lùng đuôi, rình mò, với tình trạng đó, mang con cái theo là chuyện vô cùng bất tiện. Phải có hang để ở, có mái ấm để chui đụt, tránh nắng, núp mưa, ẩn trú mùa đông tháng giá, bảo vệ sự an toàn cho gia đình và sinh nở khi cần (2). Đã có nơi cư trú nhất định, có mái ấm, tự nhiên phải có khuynh hướng bảo vệ mái ấm, bảo vệ khu vực quần cư, linh thờ. Bản năng bảo vệ mái ấm, linh thờ phát sinh rất sớm ở loài vật, và mỗi chủng loại có những sáng kiến riêng biệt của chúng. Bọn *Hải-ly* (*Castor*), để bảo vệ, biết đắp những mô đất nhỏ chung quanh nơi chúng ở, rồi tưới lên đó những giọt *hải-ly hương* là chất nước tiết ra từ hạch da qui-đầu, có mùi nồng rất khó chịu đối với các giống vật khác. Loài gấu đánh dấu linh-thờ của chúng bằng cách cào rạch vỏ cây mọc ở quanh vùng. Lối bảo-vệ của *Linh-dương* có vẻ lãng mạn và nên

(1) — *L' Evolution par Ruth Moore. P 104 — Collections Time — Life. 1969.*

(2) — *Le Singe nu par Desmond Morris (Structure et mode de vie des purs carnivores). p. 24 — 27.*

thơ hơn. Nó rướn lên những cây nhỏ chung quanh linh thờ, như muốn khéc trước về nỗi *quốc phá gia vong* khó tránh được trong cái chuỗi thiên-diễn vô-thường (1).

Bọn Linh-trường đứng thẳng, vì cái thế phải thích-ứng, không thể còn giữ được cái thói *sinh vô gia cư* như cũ. Và lại trong cuộc sống mới, mà nguồn sống chính phải là thịt thú, chúng sớm rút được kinh nghiệm săn tập thể ở một số động-vật có vú khác như sói, sư-tử, chó hoang Phi-châu (2) Săn thú, đuổi thú, nhất là những loại thú lớn như voi, mammoth, bò tót, hoặc các loại thú chạy nhanh như nai, ngựa, linh-dương, dã-nguru, tuần lộc v. v. thì thường phải đi xa, phải năng văng mắt. Cách thức lạp thú càng trở nên phức tạp, những chuyến đi săn càng dài ngày, giống Linh-trường đứng thẳng càng thấy sự cần thiết của một mái ấm, một nơi để vợ con lưu-trú và nó có thể yên tâm gia-nhập đoàn săn. Phương thức sinh-hoạt mới này còn giúp giống Linh-trường đứng thẳng bỏ được một phong thói không hay. Trước kia, bọn linh-trường đực không hề quan-tâm đến con cái, khoán trắng việc nuôi nấng giáo dục cho *má bầy trẻ*. Đến nay thì cũng như loài sói, những con đực bắt đầu có ý thức trách-nhiệm đối với đàn thể tử (3). Có thể nói bản năng bảo vệ linh-thờ, thiết-tha gắn bó với mái ấm của loài người được bắt đầu triển-khai từ cuộc tiếp xúc giữa giới Linh-trường đứng thẳng với các loài động vật có vú ở mặt đất, và, cũng chính từ đây, thực-thể gia-đình, vốn đã manh nha ở một vài loài khỉ Nhân-hình như ta thấy hiện nay, bắt

đầu phát hiện. Sự kiện này càng bảo-chứng vững vàng cho quan-điểm của một số các nhà Nhân-loại-học, theo đó, gia-đình đã xuất hiện rất sớm trong loài người. Gia-đình là một cơ-cấu đã có từ rất xưa còn được duy-trì lại, chứ không phải là một thực-thể mới lộ-xuất về sau (4).

Và chính cái bản-năng bảo vệ linh-thờ cùng những phong-thói mới được nhiệm tập này, về sau, càng tạo thêm nhiều lợi-thể cho con người trong việc thành lập xã-hội, quốc-gia. Cũng như các loài sinh-vật khác, khi chủng-loại đã đạt tới cái ưu-thể phiền-thực, lan tràn rộng rãi, thì ý-thức chủng-loại được thay thế lần hồi bởi ý-thức tranh-thủ, bảo vệ quyền sống cho biệt-chủng, cho giống nòi, và, ở con người, chính những nhu-cầu này đưa tới sự hình-thành quốc-gia, xã-hội.

Cứ xét từ cội nguồn của xã-hội, qua sự khảo-sát các định-chế của những bộ-lạc cổ sơ, người ta nhận thấy rằng: sự *tham-dự nơi Thánh* (participation au Lieu Saint) cũng như sự *tham dự tư dưỡng* (participation alimentaire) hay *tham dự tình-dục* (participation sexuelle), là một trong những yếu tố tiên khởi đã tạo nên sự thống nhất, cố kết của cộng đồng, xã-hội. Đất đai, linh thờ, trên đó, một bộ lạc cư-trú, sinh hoạt, không phải chỉ cần bảo vệ vì xét như là một địa bàn hoạt động,

(1) — *Les Conquêtes de la Vie par Henri Friedel* (La défense et l'extension du territoire) p. 117.

(2) — *Le Singe nu par Desmond Morris* (Structure et le mode de vie des purs carnivores) p. 24 — 27.

(3) — — id — — id — p. 35.

(4) — *Anthropologie I — Culture et personnalité par Edward Sapir* (Anthropologie et sociologie) p. 332 — 345.

sinh-tồn, mà còn vì cái tính cách thiêng liêng, siêu việt của nó. Cái gọi là *Rừng thiêng* (Bois sacré) ở nhiều bộ lạc cổ sơ là một địa-điểm thiêng liêng, tượng trưng cho cộng-đồng và môi-trường địa-lý, và là nơi mà các thị-tộc thuộc bộ-lạc có thể gặp lại, tìm thấy những loại cây hay thú vật thường biểu-hiệu cho Vật-tò của mình. Những nghi-thức cử-hành tại đây, nhờ vậy, gây ra được sự gắn bó, kết hợp các thị-tộc cùng nhau, tạo được mối tình liên-đới tinh-thần. Năng-chức thiết-yếu của *Rừng-thiêng* hay *Nơi thánh*, cũng như các hệ-thống tôn-giáo là sự kết-hợp, ràng buộc con người với hoàn-cảnh địa-lý với đất đai và, qua đó, với cả Vũ-trụ (1). Ngay đến lối *tham dự tư-dưỡng*, nghĩa là cái nghi-thức ăn Vật-tò (cây hay thú vật) để được đồng hóa với Vật-tò, cũng tạo ra một liên-hệ mật-thiết giữa con người với đất đai, linh-thờ, vì những loại cây hay thú vật được chọn là những thứ thường được thấy trong sản-địa của mình. Về sau này, trong những xã-hội nông-nghiệp, cái nền *Xã thờ thần Hậu-thờ*, cái nền *Tắc thờ thần Nông*, cũng bao hàm một phần ý nghĩa tương tự. Dù rằng phải có người đã rồi mới cần đến Đất, đến lúa, đến vấn đề Linh-thờ, Tư-dưỡng, theo thứ tự thì *Xã-tắc* được kê sau người, nhưng lại được coi trọng hơn Vua, tượng trưng cho Định-chế (xã-tắc thứ chi, quân vi khinh), được đồng-nhất-hóa với quốc-gia, mất nước là mất xã-tắc.

Và trong cái sản-địa, trên cái linh-thờ, cái địa-bàn cần được bảo-vệ bằng mọi giá ấy, những bộ-lạc kết hợp thành **dân-tộc**, tạo dần lịch-sử, xây dựng, bồi

đắp nền văn-hóa của mình.

Đến đây, chúng ta hãy đi sâu vào cái quá-khứ tinh-thần. Tiền sử cho biết rằng phải đến những lớp người *Cổ Mới* thuộc chủng loại *Homo Sapiens*, bắt đầu xuất hiện cách đây vào khoảng từ 30.000 đến 25.000 năm, về thời *Cổ-thạch-khí thượng kỳ*, loài người mới thực sự chuyển vào cuộc tiến hóa văn-hóa, xã-hội. Những lớp người về thời này không phải chỉ lưu lại vết chân trên nền đất sét của một hang động ở Ariège (Pháp), nhưng còn lưu lại rất nhiều chứng tích về những hoạt-động nghệ-thuật, tôn-giáo, ma-thuật, xã-hội, như những hang động trang trí, hình họa, hình chạm trên vách hang động hay trên các vật dụng, tượng *Vệ-nữ* dùng trong các lễ-thức cầu đảo sự mắn đẻ, dấu vết các nền lều hình thuẫn, nền nhà hình chữ nhật, các bếp lửa cá nhân và tập thể, nghi-thức chôn cất người chết (2) chứng tỏ các cơ-cấu tâm lý xã-hội như ngôn ngữ, tôn giáo, nghệ thuật đã thành hình, xã-hội đã có thượng tầng kiến trúc, con người đã có văn-hóa.

Trước kia, có lúc người ta nghĩ rằng cuộc tiến hóa sinh-vật đã đình chỉ lại ở loài người, chậm nhất là với lớp người nói trên. Nhưng đến nay mọi sự đã rõ ràng là cuộc tiến-hóa của loài người vẫn gồm cả hai phần : *tiến hóa sinh-vật* và *tiến-hóa văn-hóa, xã-hội*. Chính nhờ có thêm phần tiến hóa sau

(1) — L' Evolution humaine par Jean Przyluski (La coordination sociale) p. 112.

(2) — Géographie humaine préhistorique par Louis René Nouguier (Les grands chasseurs des grottes ornées — Le Lepolithique) Edit. Gallimard. 1969.

này, loài người đã mang ủng bẫy dậm mà đi, bởi lẽ con người có thêm một phương thể di-truyền tiện lợi, nhanh chóng hơn xưa. Nếu lối di-truyền sinh-vật, như đã nói, chỉ có thể thực hiện bởi những tế bào sinh-dục, theo đường lối sinh-dục, chậm chạp, khó khăn, thì, trái lại, những truyền-thống xã-hội, những giá-trị văn-hóa, những kinh-nghiệm kỹ-thuật, sinh-hoạt, nhờ có ngôn ngữ, văn tự, các phương tiện giáo dục truyền thông, có thể phổ biến, trao truyền một cách sâu rộng, mau lẹ, dễ dàng.

Danh từ văn hóa thường có nhiều lối định-nghĩa. Nhưng ở đây, để giúp sáng tỏ thêm vấn đề, có thể chúng ta nên hiểu cái nghĩa văn-hóa theo quan-điểm nhân-loại-học. Văn-hóa là *toàn bộ cái phức thể bao gồm : tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, và bất cứ những năng tài hay phong tục nào khác đã thu đạt bởi con người xét như là một phần-tử của xã-hội* (1) Và trong cái phức thể này lại nên phân biệt một toàn bộ những thái-độ, những nét đặc trưng về nếp sống, nếp nghĩ, lẽ lối phản ứng v.v. tạo thành cái bản-sắc, đặc tính riêng của một nền văn hóa, đem lại cho dân-tộc cái địa-vị độc đáo của nó trong thế-giới (2). Một điểm cần tế-nhận ở đây là : người ta thường cho rằng văn-hóa là sản-phẩm của xã-hội. Nói như vậy chỉ đúng nếu chúng ta không hiểu nghĩa xã-hội là cái *cộng-đồng lý-thuyết*, mà xã-hội đây có nghĩa là những *hỗ-tương tác-dụng* giữa các cá-nhân trong xã-hội. Văn-hóa là *sản phẩm của những hỗ-tương tác dụng này và, thêm vào đó, xét về phương diện chủ-quan, là cái vũ-trụ ý nghĩa mà mỗi cá*

nhân có thể tự tạo ra nhờ ở những quan-hệ giữa họ với tha-nhân (3).

Hiểu văn-hóa như vậy, chúng ta có thể thường nghĩ rằng : chúng ta hành động, tư tưởng, phản-ứng, và tất cả mọi thái độ, cử chỉ, cung cách xử thế, xử sự của chúng ta là hoàn toàn phát xuất từ cái ý tự phóng, tự tác của ta, hay phải nói cho đúng hơn, thì trong đó còn có một phần do ảnh-hưởng của xã-hội. Quả thật trong mọi thái-độ của ta, dù là một lối nói, một kiểu cười, một cung cách giao tế, cũng có cái phần của ta và một phần thuộc về xã-hội, nhưng thực ra, thì giữ phần quyết định nhiều hơn lại không phải là xã-hội càng không phải là do chủ ý của ta. Một cái gì khác hơn, vô hình, tiềm ẩn. Bởi lẽ, tất cả mọi thái-độ văn-hóa đều vâng theo những *mô-phạm văn-hóa* (modèles culturels). Nằm bên ngoài tầm nhận thức của cá-nhân, các mô-phạm văn hóa này đào luyện, nhuận sức, uốn nắn, đắp khuôn không ngừng mọi thái-độ của cá-nhân. Và, do đó, *không có một thái-độ, một hoạt-động, một định-chế nào không biểu-thị, đồng thời mang dấu vết, của một hay nhiều mô-phạm văn-hóa mà tổng số tạo thành một nền văn-hóa*. Và như vậy, mỗi thái-độ là biểu-tượng tượng trưng của một mô phạm vô-

(1) — L'Homme et l'évolution par Theodiosus Dobzhansky (L' Evolution de la culture)

(2) — Anthropologie 2 — Culture par Edward Sapir (Cultures authentiques et cultures inauthentiques) p. 137 — 138.

(3) — Anthropologie 1 — Culture et personnalité. par Edward Sapir (Sur le rapport entre l' anthropologie et la psychiatrie) p. 89 — 104

thức, để người ta có thể cho rằng : văn-hóa không có gì khác hơn là một hệ-thống truyền-thông rộng lớn, mà cái sách luật vô thức (*code inconscient*), hay tổng số những mô phạm văn-hóa, chi phối, đào-luyện, uốn nắn không ngừng thái-độ của cá-nhân trong xã-hội (1).

Cái sách-luật vô thức trên đây có gì khiến chúng ta liên-tưởng đến cái lịch-sử tinh-thần của ta theo như quan niệm của Jung. Dù chúng ta không muốn chấp nhận, như các nhà nhân-loại-học, giả-thuyết « Vô-thức cộng-đồng » của nhà tâm bệnh học kiêm phân tâm học người Thụy-sĩ (2), dù chúng ta còn hoài nghi về những vết tích Bàn-cổ của Freud, thì ít nhất chúng ta, sau khi đã đi sâu vào những diễn tiến của cuộc tiến hóa như đã trình bày ở trên, cũng phải cảm nghiệm được và nhìn nhận rằng : trong tinh-thần ta không phải chỉ có cái quá khứ riêng của đời ta như Bergson từng quan-niệm, không phải chỉ có những cảm nghĩ, suy tư, thích muốn được tích lũy từ thời thơ ấu đến nay và bị dồn ép bên ngoài cánh cửa của Tâm-thức mà thôi (3). Ít nhất chúng ta cũng phải chấp nhận là còn có gì nhiều hơn nữa, nhiều hơn cái quá-khứ của một đời người ấy, nhiều hơn những kinh-nghiệm văn-hóa chúng ta được tiếp nhận từ khi chào đời về sau, hay nói cách khác, trong tinh-thần của ta có hàm tàng cả một quá-khứ tâm lý của Dân-tộc, hàm-tàng những kinh-nghiệm văn hóa của dân-tộc kể từ cái cơ-cấu sơ nguyên và, riêng đối với chúng ta, con người Việt-nam, có thể kể từ cái thời, trong màn khói sương mịt mờ của Huyền-sử, đã xảy ra cái cảnh Tiên Rồng phân chia đôi ngã, với những

gì tiếp diễn, sau đó, trên cái địa bàn của một nước Văn-lang.

Cái quá khứ tâm lý có quan hệ với những mô phạm văn-hóa, với cái sách luật vô thức ấy hay cái then chốt của cả một hệ-thống biểu-tượng bao gồm những huyền-thoại, tín ngưỡng, tôn-

(1) — *Anthropologie I — Culture et personnalité* par Edward Sapir (Avant propos) p. 9 — 34.

Nói như vậy không có nghĩa là con người hoàn toàn chịu thụ-động và phải coi sức chi-pối của các mô-phạm văn-hóa là những gì không thể và không nên vượt qua. Một nền văn-hóa dân-tộc dôi dào phách lực và tiến bộ không thể là một di-sản được tiếp nhận một cách thụ-động từ quá khứ, nhưng phải là một nền văn-hóa mà, trong đó, có sự tham dự có tính cách sáng tạo của những phần-tử thuộc cộng đồng. Điều căn bản cần nhấn mạnh ở đây là sự tham dự có tính cách sáng tạo phải có nghĩa là biết nương theo, dựa vào những mô-phạm, truyền thống sẵn có, uốn nắn những hình thái sẵn có nhằm đáp ứng nhu cầu, thích nghi trạng huống mới, chứ không phải phủ-nhận, đoạn tuyệt hẳn để tạo ra những gì hoàn toàn mới theo ý thích chủ-quan.

(2) — Edward Sapir cho rằng : Vô-thức cộng đồng của Jung làm rắc rối thêm hơn là giải quyết vấn đề tìm hiểu thái độ văn-hóa xã-hội Theo ông, khi nói đến Vô-thức trong mô phạm vô-thức, không có nghĩa là nói đến một thứ tinh-thần cộng đồng, chủng-tộc hay xã-hội, phản chiếu một cách bí mật vào tinh-thần cá nhân, nhưng có ý nói là cá-nhân không biết rõ được hình-thái, ranh-giới, ý nghĩa của những hành vi mà họ phải thường xuyên noi theo một thứ kiểu-mẫu tiềm tàng. Và sở dĩ như vậy là vì, đối với những mối quan-hệ giữa các yếu tố tạo thành kinh nghiệm từng đem lại cho các yếu-tố này cả hình thái lẫn ý nghĩa, cá-nhân chỉ có thể cảm thức bằng trực giác chứ không thể nhận chân được với tất cả ý-thức.

(3) — *L' Evolution créatrice* par Henri Bergson (*La durée*) p. 5.

giáo, đạo đức, luân lý, luật pháp, giáo dục, nghệ-thuật, nghi thức, phong tục, tập quán, định chế v.v... vốn từng có nhiều liên-hệ mật thiết, khăng khít với hoàn cảnh địa-lý, với cái toàn bộ núi, sông, đất đai, phong thổ, khí hậu, nói chung là cái sản địa, linh-thờ trên đó cả một dân-tộc đã sống.

* *

Ta về ao ta

Xét qua những diễn tiến trên đây của cuộc tiến-hóa, về phương-diện sinh vật cũng như về phương-diện xã-hội văn-hóa, chúng ta đã thấy rõ, ở con người cái thể gắn bó với non sông, đất nước, xứ sở quê hương, không phải chỉ do những liên-hệ trong hiện tại hay từ cái quá khứ của thân xác, mà còn do từ một quá khứ tâm lý, tinh-thần, một *quá khứ văn-hóa* lâu dài của Dân-tộc. Đây không phải là thứ quá khứ như chúng ta thường quan-niệm, thứ quá khứ chỉ được nhận-thức qua sự tìm hiểu các biểu-tượng văn-hóa hay cái di sản văn-hóa chúng ta đang thừa hưởng - nhưng là cái quá khứ đã tiềm tàng sẵn trong ta, đã nhuần thấm cả phần tâm linh, tinh thần lẫn thể xác, có thể là từng trong mỗi tế-bào, mỗi thớ tim, mỗi sợi tơ kết dệt tâm hồn chúng ta.

Không phải chúng ta sinh ra rồi, nhập thế-cục rồi, đã chào đời giữa quê hương rồi, mới biết đến quê hương. Thực ra, chúng ta đã mang cả hình ảnh, yếu tính của nó ngay từ khi chúng ta còn là một hợp-tử, chúng ta đã lọt ra khỏi lòng mẹ với một cơ-cấu về thân xác từng được nhiễm-tập, qua không biết bao nhiêu là thế hệ, cái đặc chất

và tinh-hoa của quê hương hàm tàng trong không khí, trong ánh-sáng, trong màu sắc, thanh-âm, trong đất, trong nước, trong núi, trong sông, trong khí-hậu, phong thổ, trong phương-thảo, phương vật cùng những nguồn tư-dưỡng nơi đây. Và, cùng với cái cơ-cấu thân xác ấy, một cơ-cấu tâm linh, tinh-thần từng được tác luyện, nhuận sức, qua không biết bao nhiêu đời, về những phong thói, cách thức phản ứng, suy tư, do cái thể phải thích nghi, qui chính không ngừng của dân tộc với những điều-kiện ngoại tại riêng biệt của linh-thờ, và cái thể thích ứng của con người với cộng đồng xã-hội, qua cái tiến-trình qui chính nói trên.

Do đó, không phải chúng ta chỉ nhìn ngắm núi sông, đất nước, cảnh trí, cảnh vật, của quê hương với cái nhìn riêng của ta, không phải chúng ta chỉ nghe ngóng nhịp thở của đất thiêng, tiếng reo của suối, tiếng hót của chim, tiếng rì-rào của lũy tre, của lau lách, những giọng điệu dân ca tình tứ cùng bao nhiêu âm thanh, âm hưởng khác của xứ sở bằng đôi bờ tai của riêng ta, không phải chúng ta chỉ thưởng-thức hương thơm, mật ngọt của hoa quả, mùi vị những chất tư-dưỡng, những món ăn thức uống đặc biệt của dân tộc bằng cái khứu-giác, vị giác của riêng ta, nhưng chúng ta còn được nhìn bằng cái nhìn, nghe theo lối nghe, xúc động bằng con tim, rung động bằng tâm hồn của không biết bao nhiêu lớp người đã có trước ta, đã qua trước ta, đã sống trên linh-thờ này, đã phấn đấu, khai phá, biến cải, mở mang bờ cõi, xây dựng xã-hội quốc-gia.

Cho nên không một người nào, thuộc một dân-tộc nào khác, sống trên một linh-thờ khác, dù có sức mẫn-nhuệ tinh-tường của tai, của mắt, có sức mẫn cảm và khả năng trực-giác của người nghệ-sĩ, lại có thể nhìn thấu được như ta, cái chân-tướng của quê hương, xứ sở, cảm nhận được đúng mức tất cả những gì ở đó, trong đó, đã từng rung cảm, quyến rũ tâm hồn ta, chi phối mọi thái độ, phong thái sinh-hoạt của ta.

Kinh nghiệm đã quá rõ ràng là sự thích nghi với một thứ văn-hóa khác biệt, dù có thành công đến đâu cũng phải dừng lại ở bên ngoài ngưỡng cửa của cái quá khứ tâm-lý, của tinh-thần đặc tính dân tộc, vốn từng thâm nhập vào thể chất, tâm thần con người như cái nhịp độ của thủy-triều thâm nhập vào từng mô của loài sâu *Convolutes*, như cái lược-đồ sinh-thực tồ-truyền còn bám vào trong lối động ứng của chú chàng-hiu Ba-tây khi cần sinh nở.

Và đó là cái nguyên-nhân sâu sa ề chúng ta có thể hiểu được, nhất là trong địa hạt ngôn-ngữ, nghệ thuật, văn-chương, vì sao một học-giả có cái vốn nho học thâm uyên, văn tài lỗi lạc như Phan Sào-Nam tiên-sinh, từng sống ở Trung-hoa, ăn mặc theo kiểu Trung-hoa, chung đụng khá lâu ngày với người Trung-hoa, nhưng sách vở viết ra vẫn còn bị chê là chưa đúng văn Tàu, và vì sao, dù đến một văn sĩ từng sống tại Pháp, ăn ở theo lối Pháp, nói tiếng Pháp, viết văn Pháp, có nhiều tác-phẩm nổi tiếng như ông Phạm-Duy-Khiêm, nhưng nếu tác phẩm không nêu danh tánh, thì dám chắc một người

Pháp có nhãn thức, có tài thâm định văn chương, đọc xong cũng phải cảm thấy ít ra, có gì phảng phất trong lối hành văn, bút pháp, cách vận dụng từ-ngữ, khả dĩ tố cáo Phạm quân không thể là một người dân Gô-loa chính cống. Đó là một chuyện tự nhiên, không thể coi đó là một sự kém cỏi về tài năng. Tự nhiên cũng như không một người Mỹ, người Anh, người Pháp nào, dù là những nhà ngôn-ngữ học, có thể nói tiếng Việt-nam cho thực sự đúng điệu như người Việt-nam. Và cùng một cảnh trí nhưng bức họa của một họa-sĩ ngoại-quốc, dù có sống lâu ngày tới đâu tại địa-phương, cũng vẫn có gì ề những người có mắt thẩm mỹ tinh tường phân biệt được với một họa phẩm của một họa sĩ người bản xứ. Bởi lẽ, đối với những mô-phạm văn-hóa của ta, chúng ta cũng khó thể thoát ly cho trọn vẹn, nhất là khi dân-tộc đã có một quá khứ lâu dài.

Lại cũng vì những lẽ trên đây, mà con người, tuy là một giống tạo sinh giàu khả năng thích ứng nhất so với muôn loài, xử dụng được tất cả mọi nguồn tư dưỡng, sống ở phong thổ khí hậu nào cũng xong, thích nghi được tất cả mọi thứ văn hóa, nhưng khi phải xa quê cha, đất tổ, cũng vẫn thấy bơ vơ, lạc lõng, vẫn nghe vọng lên mãi mãi tiếng gọi bất tuyệt của đất Mẹ, của xứ sở quê hương, vẫn khao-khát cái thú hoàn hương, *ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục*, vẫn cảm-thức cái sức lôi cuốn hấp dẫn của cổ-hương, cổ quốc mãnh liệt chẳng kém gì tiếng gọi của Bề Cả đối với những con « *lươn* », qua vạ dạm hải-hồ và sau bao năm tháng plieu lưu, lang bạt.

PHAN-ĐU

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

Giám đốc sáng lập : NHAT-HẠNH

Lô O số 121 Chung-cư Minh-Mạng

Saigon 10



SẼ PHÁT HÀNH VÀO HẠ TUẦN THÁNG 5 - 71

Sau 3 năm bị giam cầm ở Sở Phẫu Hợp Nghệ Thuật cuối cùng các bạn có trong tay cuốn tiểu-thuyết :

NHƯ CÁNH CHIM BAY

của VÕ-HỒNG

Tác phẩm lấy bối cảnh cuộc kháng chiến chống Pháp ở miền Nam tiếp theo cuốn HOA BƯƠM BƯỞM. Những nét mô tả trung thực khách quan. Những cảnh dân chúng tăng gia sản xuất, xung phong nhập ngũ, tham gia Bình-dân Học-vụ... Những rung động xao xuyến và cuồng nhiệt của một dân tộc nhược tiểu vươn mình đứng dậy. Và những mối tình...

NHƯ CÁNH CHIM BAY

Lá-Bối xuất-bản

Nhà Sách LÁ-BỐI lô O số 121 Chung Cư Minh Mạng Saigon 10, bày bán sách của các nhà xuất bản uy tín; An-Tiêm, Ca-Dao, Cảo-Thơm, Hồng-Hà, Nguyễn-Hiến-Lê, Lửa-Thiên, Thái-Độ, Thời-Mới, Tu-Thư Vạn-Hạnh, Sáng-Tạo, Võ-Tánh, Lá-Bối v.v...

Dành nhiều hoa hồng cho bạn đọc và thân hữu đến viếng mua tại nhà xuất-bản.

Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy

Việt-nam và lòng yêu nước

... Hai tiếng Việt-nam quá lớn, máu sẽ còn chảy bao nhiêu năm nữa để tô thắm hai chữ Việt-nam?
PHẠM DUY, Bách Khoa SỐ 228

Tôi vừa nói về tiến trình của một sự nghiệp, nhưng mặt khác, hơn một lần, tôi đã nghĩ rằng, với tư cách một con người cũng như với tư cách một nghệ sĩ, Phạm Duy chính là sản phẩm của một tiến trình. Nước Việt-nam trải qua bao nhiêu thế kỷ, đem theo biết bao nhiêu cuộc chiến, bao nhiêu sự chết chóc, bao nhiêu cảnh sát hại không tên, nước này thực ra một ngày nào đó phải sinh ra một nghệ sĩ như Phạm Duy, mà tác phẩm — trái ngược thay — lại là một đại tình ca xưng tụng Cuộc Sống. Nếu nhiều khi tiếng Việt-nam gọi nơi tôi một ý nghĩa *đầy ải*, thì tiếng Phạm Duy lại gọi nơi tôi một ý nghĩa *ciều chuộc*. Cũng như tác phẩm của Beethoven hay của Schubert, của Chopin hay của Liszt, tác phẩm của Phạm Duy cứu độ ngay chính *tôi*. Công trình trước tác ấy cứu độ ngay chính *tôi*. Công trình trước tác ấy cứu độ *tôi* vì nó là một chứng tích. Bởi vì nghệ sĩ đã hấn hoi sống với thời đại mình. Kẻ sáng tạo chân chính đều muốn phát lộ được ý thức, nhưng nếu kẻ ấy không hòa mình vào giai đoạn nhỏ bé của lịch sử mình đang sống, thì làm sao kẻ ấy có thể làm chứng nhân được? Bởi vậy nếu tôi có thể nói nước Việt nam ở trên con đường đi của Phạm

Duy, thì tôi càng có thể bảo rằng chính Phạm Duy đã *chấp nhận*, tự đặt mình trên con đường đau đớn của xứ sở vậy. Chấp nhận sống với tổ quốc. Khóc cười theo mệnh nước...

Làm người Việt-nam thật không phải là chuyện dễ dàng — thực ra, có những hôm, tôi còn thấy là hoàn toàn phi-lý — cũng như một người ngoại quốc mà yêu nước Việt nam thì thật cũng không phải là chuyện dễ dàng gì! Có nhiều người (không phải độc giả Bách Khoa) đã trách tôi là chỉ yêu nước Việt-nam *qua tác phẩm của Phạm Duy*, những người ấy thấy cần phải bảo cho tôi biết rằng cái nhìn của tôi về Việt-nam là thiếu sót và còn sai lầm nữa, và nếu một ngày kia tôi có thể trông thấy «*thực tại*», tôi sẽ thất vọng kinh khủng. Trước tiên, chắc chắn tôi không chối cãi đã yêu nước Việt-nam qua tác phẩm của Phạm Duy. Nước Việt-nam của Phạm Duy vốn đã ở trong con tim của một số khá lớn người Việt-nam để cho tôi khỏi cảm thấy một chút gì xấu hổ vì đã yêu nước ấy theo cách tôi yêu. Thứ đến, cái nước Việt nam của «*thực tại*» đối với tôi khá quen thuộc nên tôi không thể không biết đến. Nước Việt-nam ấy, với những cuộc giết chóc, bạo tàn, với mấi

dâm, tham nhũng v. v. báo chí và vô tuyến truyền hình ở xứ tôi vẫn trình bày với tôi hàng ngày. Nhưng có lẽ tình yêu của tôi đối với Việt-nam là một tình yêu bội lý, bởi vì tôi muốn tin rằng từ một mảnh đất bị dày vò ngàn ấy, một ngày kia sẽ nảy lên những hoa màu tươi tốt lành mạnh hơn và phong phú hơn, tôi muốn tin rằng từ bấy nhiêu thối nát và gian dối, một ngày kia sẽ xuất hiện ra một lớp người tốt lành hơn và chính thực hơn. «Việt-nam không đòi xương máu, Việt-nam kêu gọi thương nhau. Việt-nam đi xây đắp yên vui dài lâu. Việt-nam trên đường tương lai. Lửa thiêng soi toàn thế giới. Việt-nam ta nguyện tranh đấu cho đời... Việt-nam đây tiếng nói đi xây tình người...». Lý tưởng lớn lao quá chăng? Mơ mộng của thi nhân chăng? Có lẽ... Nhưng tôi, *bất chấp tất cả* tôi muốn tin ở nước Việt-nam ấy. Thực ra, xứ sở không tưởng ấy đã ở trong lòng tôi. Nhưng đó có lẽ cũng bởi vì tôi không phải là người Việt-nam vậy..

Tuy nhiên, để Phạm Duy có thể là Phạm Duy, chắc chắn nước Việt-nam phải là như thế. Ở một quốc gia có không khí thanh bình, không sợ hãi quá, không khổ quá, thì ai biết được nghệ sĩ ấy sẽ ra sao? ... Chắc chắn phải có nước Việt-nam ấy với từng này đau thương và quần quai mới có một Phạm Duy với vóc dáng ấy. — Xin đừng ai coi những lời trên đây như một cách gián tiếp «ca ngợi» cuộc chiến-tranh-gọi-hứng-cho-nghệ-sĩ! Nhưng sự kiện vẫn là sự kiện và nhất là Phạm Duy không hề chọn lựa để sinh ra ở Việt-nam. Tại sao lại cho Phạm Duy là kẻ «xu thời» như một số người đã bảo? Ngay từ 1946, chàng nghệ sĩ ấy đã ca tụng hòa bình trong một tác phẩm cực hay

nhân đề *Thu Chiến Trường*. Thực ra, trong những ngày buồn thảm của chiến tranh cũng như trong những ngày rất đời hiếm hoi mà hòa bình tưởng chừng lộ dạng ở chân trời, Phạm Duy là một người đã *cán* *đáng* xứ sở mình... Định mệnh của một nghệ sĩ vốn bí ẩn; bệnh điên của Beethoven, bệnh điên của Schuman, những mối tình xui xẻo của Schubert, nước Balan điều linh của Chopin, nước Việt nam đau khổ của Phạm Duy, đều là những cái bất khả lượng đã đưa những nghệ sĩ đó vào chỗ sâu thẳm nhất của tâm hồn mình, hầu đạt tới sự *việt tiến* vốn cần thiết cho mọi tác phẩm vĩ đại.

oOo

Thương yêu tất cả, đến hơi thở cuối cùng

Để không mất gì ở sự phụng tiến

Và ở cả thời gian sống

Và ở cả vai trò con người

Đàn bà, con trẻ nơi nơi

Ánh mắt mọi người

Đem tất cả thì giờ để thương yêu tất cả

Để tin tưởng vào đó

Bởi vì như thế là đúng

Bởi vì người ta không thể nói trái lại

Bởi vì người ta có thể nói khác đi

Nhưng không thể nói trái lại.

OLIVIER MARCHAND, thi sĩ

khu vực tiếng Pháp. Gia nã đại

Cũng như Picasso là Picasso trước khi là người Tây ban nha, cũng như Schubert là Schubert trước khi là người dân thành Vienne, *Phạm Duy đã là Phạm Duy trước khi là người Việt nam*. Tình yêu nước của tác giả các DÂN CA thật lớn lao, nhưng có nhiều hành vi, thái độ trong trong cuộc đời Phạm Duy chứng tỏ rằng ông không làm nô lệ cho

tình yêu nước ấy. Con người rất khôn ngoan ấy không thể cho tình yêu quê hương đưa đến một tinh thần quốc gia khả ố và tê liệt. Cùng với năm tháng, tình yêu nước của Phạm Duy vượt dần ra ngoài giới hạn của nó và đạt tới cái phổ quát. Về phương diện này, nhiều đoạn của hai thiên *Truyện ca*, một số ca khúc của những năm 50, một số nhiều hơn các ca khúc của những năm 60 — trong đó có bài *Tám ca: Ngồi gần nhau*, một trong những ca khúc hay nhất của toàn bộ tác phẩm, về nhạc cũng như về lời — đã tỏ ra rất có ý nghĩa. Bây giờ không còn phải chỉ là vấn đề một nước Việt-nam khổ đau, mà còn là vấn đề một nhân loại khổ đau. Một nước Việt-nam cần cứu độ, một thế giới cần cứu độ, cần thương yêu. Những câu thơ sau đây mà chàng Phạm Duy, công dân của thế giới muốn gửi cho chúng ta ở cuối bài *Cung Chúc Việt Nam* mới đẹp đẽ làm sao :

«*Vì thương nhau không là những thiên thần (hay ác quỷ);
Sống tuyệt vời trong niềm đau một phận;
Nên từ đó nhân loại kia vẫn vẹn toàn;*

Thời gian càng trôi qua, tư tưởng Phạm Duy chắc chắn càng hòa đồng với tư tưởng của Karl Heins Stockhausen, một trong những nhà soạn nhạc vĩ đại nhất của thế kỷ 20. Nhà nghệ sĩ Âu châu ấy đã từng viết: «Trước hết, nhạc sĩ phải có ý thức về cứu cánh đời mình và về cứu cánh của đời sống mọi kẻ khác, cần phải đạt tới một đời sống siêu đẳng, mở rộng bản ngã cá nhân để đón nhận những rung động của vũ

trụ (...) đối với vấn đề của toàn thể thì dấu hy sinh cuộc đời riêng cũng xứng đáng. Cần gì phải loanh quanh với những chân lý cục bộ, với những vấn đề riêng biệt, với những nhóm quốc gia, có tình chất phe phái và chính trị. Chúng ta không cần lao mình vào một cuộc cách mạng Pháp, Việt, Nga hay Phi châu : cuộc cách mạng của chúng ta, của nhạc sĩ là cuộc cách mạng của tuổi trẻ để đạt tới con người siêu đẳng. Con người ấy không phải tạo ra bằng những cuộc phá hoại, những cuộc tách vỡ hạt nhân nguyên tử, bằng sự đóng cửa biên giới, nhưng bằng ý thức mỗi ngày mỗi rõ rệt rằng nhân loại hợp thành nhất thể ; và rằng hễ bao giờ còn có một bộ phận bị đánh đập, bị dày đạp, bị cưỡng bức, bị hành hung, thì cả cái nhân thể ấy còn bị đau đớn».

Đối diện với vũ trụ, đối diện với một thế giới trên bờ hỗn loạn, đối diện với muôn vàn bí ẩn của định mệnh, con người băn khoăn tìm một giải pháp. Âm nhạc là nghệ thuật huyền vi và mê hoặc (còn gì vô hình hơn một âm thanh ?), nghệ thuật vây quanh và thâm nhập con người. Vì vậy nhạc sĩ linh cảm thấy giải pháp ấy âu cũng là sự thương. Người thi sĩ nơi Phạm Duy — vốn là con người của lo âu, như tôi đã có lần nhấn mạnh — không phải luôn luôn tìm được câu giải đáp cho những nỗi hoang mang của cuộc sống. Nhưng người nhạc sĩ như Phạm Duy — vốn là con người của xác tín — đã tìm được giải pháp ngay từ thời *Cô Hái Mơ*. Beethoven đã nói : «Âm nhạc là một khái thị còn cao cả hơn là mọi nền đạo lý». Vì vậy tôi bảo rằng sự nghiệp sáng tác của Phạm Duy là một chứng tích. Một chứng tích cứu độ.

(còn tiếp)

GEORGES — ETIENNE GAUTHIER

Montréal, gia nã đại, 3-1971

THU THỦY dịch



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

ĐẤT VÀ NƯỚC

*Đây chỉ là sự pha trộn thực tại và tưởng tượng.
Xin đừng "đặt vấn đề".*

Nắng đổ xuống hai dãy phố xô lệch và bụi bặm. Xe cộ nối đuôi, ì ạch găm gù tiến lên vài tấc rồi phanh khựng lại. Máy chiếc Honda lách ngang lách dọc, mon men tiến về phía trước, nhưng đành chịu thua trước đám đông ù lì, làm ngơ. Người đổ xô ra đường, ngơ ngác, dò hỏi... Cửa tiệm vàng khép vội hai cánh cửa sắt, chủ nhân đứng trong thềm phòng vệ. Bụi và khói xāng mù, khét, khó thở. Tiếng bọ hục hặc và tiếng xe rồ ga sọt tất máy dang dở. Tiếng còi đục và nghẹn hú vang, nhưng xe cộ vẫn mắc nghẽn.

Mọi người nhìn dồn về phía núi *lờ*. Trên ấy vẫn bình-thường. Trời thì xanh thật xanh. Nơi sườn đá hoen màu tím sẫm, mấy hàng dây điện giăng ngang qua mặt lộ, chênh chéch về phía tân cảng. Dây nhà cắt sát theo dọc núi loang lổ dấu đạn, khép nép sợ bóng nắng. Vẫn bình yên. Vẫn ngoan ngoan, vẫn ẩn nhẫn. Vẫn quen như từ bao giờ: đời sống tỉnh lẻ thu mình để sống bình yên qua bao nhiêu cuộc đổi thay, thay đổi. Con đường sắt vẫn song song đồng hành. Bánh xe những chuyến tàu chở vật liệu xây cất cho hãng RMK lăn hai lần mỗi ngày không đủ làm bóng mặt sắt. Đường tàu vẫn song song. Chưa lệch một chiếc ốc, hoặc cong nghiêng trên một hố mìn.

Nhưng bên này con đường sắt bụi bay mù và trời đổ lửa. Nóng nực. Khói khét lẹt. Xe rú ga và nhẩn còi. Người lao xao

bu quanh...

Tránh xe. Tránh xe. Người ta làm ngơ. Cái gì vậy bà? Thành nhỏ... Chưa trả lời hết câu, bà ta chen thêm tới chút nữa. Có người nhể nhại mồ hôi chui từ trong ra. Gì vậy ông? Trời ơi, hết chỗ nói. Sao mà ác hơn ác đức vậy chứ. Mà cái gì ác đức? — Tụi nó bắn thẳng nhỏ chết tươi. Ai bắn? Tránh xe, Tránh xe. Còi xe mười bánh át tiếng trả lời. Người đàn ông há miệng khoa tay trong khi tiếp tục lẩn ra ngoài. Sao bà biết nó học trò? — Trời, thì cái quần xanh, cái áo trắng. Quyền sách Anh văn với tập vở đó kia. Có ai đi báo cảnh sát chưa? Như đậu đen. Sao cái gì như đậu đen? Ruồi bu trên đồng nào, khiếp, thôi tao không dám ăn chè nữa. Dóc tổ. Mấy mà chừa ăn hàng. Lâu chưa? Không ai đỡ nó xuống, để treo tội nghiệp thẳng nhỏ. Cái gì vậy bà con cô bác? Vô mà coi. Cái gì? Không tin sao, tay nó còn kẹp điều thuốc. Con nít đời giờ hút thuốc tràn đìa coi cái gì, vô duyên. Mô Phật, con người ta chết mà cha nội còn nói cà rờn. Chắc chiều nó có giờ anh văn hờ mầy? Chưa chắc. Tao thấy có quyển English for today màu vàng. Ngã cách sao mà quần móc chặt vào cây sắt vậy? Mẹ nó người miệt Bình Thới. Mỹ đen hay Mỹ trắng? Hồng biết, không phải Đại Hàn. Xe có sao trắng rõ ràng.

Nóng bức. Khói khét lẹt. Xe rú ga và nhẩn còi. Người ta lao xao. Trong cái

hồn mang vô trật tự ấy, Nguyễn trở thành hòn sỏi. Đã có kẻ đạp lên chân, suýt ngã. Đằng sau đẩy tới, đằng trước xô lui. Thân thể đu đưa, nghiêng ngả, cứ tự nhiên lắc lư mà chuyển dần tới trước. Qua quá trạm xăng, người thừa hơn, mọi việc trở nên thư tự. Trần liếng thoáng hỏi : Mày nhìn thấy xác chưa ?

- Chưa, đũa nào vậy ?
- Thằng bé học lớp sáu trường mi ah.
- Nhưng sao mà chết ?
- Mỡ bắn.
- Sao vậy ?

— Ai biết được. Mấy người ở ngã ba bảo tụi nó bị mất cấp, nghi ngờ mấy đũa nhỏ nên bắn đại cho hả giận.

— Nhưng mấy đũa nhỏ làm gì cho tụi nó nghi ?

— Làm gì đâu ? Ba bốn đũa đi học sớm ngồi trên hàng rào tán dóc. Thằng nhỏ bị bay cả chóp não, ngã liền. Quần dính trên cây móc sắc đỏ nên treo lủng lẳng.

oOo

Kiến đánh báo hiệu vào lớp. Đám học trò nhỏ lơ láo, ôm sách vở chạy ủa vào trong, mắt còn nhìn ngoái lại. Một nhóm nhỏ vờ như không nghe thấy tiếng kiến, bu quanh hai đũa ở trần, mặt mày thất sắc. May cho mày, phước lớn dữ a. Mày ngồi sát bên nó không ? — Sát chớ. Tụi tao đang nói chuyện mà. Máu nó văng đỏ cả áo tao. Giật không kỹ, chiều má mày la chết. Ngu, quá ngu. Má nó nghe chuyện thì mừng hết lớn chớ la gì. Quãng áo đi mày. Dính máu người là có ma rồi.

Kiến đánh lần nữa, gấp gấp thôi thúc. Mấy cậu nhỏ chạy vào phòng học. Học sinh các lớp 10 và lớp 11 vẫn lơ lửng ngạp ngừng. Giám thị và giáo sư

vẫn đứng ở hành lang nhìn ra cổng. Bên ngoài, tụi thằng Lý, Sum, Vinh. Sự vừa vô vừa bàn tán. Nguyễn nhập bọn và lên phía văn phòng.

Ông giám thị hỏi hờ hững :

— Chưa vào lớp cho rồi mấy em ?

Sự đáp :

— Tụi nó không chịu vào, đứng canh xác. Thầy Linh hỏi :

— Cảnh sát đã lên chưa ? Có ai lập biên bản không ?

Thầy Vũ hỏi ông giám thị :

— Sao, bây giờ cứ dạy hay cho tụi nó nghỉ ? xôn xao quá dạy đỡ gì được.

Ông giám thị nhìn ra cổng, trả lời mau :

— Nhờ mấy thầy cho học sinh vô lớp dạy như thường. Sự ở ngoài ồn ào.

Cả bọn học sinh nhao nhao phản đối :

— Học sao được thầy. Tụi nó bắn chết bạn mình, xác còn nằm đó. Học sao được.

Nói vậy, nhưng cả lớp vẫn lững thững lên cầu thang. Số học sinh ở ngoài cổng vội vã chạy nhập bọn.

Chỉ còn khoảng vài chục người trong phòng II. Vinh xuống xin thầy Vũ cho học sinh vài phút bàn riêng chuyện nội bộ. Trần ra cổng gọi nốt số còn lại vào lớp. Lý bắn khoăn hỏi :

— Tụi bay định làm gì vậy ? Nguyễn đáp :

— Để anh em đông đủ hầy hay. Phải làm một cái gì. Không thể chịu được. Đây đâu phải là lần đầu.

Sum vẫn ngồi yên, mắt lạc thần :

— Nước mẹ gì. Rồi chả đi đến đâu hết.

Vĩnh dưới cầu thang chạy nhanh lên, reo :

— Thầy Vũ đồng ý rồi. Nào, anh em.

Vĩnh nhảy lên bục cao, giọng sang sảng :

Có ai can đảm học nữa không ? Hô chung dưới cuối lớp: Không có ai còn chịu đựng nổi cảnh này nữa. Thằng nhỏ chết tức tưởi như vậy, mình còn lòng dạ nào ngồi học. Thằng nhỏ sẽ khinh mình là bất nghĩa. Đồng bào khinh mình là bọn bất nhân. Tụi Mỹ khinh mình là bọn hèn nhát, bọn bị bắn chết mà còn cố găm đầu vào sách. Ai có can đảm hãy đọc bài lên coi :

Ta cũng nói tình thương người đồng điệu, cái kiếp không hoa lắm lắm, con hồn xuân mộng bâng khuâng.

Cả lớp cười ồ. Không khí náo nhiệt, vui vẻ. Nguyễn hỏi :

— Đồng ý. Phải làm cái gì. Nhưng làm cái gì ? Làm thế nào ?

Trần lúc bấy giờ cùng một số bạn bè lớp 10 ủa lên, la to :

— Biểu tình. Xuống đường anh em ơi.

Phòng học trở nên nhốn nháo khác thường. Bốn năm người cùng nhảy lên bục, và người nào cũng gào to những câu không ai nghe rõ. Vĩnh mặt đỏ bừng, xô tất cả xuống, hét lớn :

— Im hết. Cho tôi nói. Biểu tình, đồng ý. Nhưng chiều này học sinh trường mình học ít quá, mấy lớp nhỏ không có giờ. Nên phải kêu gọi các trường khác hưởng ứng. Anh em đồng ý không ? (Đồng ý. Chí lý. Đồng ý là cái chắc) Cảm ơn anh em. Bây giờ nghe tôi phân công : Trần, có xe Honda, chạy xuống chợ mua vải và sơn kẻ khẩu hiệu. Thằng Nguyễn, cô hái mơ của thầy Vũ (cả lớp cười) làm Nguyễn Trãi thảo bịch (đồng ý) Sum thì xuống vận động các lớp 8 và 9 tham gia biểu tình.

Sum la lớn : Không, ồ ào. Ê, thằng Sum rét rồi. Thở. Sum nhảy lên bục, đứng ngay trước mặt Vĩnh, mở nút cổ áo và xắn tay :

Đã có bán khắp nơi

HÌNH NHƯ LÀ TÌNH YÊU

Tuyển truyện đầu tay của HOÀNG NGỌC TUẤN

Những cuộc đời của lãng tử, gái giang hồ, kỹ nữ, bé thơ ngây... được trình bày bằng một ngòi bút đầy nhiệt tình của tuổi trẻ.

★ Bìa offset 5 màu do Đinh Cường vẽ

★ QUÁN VĂN xuất bản

— Đứa nào nói tao thỏ, nói lại thử tao nghe (Lao xao rồi im lặng) Tao không ngán đứa nào hết. Tụi bay là đồ con nít. Tao là huynh trưởng Phật tử, đã bị bắt chung với thầy Vi và Thụ kỳ Phật giáo tranh đấu năm 1966. Tao đã bị đập dập mũi, bị đưa lên Pleime quan sát chiến trường. Tao trải qua hết Chiu nhiều đòn rồi. Thất vọng nhiều rồi. Tao sợ lời tụi bay khích sao? Tao không làm, vì biết chẳng đi đến đâu. Làm cái gì vô ích, tao không làm.

Lửa hơi hạ. Vinh lúng túng. Nguyễn nói :

— Chưa làm đã bảo là không ích. Chờ đến lúc nào mới làm? Không được gì, thì cũng được một tiếng chuông gióng. Còn hơn là bậm môi nín lặng.

Lửa lại bùng. Đứng. Đồng ý. Xuống đường gấp. Sum bỏ ra. Vinh lại tiếp :

— Thôi, ai muốn về thì về.

Lý dợm đứng dậy. Tiếng Vinh lại sang sang :

— Nhưng tôi tin anh em ở đây không ai là kẻ hèn nhát.

Lý lại ngồi im.

Nên tôi phân công tiếp. Lớp 8, 9 khỏi cần vận động chắc sẽ tham gia khi mình giăng cờ, biểu ngữ ra trước lớp. Sự, đem kháng thư thành Nguyễn thảo đến các trường cho ban đại diện. Được không hay từ chối như thành Sum?

— Cũng được. Lý cương quyết đứng dậy :

— Để tôi lãnh công tác đó. Tôi có xe Honda.

Vinh hơi lúng túng, nhưng nói bừa :

— Thôi giao cho cả hai cậu. Miễn đừng nhân cơ hội bỏ về.

Trân vào nhanh như lúc ra đi, ôm vai và sơn. Cả lớp ùa ra hành lang, tranh nhau viết biểu ngữ. Trân khoe :

— Tao lách qua lách lại một chút đã trở về. Xin tiền thầy giám thị đó. Hôm nay vui quá xá.

Tiếng cãi vã về nội dung câu khẩu hiệu át tiếng Trân. Lon sơn đen đỏ vươn vai trên nền xi măng. Nguyễn từ bên phòng 12 cầm tờ giấy vỡ chạy đến, hét to :

— Xong rồi. Đây, anh em im đi. Để tôi đọc to, ai đồng ý thì ký tên vào :

Học sinh trường trung học... kính gửi tất cả học sinh công tư toàn quốc.

Hồi 14 giờ chiều ngày 7 - 12, một học sinh lớp 6 trường chúng tôi tên Nguyễn Văn Minh, 12 tuổi, trong khi đang ngồi trước cổng trường chờ giờ học, vô cớ bị một lính Mỹ dùng súng M16 bắn chết. Thi thể nằm ngay trước mặt chúng tôi, óc vọt ra ngoài, khiến chúng tôi vừa vô cùng thương xót vừa vô cùng phẫn nộ.

Hàng ngày, một số đông lính Mỹ vô kỷ luật đã phá phách tài sản đồng bào, đập vỡ kính xe, chọc ghẹo bộ hành... Nhưng lần này, cái chết của một học sinh nhỏ tuổi vô tội đã khiến chúng tôi không còn có thể giữ mãi im lặng.

Toàn thể học sinh trung học... cực lực tố cáo tội ác kẻ trên của một quân nhân Hoa kỳ, một nước vẫn thường tự hào về truyền thống tôn trọng phẩm giá con người và trật tự xã hội. Toàn thể học sinh trung học... cương quyết đòi hỏi chính phủ Việt nam cộng hòa trừng trị đích đáng kẻ gây tội ác.

Chúng tôi kêu gọi sự hưởng ứng nồng nhiệt của các bạn, để đòi hỏi chính đáng của chúng tôi được chính phủ lưu ý, để người bạn đã khuất của chúng tôi không thẹn là một học sinh V N, và để tất cả chúng ta còn hãnh diện là người có liêm sỉ không khuất phục trước tội ác.

Khá lắm. Cả đám ò lên. Nguyễn nhắc lại :

— Ký nhanh vào cho hai thằng Lý Sự đem đi. Nhớ đề rõ tên.

Có tiếng phản đối :

— Cần gì đề tên.

— Ký đại diện được rồi.

Nguyễn hỏi :

— Sợ hãi.

— Đ M Thằng này chuyên nói móc. Mày ký trước đi.

Tờ giấy chuyển qua trả lại. Vinh bực mình sùng sộ :

— Chuyện gì tụi bây sợ dữ vậy. Thằng Nguyễn viết tự nhiên nó ký rồi. Đưa tao ký thử có chết không.

Sư và Lý lãnh sứ điệp ra đi. Số còn lại theo Vinh và Nguyễn hò hét mang khẩu hiệu ra đường. Xác chết hạ xuống, đặt trên cái xe mui trần. Bốn đứa mang biểu ngữ chằng ngang đường cái chặn hết xe cộ lưu thông. Chiếc xe xác qua phố phường đổ nắng. Cuộc biểu tình bắt đầu Mười phút sau, cổng trường đóng, chỉ còn đám ruồi bu đen trên vũng óc và máu đặc.

oOo

Hơi xác chết làm lạnh xương sống và nóng hai thái dương. Cuộc xuống đường quấy động thành phố lên cơn sốt.

Trên hiên trường, chỉ còn cụ già, Nguyễn và thầy Vũ. Xác Minh nằm co quắp trên cái băng đen đặt trên hai bàn học, phủ bằng cái mền cũ. Chỗm tóc bết máu ló ra phía trên còn phía dưới lòi hai bàn chân xanh đá và ồm ồm.

Trong trường vắng, tuy cổng để mở. Mấy người lạ đứng ngoài hàng rào e sợ nhìn vào, rồi bỏ đi. Cách khoảng vài phút, một chiếc Honda rú ga leo qua cổng trường dốc, phanh gát trước hiên. Hai ba học sinh vào, nhìn tò mò, rồi im lặng lên yên rú ga trở về phố. Thân nhân em bé đã lo mua đồ liệm chỉ còn ông ngoại yếu ớt ở lại bên xác cháu.

Từ hơn một giờ đồng hồ, hai thầy trò ngồi bên xác chết, im lặng không nói. Thỉnh thoảng Nguyễn lấy cây đập mạnh lên băng đen, xua mấy con ruồi vo ve. Thầy Vũ nấn lại mấy ngón chân xác chết cho khỏi co quắp nhưng vô vọng. Lần đầu hai thầy trò đối diện với sự lạnh lẽo minh mông của nỗi chết, tâm hồn rã rời. Thầy Vũ lên tiếng trước :

— Các em làm có kết-quả lắm. Tỉnh hội giáo giới, hội đồng tỉnh đã lên tiếng bằng tuyên cáo hôm qua. Nghiêm nghị lên án. Đồng thanh kiến nghị. Cương quyết yêu cầu. Cả thành phố đã sôi lên rồi. Tối hôm qua, giáo sư trong trường cũng đã ra bản tuyên cáo này.

Thầy Vũ đưa cho Nguyễn đọc :

Chúng tôi, giáo chức trường trung học... vô cùng xúc động khi nghe tin một học sinh lớp sáu trường... bị một quân nhân Hoa-kỳ vô cớ bắn chết lúc 14 giờ ngày 7-12-70. Đây không phải là lần đầu tiên một số quân nhân Hoa-kỳ vô kỷ luật đã xem thường

mạng sống của lương dân VN. Vì vậy, chúng tôi tán thành mục tiêu tranh đấu của học sinh trong ngày 7-12-70 nhằm lên án hành động dã man của một số quân nhân Hoa-kỳ. Đồng thanh quyết nghị:

1) Yêu cầu chính quyền địa phương bày tỏ thái độ hành động sát nhân này.

2) Yêu cầu giới chức thẩm quyền tức khắc truy tố thủ phạm và công bố bản án cho toàn thể đồng bào biết.

3) Yêu cầu chính quyền áp dụng mọi biện pháp để những quân nhân Hoa-kỳ vô kỷ luật chấm dứt mọi hành động xem thường tính mệnh và tài sản lương dân V.N.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng không chấp nhận những hành động đáng tiếc có phương hại đến tài sản và trật tự chung.

Nguyễnمیم cười khi đọc xong. Thầy Vũ hỏi:

— Sao em cười?

— Dạ vì các thầy cẩn thận quá. Trong kháng thư, em viết:

Hàng ngày, một số đông lính Mỹ vô kỷ luật đã phá phách tài sản của đồng bào. Tụi bọn đòi bỏ chữ **VÔ KỶ LUẬT** vì như vậy là có ý bào chữa cho thanh danh quân đội Mỹ. Em bảo không nên vợ đũa cưa nắm. Bây giờ, đọc tuyên ngôn của các thầy, em mới thấy mình còn sơ hở.

— Em đã trải qua những biến động tâm cảm nào vậy Nguyễn? Em nói như một ông già.

— Bây giờ em lớn bằng tuổi em, cộng tuổi một buổi chiều dài nhận rõ mặt anh em, và 12 tuổi xác chết. Thầy tha lỗi, có phải các thầy định phân biệt hai loại đồng bào. Các thầy bảo: Này nhé, chúng tôi

nói rõ nhé, chúng tôi long trọng xác nhận trước quý vị, là chúng tôi chỉ phản đối sự xem thường mạng sống của *lương-dân* còn đối với bọn cộng sản, bọn sống với cộng sản, bà con thân thuộc với cộng sản, nộp thuế tải thương cho cộng-sản, thì, xin các ông tùy ý.

— Em tàn nhẫn. Có lẽ em khó hiểu nỗi tâm trạng lớp người trước. Tâm hồn thầy như một mặt áo, dẫu dưới bóng tre già. Viên sỏi vô tình nào rơi xuống cũng gợn những vòng xao động. Cực nhất là đối diện tra hỏi mình. Biển cổ hôm qua là viên sỏi ấy.

Vĩnh và một người bạn lạ đèo Honda vào trường. Mặt mày hớn hờ và sạm nắng. Dựng vội chiếc xe trên cát lún, Vĩnh chạy về phái thầy Vũ.

— Chúng em đã quấy động cả xứ. Thầy coi mấy số báo ở Sài Gòn:

Đứng trước cổng trường chờ giờ học bị Mỹ kiều bắn vờ sọ. Học-sinh khiêng xác đồng môn diễn hành khắp phố.

Đoàn biểu tình võ trang gậy gộc gạch đá, đòi đập phá các cơ sở quân sự Hoa-kỳ ở thị xã. Quân Mỹ cắm trại 100%

Sinh hoạt tê liệt. Tình hình nghiêm trọng. Biểu tình tiếp diễn dữ dội. Nhiều xe Mỹ bị đốt. Cảnh sát đã chiến được tăng cường từ Sài Gòn ra.

Theo tin bốn báo đặc phái viên gửi về, mặc dầu cảnh sát đã chiến bắn hàng trăm lựu đạn cay để giải tán biểu tình, nhưng nhiều quân xa đồng minh đã bị học sinh biểu tình đốt cháy, những người Mỹ và Đại-hàn ngồi trên xe bị ném đá dữ dội.

Một khách sạn bị đập phá. Trục thăng được huy động để di tản lính Mỹ lánh nạn. Tổng hội sinh viên Saigon phát động tuần lễ chịu tang.

Thầy Vũ trả máy tờ báo, hướng về phía Vinh:

— Các em thành công trên tro tàn và gạch vụn. Nhưng có chắc thành công không? Người bạn lạ của Vinh cướp lời:

— Chắc chắn. Không phải chúng em tranh đấu cho một mình xác chết này. Nguyễn gay gắt hỏi:

— Có phải ý mày không Vinh? Từ đêm qua, tụi bây chở xác thằng Minh về bỏ nằm đây. Không có lấy một nén hương. Không nói với tang gia lấy một lời an ủi. Tụi bây đèo nhau trên Honda, đến, nhìn, chạy xuống phố hò hét, rồi khi thấy hào khí hạ, lại trở lên nhìn lấy hứng.

— Mày xuyên tạc. Thằng Minh chỉ là một cá nhân. Từ hôm qua đến nay, mình đòi cái gì? Đâu phải đòi phép tiên cho thằng Minh sống lại. Nó chết, yên phận nó. Nhưng mình làm thế nào để nhờ nó không có một ai chết tức tưởi thêm. Muốn thế phải làm gì? (Vinh hướng về phía thầy Vũ) các thầy trách tụi em bạo động. Em đọc kỹ tuyên cáo

của các thầy. Các thầy chỉ tán thành mục tiêu tranh đấu của tụi em, và không chấp nhận những hành động đáng tiếc có phương hại tài sản và trật tự chung. Thừa các thầy cực lực lên án, đồng thanh quyết nghị nhưng cuối cùng nhỏ nhẹ yêu cầu. Các thầy có thể thành công, nhưng tụi em? Xin yết kiến Đại tá tỉnh trưởng: Rất tiếc. Đại tá bận. Xin yết kiến ông cố vấn: Sorry. Xin gặp ông phó: Chú muốn gì? Thỉnh nguyện thư hả? Họa hoạn lắm cái chết thằng Minh mới được đăng nơi trang ba, trong mục Xe Cán Chó.

Nguyễn không kém giận dữ:

— Mày hãy lấy gương mà soi. Dám nói thẳng đi Mày say mê hò hét hay nhiệt tình với hạn? Bây giờ lo liệu xác thằng Minh sao đây? Hãy tìm cách giúp đỡ thân nhân khâm liệm tống táng.

Người bạn Vinh lên tiếng, rần rờ:

— Không chôn cất gì hết Để đó. Chôn xong là xẹp hết.

Nguyễn trừng trừng nhìn người bạn Vinh:

Chúc Mừng

Hay tin bạn HÀ THỦY làm lễ thành hôn với người đẹp NGUYỄN THỊ HƯƠNG tại Saigon, ngày 16 tháng 5 năm 1971 (nhằm ngày 22 tháng 4 Tân Hợi)

Thành thật chúc mừng hai bạn trăm năm hạnh phúc.

Nguyễn-thị-Vinh, Nguyễn thị Thuỵ Vũ, Hoàng Hương Trang, Diễm Phúc, Hồ trường An, Hoàng Bá, Tùng Linh, Nguyễn đức Trạch, Đỗ Việt Thành, LÊ phồ Đức.

— Cái xác đã bắt đầu bay mùi. Ai xa lạ với ngôi trường này không có quyền chen vào việc tẩm liệm một học sinh trường này chúng ta tranh đấu vì lý tưởng tuổi trẻ, không phải bọn buôn xác. Vĩnh, tao biết rõ mày sửa năm sinh sau khi thi hỏng Tú tài. Có cứng hãy đứng đầu gió. Mày phải để yên xác chết. Để yên cho thằng bé về Trời.

Vĩnh thoát bậm môi, rồi xuôi tay bỏ ra phía để xe. Ngoài đường, còi hú uất nghẹn và loa phóng thanh tuyên bố giới nghiêm Hai bốn trên hai bốn.

oOo

Xe tang đi trong mưa rả rích và gió buốt. Trên chiếc GMC quan tài của Minh nằm dọc theo lòng xe. Chỉ có ông ngoại, người cậu và một bà đi được cảnh sát thông báo và đón đi đưa tang. Bên này có Vĩnh, Nguyễn, Sum, Trân và thầy Vũ. Xe quân cảnh mở đường, tiếp đến xe Đại tá tỉnh trưởng, xe tang và sau chót xe cảnh sát đã chiến. Mặt trời chưa mọc. Phố xá nằm chết trong giới nghiêm. Tiếng động cơ gầm gừ át tiếng gió thổi và giọng khóc nỉ non. Ra khỏi ngã ba, xe dẫn đầu rú ga. Xe cảnh sát ở sau hú còi. Chiếc GMC lại gầm gừ rồi đột nhiên lao mạnh. Mọi người ngồi hai bên quan tài suýt ngã, cây nến trên nắp quan tài gãy đổ tất lịm, ông ngoại Minh định cúi xuống thấp lại nhưng xe dẫn mạnh khiến ông cụ sợ sệt bấu hai tay vào thành xe.

Xe dừng ở một nghĩa địa ngoại ô. Toán cảnh sát đã chiến và quân cảnh nhảy xuống đến vây quanh xe tang. Tất cả xúm nhau khiêng quan tài ra gần huyệt. Ông tỉnh trưởng, ông chủ tịch

lộ đồng tình, viên cố vấn trường đến gần, chia buồn lần cuối với tang gia. Mưa vẫn rơi rả rích. Gió vẫn thổi bay tạt hàm râu trắng của ông ngoại. Ông tỉnh trưởng dăm chiêu. Nét mặt cố vấn thành kính, mắt hư không. Khi hạ huyệt, ông tỉnh trưởng hỏi:

— Cậu nào đọc điệu văn?

Vĩnh định tách khỏi đám nhưng rụt rè do dự, đưa mắt nhìn Lý. Lý nhìn thầy Vũ. Thầy Vũ chưa biết chỉ ai, chợt thấy Nguyễn lấy tay che mặt. Thầy nói:

— Thưa Đại tá, có em Nguyễn đại diện học sinh đọc điệu văn. Qua phút bối rối, Nguyễn tiến đến trước huyệt. Anh bắt đầu nói, một mình:

Minh em,

Anh biết nói gì bây giờ.

Anh chưa biết mặt mũi em.

Anh chưa biết cha mẹ em.

Anh chưa thấy khu vườn lá xanh và mái nhà nhỏ nơi em chào đời

Anh chưa thấy con đường làng dẫn em ra ngôi trường đầu tiên để bập bẹ mấy tiếng A B C làm vốn liếng tìm hiểu nét đẹp cuộc đời.

Anh chưa tưởng tượng nổi cảm tưởng của em, khi ngỡ ngàng bước chân vào trường trung học, hí hửng trả lời My name is Minh khi cô giáo hỏi What's your name?

Anh chỉ biết em, nằm treo trên đó, óc đổ trên trang sách, tay vúi vào đất mẹ.

Anh chỉ biết em, nằm queo trên sàn xe, lang thang dạo chơi khắp phố phường ngập ngựa tiêng la ó phần nộ lẫn tiếng hò reo tổ mả.

Anh chỉ biết em, khi em đã thành đờ tài trên đầu môi chót lưỡi.

Nghĩa là anh biết em quá trẻ, khi em vĩnh viễn xa đất mẹ xa sách Anh văn, xa mái trường, xa con đường nhỏ, xa mái tranh và cánh đồng, xa mẹ cha cô dì chú bác...

Minh, tất cả mọi người thương tiếc em.

Nguyễn trở về chỗ cũ. Mọi người không ai nói với ai lời nào, lẳng lặng vốc đất ném xuống huyết rồi trở về xe. Thăng Vũ nắm tay Nguyễn. Nguyễn nói nhỏ :

— Thưa thầy.

— Gì hở Nguyễn?

— Hôm qua, thầy bảo tâm hồn thầy như mặt ao dẫu dưới khóm tre già?

— Ừ, rồi sao?

— Thầy còn may mắn hơn em. Viên sỏi vô tình nào đó còn làm thầy xao xuyến. Ánh trăng lọt qua khe lá còn làm mặt nước gợn sóng vui. Còn em, đầu óc rỗng không như mộ huyết. Biết bao năm đất ném xuống, do những người chí tình. Tâm hồn em vẫn tro tro.

— Nguyễn, em không giống các bạn rồi! Hãy xem tất cả, tất cả như cơn mưa rào, làn gió thoảng. Chút nắng rớt. Đừng để cho rã rời, hoài nghi.

Nguyễn không trả lời. Thầy Vũ không nói thêm. Xe lại chạy trở về phố trong gió lạnh.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

453-YTDP.Đ.

trong chương trình giới thiệu
những tác giả và những tác phẩm lớn
của văn chương Việt-nam hiện đại

Nhà xuất-bản NGUYỄN-ĐÌNH-VƯỢNG

trang trọng giới thiệu :

MƯA TRONG SƯƠNG

tập truyện của THẾ-UYÊN

trong tháng 5-1971

ĐỀ TƯỞNG NHỚ MÙI HƯƠNG

truyện dài của MAI-THẢO

trong tháng 6-1971

THƠ SAY

thi phẩm tiên chiến của VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Những ánh sao đêm

L.T.S. Truyện sau đây trích ở «Nơi cánh chim bay» của nhà văn Võ-Hồng, một truyện dài sắp được phát hành, nằm trong bộ tiểu thuyết trường thiên của tác giả về những năm kháng chiến chống Pháp. Hình ảnh dưới đây của một lớp Bình-dân học-vụ xã thời đó, rất sống và trung thực, cùng với những cảnh sinh hoạt đặc biệt của nông thôn Miền Trung, trên hai chục năm về trước trong tác phẩm «Nơi cánh chim bay» không phải chỉ là một tiểu thuyết lôi cuốn người đọc mà còn là một tài-liệu quý giá cho cả những người đã tham dự và chưa tham dự kháng chiến nữa.

Mờ sáng hôm sau Luân bận đi thanh tra xã An-cư nên không nghĩ gì nữa đến câu chuyện xảy ra buổi chiều đó.

Trưởng-ban An-cư trình-bày, những khó khăn khiến phong-trào Bình-dân học-vụ nơi xã ông bị thua sút mấy xã khác. Luân phân-tích :

— Xã ông không nghèo bằng xã Xuân-cánh, dân-cư không rải-rác bằng xã Sơn-long. Vậy thì không có lý-do gì để phong-trào thua mấy xã kia.

— Thừa ông Trưởng-ty, đồng bào than-phiền vì học-phẩm mua quá đắt. Giấy Nam-Trung viết nhòe, người mới tập viết cứ chằm ngòi viết phủng giấy kéo không chạy.

— Về học-phẩm thì tôi không chắc ở đây thiếu hơn Sơn-định. Ở Sơn-định, đồng-bào còn hái lá chuối phơi khô mà viết lên.

Trưởng-ban An-cư mở to mắt tỏ vẻ ngạc-nhiên.

— Không có gì lạ. Lá chuối phơi khô thì mình nó dẻo, màu nó nhạt lại, tai tái xam xám. Lá chuối có gân nhỏ song song như giấy có đường gạch.

— Phấn viết cũng toàn thứ xấu...

— Ở Hòa-thành, các giáo-viên lấy củ mì gọt tròn thay phấn. Ông Trưởng-ban chắc biết củ mì. Củ mì phơi khô, bột nó trắng lắm. Viết lên bảng con rất tốt. Bảng con thì dễ lắm, cứ lấy một miếng ván nhỏ sơn dầu rải lên. Có nơi học-viên mới bắt đầu học viết hay dùng một viên gạch bể viết lên mặt một miếng ngói. Có nơi học-viên dùng trái mùng-tơi già nát để làm mực tím. Sự khó khăn làm nảy ra nhiều sáng-kiến. Ở Hòa-kiến, giáo-viên cắt những miếng mo cau to bằng hai bàn tay trên viết các chữ cái, mỗi miếng một chữ. Giáo-viên móc các chữ đó lên một sợi dây thép dài chằng trước bảng đen. Học-viên tập nhìn mặt chữ và giáo-viên dạy ráp vần bằng cách móc những tấm chữ cái đó cạnh nhau.

Trưởng-ban An-cư không được hài lòng lắm về các lối giải-quyết. Ông đang mong chờ những phép lạ của Tỉnh, trong khi Tỉnh đòi hỏi ông phải nhẫn-nại, kham-khổ hơn nữa. Biết ý, Luân vỗ về :

— Trong hoàn-cảnh hiện tại, chúng

ta không thỏa mãn nổi những đòi hỏi của đồng-bào. Vậy nên để đồng-bào tự giải-quyết lấy khó khăn. Và lại, khi họ đã không cố công học thì cho dù ông có cố gắng mua được vở 100 trang giấy Mỹ trắng cho họ đi nữa, thì đồng-bào cũng sẽ lại chê, lại moi tìm những khuyết-điểm khác, những trở-ngại khác.

Buổi chiều, Trưởng-ban An-cư hướng-dẫn Luân đi vào thôn Phú-tân để tối đó thăm mấy lớp bình-dân. Thôn Phú-tân nằm bao quanh đầm Ô-loan là một đầm rộng nổi tiếng về hải-sản : tôm, cá, sò huyết, điệp. Những người sành ăn đã từng đi qua các miền Nam Bắc đều khen sò huyết đầm Ô-loan là độc nhất vô nhị. Nước sò đỏ như máu, hương và vị đều hơn hẳn sò huyết ở các nơi khác. Con điệp ở đầm Ô-loan thì chuyên sản-xuất một thứ loại ngọc-trai viên khá lớn. Hồi thời Pháp-thuộc, ông Bang Chín chủ hiệu Chấn-thạnh ở Sông-cầu hay đặt tiền cho ngư-phủ ở đầm Ô-loan để vét mua ngọc-trai. Dân quê dốt nát không biết giá-trị của những viên đá nhỏ lóng lánh đó nên nhà buôn « muốn cho bao nhiêu thì cho »

Những đồi núi đứng vây quanh, sườn chạy lai láng về mặt đầm khiến Luân liên-tưởng tới thành-phố Hương-cảng. Nếu có phương-tiện kiến-thiết thì vị-trí này còn đẹp hơn Hương-cảng nhiều.

Lớp học tối mượn của trường Tiểu-học nên bàn ghế ngay ngắn chắc chắn. Không có dấu tay tạo-lập của giáo-viên và đoàn học-viên. Năm ngoái lên kiểm-tra xã Sơn-hà, Luân đã được nhìn một ngôi trường bình-dân đúng danh-hiệu của nó.

Trường nằm ở chân một quả núi, trước

mặt là con đường. Đi vào trường phải băng qua một đám đất hoang mọc đầy cây sục sạc và é rừng. Đá găm rải rác vào mặt đất to nhỏ đủ cỡ. Trường lợp bằng rạ, mỏng. Vách dựng bằng lá đung đình và thân sậy. Bàn học-trò là miếng ván mới cưa sả ra, không kịp bào, đặt trên bốn cọc tre cắm xuống đất. Bểng ngồi cũng vậy. Bàn thầy cũng vậy. Có cái gì rừng rú thô-sơ, quạnh-quẽ heo hút nơi khung-cảnh trống vắng này. Xung quanh không có bóng một ngôi nhà. Chử nghĩa được truyền dạy trong cái không khí hoang-dã đó.

Trưởng-ban An-cư giới-thiệu Luân. Học-viên đứng trở mặt ra nhìn, có người cúi đầu như đang chào Thầy trụ-trì trên chùa. Học-viên nhỏ có kinh-nghệm sinh-hoạt tập-thể vỗ tay rào rào. Riêng vị giáo-viên thì nhìn chòng chọc, ngạc-nhiên bất ngờ như nhìn một con rái cá. Một số lớn học-viên là các em thiếu-nhi. Đáng lẽ số này là học-sinh bình-thường của các lớp Tiểu-học dạy ban ngày nhưng nhà nghèo cả ngày phải lặn lội trên đồng lúa trên sườn non, cày cuốc gặt mót, chăn bò nên đêm đêm nương nhờ vào các lớp bình-dân. Ty đã nhiều lần chỉ-thị cho các xã loại bớt hạng học sinh từ 8 tuổi đến 15 tuổi bắt qua các lớp Tiểu-học để dành chỗ cho hạng tuổi 16 đến 45 nhưng không xã nào thực-hiện nổi. Đuổi lũ nhỏ đi cũng tội. Chắc chắn là chúng sẽ chịu dốt chứ không thể bỏ bò bỏ nghé mà cắp sách đi học ban ngày. Hơn nữa, nếu đuổi chúng đi thì Bình-dân học vụ còn biết dạy ai nữa? Nhiều Trưởng-ban đã thú thật :

— Nếu Chính-phủ bắt chúng tôi chỉ dạy lớp tuổi từ 16 trở lên thì e giáo-viên họ nản chí bỏ lớp hết. Lớp tuổi lớn làm

biếng trời sợ, đi học một ngày nghỉ ba, bốn ngày. Mà nghỉ cho cùng thì siêng sao nổi? Làm việc quần quật cả ngày, tối về chỉ muốn ngả lưng xuống nằm nghỉ. Hễ mắt nhìn thấy ánh đèn là ngáp xuôi ngáp ngược. Đã vậy trí óc tối mò. Có ba chữ L. T. TI mà lộn lên lộn xuống cả tháng. Nhờ có lũ học trò nhỏ hoạt-động háng-hái lớp học mới duy-trì nổi. Chớ nếu chỉ ngồi ngó mấy vị tướng đá đỏ thì giáo-viên cũng ngủ gục theo luôn.

Sau khi mời các học-viên ngồi xuống, Luân nói mấy lời về cuộc kháng-chiến, khen tinh-thần cao của ông Trưởng-ban của ông giáo-viên và của đồng-bào học-viên. Sau đó là lời khuyên. Chẳng biết các vị có mặt có ai đo lường bên khen và bên khuyên (đồng nghĩa với chê) bên nào nặng hơn. Có lẽ họ cũng chẳng đo lường nữa. Nghe hoài. Bao giờ cũng lớn tiếng khen rồi rí-rả khuyên gắng thêm, gắng thêm, gắng thêm. Phương-thức gọi là «có chánh-trị cao» này, đến cán-bộ xoàng cấp thôn cũng biết xử dụng. Luân thấy mình đã đại dột trong những ngày đầu mới bắt tay vào công việc, hễ ai phát-biểu ý-kiến sai thì chàng nói sai, ai đồng dài lạc-đề thì chàng cắt ngang, ai lặp lại ý người khác thì chàng xin lỗi đã biết rồi,

xin mời ngồi xuống. Bây giờ thì chàng cũng uyển chuyển như ai, cũng gương mẫu trong sự chịu đựng, nhân-từ trong sự phán xét.

Giữa lúc chàng nói chuyện với đồng-bào, có một cô học-viên trạc mười lăm mười sáu tuổi miệng cười lỏn lổn và hay liếc nhìn về vị giáo-viên. Vị giáo-viên lớn hơn nàng chừng bốn, năm tuổi, mím môi làm bộ nghiêm-trang. Chàng biết rồi. Phần thưởng tinh-thần cho anh giáo-viên đêm đêm đi dạy không lương! Lội dưới mưa lạnh, đi lò dò trong tối để tới lớp, bấp chập dưới chân có con rắn nằm hay những cây gai, người giáo-viên nhiều khi được khuyến-kích bởi một đôi mắt của người học-viên xinh đẹp đồng lứa với mình. Hãy thương yêu con người ta cho chân thành, cho trọn tình trọn nghĩa, cho đến ngày hoàn thành hôn-lễ, hỡi anh giáo-viên! Không chế-độ nào cấm đoán ái-tình mà chỉ lên án gắt gao ái-tình bất chính.

Lần thanh-tra xã Hòa-thịnh, Luân vào lớp đã mười phút hơn, đang nói chuyện với các học-viên thì chợt từ cửa chạy xông xộc vào hai cô học-viên chừng sáu mười bảy tuổi, mặt mũi khá xinh. Hai cô lại chỗ ngồi mặt cứ tươi như không

PHÂN ƯU

Được tin buồn : THÂN PHỤ nhà văn BÌNH NGUYỄN LỘC vừa
thất lạc tại **Saigon**,

*Xin chân thành chia buồn cùng nhà văn Bình Nguyễn Lộc và tang
quyển. Xin cầu nguyện hương hồn Cụ sống tiêu diêu miền Cực lạc.*

Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Ngu Í, Võ Phiến, Vũ Hạnh, Lê Ngọc Châu

có gì xảy ra. Luân bắt gặp cái tia mắt của một trong hai cô ném về anh giáo-viên và chàng lên tiếng mời hai cô lên bâng. Chàng giảng cho nghe một bài học về tinh-thần kỷ-luật, vào lớp rồi thì không được chạy vô chạy ra tự ý. Chàng giảng thêm về sự lễ phép, lễ phép đối với thầy giáo và với các học-viên có người đáng tuổi cha mẹ mình. Chàng đưa mắt nhanh về phía các học-viên, đọc thấy sự há-hê trên khuôn mặt và chàng thích thú rằng mình đã đoán đúng. Nhưng cô bé xinh xắn được ông giáo-viên chịu đựng bao giờ cũng làm mất trật-tự trong lớp khiến các học-viên khác không ưa.

Trong khi chàng nói, có mấy học viên thổi tắt ngọn đèn của mình. Mùi tim đèn cháy thơm như mùi chiên xào trong bếp. Thật là tinh-thần tiết-kiệm đúng mức. Chỉ thấp đèn khi cần nhìn vào sách vở, nghe nói chuyện thì cần chi ánh sáng đèn? Thường các học-viên đi học mỗi người mang theo một cái đèn. Đèn đó làm bằng nửa cái chai cắt bỏ đoạn trên. Tim đèn luồn vào một cộng dây thép cài bên thành chai để giữ cho ngọn đèn nằm cao hơn mực dầu. Có khi hai học-viên ngồi cạnh nhau thay phiên nhau mỗi người đem đèn một buổi.

— Chính-phủ biết sự làm ăn khó nhọc của đồng-bào, — Luân đang háng nói tiếp chúng ta phải vừa đánh giặc, vừa học vừa tăng-gia sản-xuất. Thực-dân ngoan-cổ muốn đặt ách đô-hộ lên đầu lên cổ dân ta lần nữa. Đồng-bào cố gắng học, nhắc nhở bà con láng giềng cũng đi học chuyên-cần như mình. Sau ba tháng đọc thông viết thạo thì tha hồ coi sách, đọc thông-cáo chỉ-thị không còn phải nhờ ai đọc dùm nữa. Có sướng không?

— Sướng.

— Sướng.

Những nụ cười làm rạng rỡ những khuôn mặt. Những cái miệng móm mém cũng mỉm cười. Một ông học-viên vừa gãi tai vừa giơ ngón tay:

— Cho tôi xin nói. Ông Trưởng-ban, à quên, ông Trưởng-ty giải-thích như vậy tôi cũng cảm ơn nhưng mà cái óc của tôi nó chặt quá nhét chữ không vô.

Có nhiều tiếng cười rào rào. Có tiếng nói:

— Ăn nói vô duyên! Cái óc chặt mới phải đi học. Già mà...

Ông giáo-viên;

— Suyt suyt! Bà Bán!

Anh nháy nháy ra hiệu bảo im. Nhưng Luân tươi cười.

— Xin để cho bà con nói chuyện vui vẻ tự nhiên. Tôi đáng tuổi con cháu các bác các thím. Đừng sá xa xôi, ít về thăm được. Lý ra phải về thăm cô bác thường-xuyên, giải-quyết những khó khăn những thắc mắc.

Một cánh tay giơ lên:

— Tôi có thắc mắc này: Chánh-phủ ra lệnh học bình-dân thì cũng hay, mình học mình biết, chữ nghĩa mình thông nhưng nhà tôi có hai vợ chồng mà bắt đi học hết thì bỏ nhà không ai coi. Lỡ ăn trộm nó vô vét hết quần áo đồ đạc thì làm sao?

Luân quay lại ông Trưởng-ban:

— Đáng lẽ sắp đặt để ông bà thay phiên đi học, ông học khóa trước bà học khóa sau.

Ông Trưởng-ban quay lại anh giáo-viên. Anh giáo-viên đang háng:

— Dạ, có sắp như vậy. Nhưng khóa trước ông không đi. Khóa sau bà không đi. Bây giờ là khóa chót. Không có cách nào sắp được nữa.

Một cánh tay khác giơ lên :

— Tôi có chút thắc mắc. Tôi già 46 tuổi, ông Trưởng-ban bắt đi học. Bà vợ ông Hội-đồng xóm tôi cũng 46 tuổi mà xã miễn, không bắt đi.

Trưởng-ban giơ tay xin giải-thích :

— Thưa ông Trưởng-ty, thưa-thím, thưa Đồng-bào, xã không có bắt công trong việc đó. Bà vợ ông Hội-đồng nói năng ngọng nghịu nên xã tôi phải chước cho bà.

Nói năng như vậy mà ông Trưởng-ban cho là ngọng nghịu. Ngọng nghịu mà đi chợ cãi lộn chửi như két.

Cả lớp lại cười rộn lên. Luân hòa giải :

— Yêu-cầu thím đừng phân bì làm chi. Hễ mình học thì mình biết chữ, có lợi cho mình. Ai lười biếng trốn tránh thì người đó chịu lỗ.

— Dạ thưa Chánh-phủ tôi nói cho biết vậy thôi chớ không có phân bì phân bầu chi.

Sang phần « Phê-bình, đề-nghị, yêu-cầu », Trưởng-ban và Trưởng-ty đóng vai tội nhân. Toàn những món yêu-cầu cao quá đầu : phát không sách văn, miễn công-tác cho học-viên đang dự khóa học, bán dầu dĩa rẽ cho học-viên thấp đèn, can-thiếp với Ban Ngoại-thương để được mua bút chì và mực. Có vài yêu-cầu được giải quyết ngay tại chỗ : xin bắt đầu buổi học tối trễ trễ một chút vì đang mùa gặt lúa. Xin xã cấp cho hai cái đèn để treo lên băng đèn cho sáng — Xin xã gửi thêm mỗi tháng một hộp phấn vệt bảng nữa.

Khi cáo từ, Luân bắt tay mấy học-viên lớn tuổi ngồi ở bàn đầu rồi bắt tay anh giáo-viên.

Không khí ở ngoài sân trường mát mẻ. Đêm cô-tịch và hàng xóm nằm im lìm trong giấc ngủ. Sao tụ-hội chi-chết trên một nền trời tối. Ý như những học-viên Bình-dân học-vụ ban ngày tản mát nhưng đêm đêm nhớ về tụ-họp dưới ánh đèn.

VÕ HỒNG

trích truyện dài NHƯ CÁNH CHIM BAY

...Nhà văn nghệ, trước hết, là một con người ở trong xã hội, có những trách nhiệm cụ thể đối với xã hội mà mình đang sống. Phương tiện nghệ thuật lại là cái vốn cộng đồng mà xã hội đem cung cấp cho bất cứ ai. Người làm văn nghệ không gào luận lý, không hét chính trị, không cần thay mặt công an để mà điều tra, không cần mượn sức mạnh nào để mà la lối, hoặc là vu cáo ..

Tất cả được bàn sâu trong thiên tiểu luận :

TÌM HIỂU VĂN NGHỆ

của VŨ HẠNH

TRÍ ĐĂNG xuất bản ĐỒNG NAI phát hành

Một sớm mai nào

Thơ TƯỜNG LINH

Dường như còn chút xanh
Sốt trên cành cháy nám
Mây từng từng ảm đạm
Hé sợi nắng sang mùa
Dường như chiến trường xưa
Hố bom chôn súng rỉ
Mắt em tìm mắt chị
Còn ngấn lệ thương mong
Giếng dầu thôn vẫn trong
Nụ chè thơm cốc nước
Bờ nương cao bữa trước
Xác trâu bên xác người
Có thằng bé lên mười
Học bài trên lưng ghế
Mâm cơm nghèo của mẹ
Bây cúng mãn tang con
Khấn trăm miền núi non
Biết nơi nào giữ mộ
Nhà ai tường mái đổ
Còn khói bếp hồi sinh
Người ơi chớ vô tình
Nhắc chi mùa bão lửa
Hành hương về đất hứa
Dù anh mất đôi tay
Dù khắp khẽnh chân cây
Dìu nhau tìm ngõ cũ.

Cười vang xưa đã thú
Rào lại mảnh vườn xưa
Xin một lần được ngủ
Như giấc chiều ấu thơ

Uống mừng tình bạn thủy chung

Thơ TRẦN HUIỀN AN

(Tặng Ngô Đình Ngọc)

Mới đó mà qua hăm ba năm
Cuộc đời biết bao nhiêu thăng trầm
Non sông mấy độ nhường ngôi chủ
Bạn bè lớp lớp đã yên năm

Còn lại ngồi đây anh với tôi
Khói thuốc canh thâu khô bờ môi
Đầy ly rượu thoát còn ly cạn
Trang trái hồn ta gửi đất trời

Nhớ những ngày xưa quen biết nhau
Đèn đêm chung ngọn cúi chung đầu
Đường mai chung dẫm bàn chân nhỏ
Đất cũng tình chung mảnh áo nâu

Rồi lớn khôn lên sống hững hờ
Mặc người giàu có ta nghèo xơ
Từng phen trôi nổi phương trời lạ
Sóng cả thuyền nan lạc bến bờ

Đôi lúc vô tình đứng trước gương
Chợt nhìn đôi sợi tóc pha sương
Giật mình năm tháng không chờ đợi
Kiếp sống qua hơn nửa đoạn đường

Nửa đoạn đường tay vẫn trắng tay
Mà môi chưa đắng rượu còn cay
Nên lòng vẫn tỉnh buồn vô hạn
Ai biết cùng ta hồi lúc này ?

Tôi bỗng vui vì nghĩ đến anh
Đời chông gai dấu mộng chưa thành
Dấu làm tên thứ dân nghèo khó
Tôi vẫn còn anh vẫn có anh

Uống nữa đi anh chớ ngại ngừng
Say gì trời đất chưa găm rung
Ô hô ! Thiên hạ bùn pha đục
Chỉ có tình ta trong thủy chung

Dù sao cũng phải gửi thư cho vợ

Thơ TRẦN ĐẠI

Tối nay anh đi nhậu về
họp dăm thằng bạn thằng bè tán láo
họp bạn bè nói chuyện chán chê
nói chuyện huyền thuyên chửi đời bát nháo
dù sao tối nay em ơi anh trở về
hồn rất hùng vì men rượu bia
nhưng bước chân gõ trong sương mù ảo não
sao em không có mặt tối nay
chia cùng anh một lời nói một vòng tay
chia cùng anh nỗi đau đớn này
chia cùng anh một hợp rượu một lời đùa cợt
chia cùng anh một giọt nước mắt
chia cùng anh những buổi dạy chán phê
chia cùng anh những buổi điếm danh
chia cùng anh những buổi trời mưa xám
những lúc anh đi cô đơn một mình
mặc áo mưa xanh cúi đầu như người đưa đám
tự trong hồn nghìn cay đắng em ơi

tối nay trong phòng vắng một mình
sách vở vẫn ngổn ngang như thời đi học
thời anh tán tỉnh em thời đôi rách
thuốc lá đốt liên miên — tiền tiêu hết sạch
anh tự hỏi sao em không có mặt tại đây
nhìn anh nhìn anh rất đắng cay
và nói rằng anh yêu — em tin đời mình rồi sẽ khá
anh sẽ hối hận rất nhiều như chưa bao giờ hối hận
hối hận rất nhiều khi anh tới với em
anh tới với em bằng lời hứa hão
anh tới với em bằng mù quáng của tim
anh tới với em bằng lời hò hẹn
nào thiên đường nào đời sống thần tiên
nhưng tối nay khi anh về trên con đường quen
anh chỉ có một vầng trăng rất sáng
một vầng trăng ngó bước anh đi
và tự hỏi tại sao — tại sao trong giờ phút này
mình cười nhau rồi em ở đâu đây ?

em ở đâu đây trong tối nay
tối trắng sáng, trăng rất sáng ngoài trời ~~lúa~~
một tối trắng để những cuộc tình

một tối trăng thề non hẹn !
một tối trăng anh có một mình
một tối trăng toàn sách toàn vở
một tối trăng anh sẽ ngủ khoèo
và nghĩ rằng cuộc đời rất chó !
cuộc đời rất chó, sao em không có mặt tại đây
trong tối nay và chỉ tối nay
anh cần một hơi thở ấm một vòng tay
một vòng tay chia đôi cuộc sống khổ
chia những nụ hôn chia những bông hoa
những bông hoa anh mua cho em hồi mới cưới
những bông hoa em thường cắm vào bình
những bông hoa em cắm với cuộc tình
tặng cho anh vào những buổi bình minh
những bông hoa — em ơi anh còn giữ muôn năm
nhưng anh biết em đang ở sài gòn
em ở sài gòn em đã ngủ yên
đã ngủ yên sau một ngày nhọc mệt
đã ngủ yên sau một sáng dạy sớm
đã ngủ yên sau một trưa rã rời
đã ngủ yên sau một ngày trên xe
đã ngủ yên sau một ngày kiếm sống
một ngày rất dài trong thời đại ta
em đã ngủ yên trong co ro
thiếu một bàn tay — thiếu tình chồng vợ
và cũng có thể em nghĩ như anh
mình cưới nhau rồi, nhưng anh ở đâu đây
chúng mình hai nơi cách hai thành phố
và điên cuồng thay khi ta lấy nhau
ta lấy nhau rồi gục đầu kiếm sống
ta lấy nhau rồi không thấy trời xanh
không thấy hoa tươi không còn cỏ biếc
không thấy rừng cây trái núi chập chùng
không thấy con tim chiều nay uỷ mị
của buổi đầu tiên khi tay nắm tay
không còn thấy tình buổi đầu sao xuyên
tình của ta sôi nổi giữa đời này
tối nay em ơi anh trở về
hồn rất hùng vì men rượu bia
nhưng trong căn phòng anh cả ngàn hiu quạnh
trong căn phòng anh, anh thấy được anh
dù sao anh cũng phải viết thư cho em
vì còn chút tình yêu nho nhỏ
anh phải giữ, không để đời cướp mất
em yêu — cuộc đời rất chó-hồi em !

tháng 05-1971

Nhà xuất bản LỬA THIÊNNG

120, Đinh Tiên Hoàng Saigon

Đã phát hành :

- 1) **Bán đảo Ấn Độ (II)** của Phạm Cao Dương
- 2) **Lịch sử chánh trị và bang-giao quốc-tế thế-giới hiện - đại** (Quyển I : giai đoạn 1918-1939) của Hoàng Ngọc Thành
- 3) **Nhân chủng học và Lược khảo thân tộc học** của Bửu Lịch
- 4) **Đồng quê Phóng sự** của Phi Vân
- 5) **Ngồi quán Thơ** của Vũ Hoàng Chương
- 6) **Kinh tế và xã hội Việt-nam dưới các vua triều Nguyễn** của Nguyễn Thế Anh

Đã phát hành

HAI TÁC PHẨM của ALEXANDRE SOLJENITSYNE

GIẢI NOBEL 1970

do Vũ-Minh-Thiều dịch

1—/ VÒNG ĐẦU

〈 *Le Premier Cercle* 〉

2—/ KHU UNG THƯ

〈 *Le pavillon des cancéreux* 〉

NGÀN KHƠI xuất bản

TRUNG TÂM NHÂN-XÃ-HỌC

(Anthroposocialism Center)

2, Nguyễn văn Thinh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X.H : Là học-viện đầu tiên ở V.N. đề xướng giáo-dục Hậu-học-đường nhằm phát-triển toàn diện con người, giảm bớt thất bại, tận dụng khả-năng, bổ-túc đại-học bằng những khoa Tự-Lập ứng dụng ngay trong cuộc sống thực-tế muôn mặt.

T.T.N.X.H. : Phổ-biến Nhân xã-học, 12 tháng dự-bị, 36 tháng chuyên-khoa. là môn học được trình-bày trong 74 tác-phẩm của Ông Hoàng-Xuân-Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung-tâm tuyệt-đối đứng ngoài chính-trị và tôn-giáo, lại càng không liên-hệ gì đến một đảng nọ mang trùng tên.

12 MÔN : Do giáo-sư cấp Đại-học và Học-giả tên tuổi dạy và dùng trên 200 sách loại Học làm người làm sách giáo-khoa, là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân, 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng

ĐẶC ĐIỂM : Vừa HỌC giáo-khoa vừa HÀNH bằng sinh-hoạt tập-thể. Mỗi tuần buộc đọc một quyển sách. Sau mỗi giờ học uống trà, nghe nhạc. Mỗi tháng du-ngoạn tinh-tâm. Mỗi tối chủ nhật Hội thoại và văn nghệ. Mỗi tuần nghe một diễn giả nói chuyện. Giảng đường tiện nghi, thanh lịch.

Nhập khóa 15/6, 15/7 và 15/8/71

TRUNG TÂM SINH NGỮ DUY LINH

Học một **NHẬT** *Biết ba*
thứ chữ *thứ tiếng*

NHẬT NGỮ - HÁN VĂN - HOA NGỮ

Nằm trong chương trình phát huy văn hóa Nhật bản, TTSD/DL đã mở 4 khóa Nhật ngữ hàm thụ dành cho các bạn nam nữ học viên ở xa hoặc không tiện đến trường có thể theo học dễ dàng và kết quả như học tại trường. Bài vở được soạn thảo công phu bằng 4 thứ chữ Romaji, Hyragana, Katakana và Kanji được gửi tận nhà hàng tuần. Sau 2 khóa Sơ và Trung cấp học viên được học 800 chữ Kanji đạt trình độ 3 năm giáo dục cưỡng bách tại Nhật, sau hai khóa Cao Trung và Cao Đẳng học viên được học 1800 chữ Kanji đạt trình độ 6 năm bậc Tiểu học tại Nhật, học viên đủ khả năng đàm thoại, luận thuyết, đọc và viết sách báo Nhật, Hán văn và Hoa ngữ. Mỗi khóa được cấp chứng chỉ có giá trị. Gửi thư kèm 10\$ tem về địa chỉ PO. Box 204 Chợ lớn để lấy bài học thử. Cam đoan hấp dẫn và dễ hiểu.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(**S. O. A. E. O.**)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Tường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 93.741 – 93.742

Fabrication : OXYGÈNE – ACÉTYLÈNE GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE – AMMONIAQUE – CYCLOPROPANE
– PROTOXYDE D'AZOTE – ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

ASPRO



trị :

**CÁM CŨM
ĐAU NHỨC**

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 225.BYT

Thời sự thế giới

TỪ TRI

Đông Đức đổi lãnh tụ, Ai-cập thanh trừng phe chủ chiến, Anh và Pháp đang tìm cách thoát khỏi ngõ cụt của Thị-trường chung đã là ba đề-tài mà thế-giới chú trọng theo dõi.

Thật vậy tại Đông Đức sau hơn hai mươi năm cầm quyền, chủ trương một đường lối cứng rắn đối với Tây-Đức, ông Walter Ulbricht đột ngột quyết định rời bỏ chính quyền để về hưu. Tuy người ta chưa biết rõ sự ra đi của ông Ulbricht sẽ có những hậu quả gì trong việc thống nhất hai nước Đức, nhưng người ta cũng có cảm-tưởng rằng sự kiện này là một dấu hiệu dẫn tới hòa-giải giữa hai khối Đông Tây tại Âu-châu.

Tại Trung-Đông dấu hiệu hòa giải cũng xuất hiện trong các biến chuyển chính-trị mới nhất tại Ai-cập. Để củng cố chính sách chủ hòa của mình đối với Do-thái ông Answar Sadat, Tổng-thống Ai-cập, đã không ngần ngại cách chức Phó Tổng-thống Ali Sabry, người được coi là điều hâu và bài Mỹ, để tạo nên một cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng nhất từ khi Nasser qua đời tới nay.

Tại Âu-châu, sau nhiều cuộc thảo-luận hết sức gây cản giữa Anh và các quốc-gia thuộc khối Thị-trường chung, Thủ-tướng Anh Edward Heath đã sang Paris gặp Tổng-thống Pháp Georges Pompidou để tìm cách ra khỏi ngõ cụt ngoại-giao hiện thời.

Sự ra đi của Walter Ulbricht ở Đông Đức

Sau trên 20 năm trời cầm quyền tại

Đông Đức, ông Walter Ulbricht đã oan báo là ông rút lui khỏi chính trường, rời bỏ chức vụ Đệ-nhất bí-thư đảng Cộng sản Đông Đức để «về hưu». Đây là lần đầu tiên mà một vị lãnh-tụ Cộng-sản tự ý rời bỏ chính quyền, không hề bị một áp-lực nào thúc đẩy, không hề bị thất sủng.

Tuy ông Ulbricht tự ý rời bỏ chính quyền, nhưng ông cũng đã công nhận rằng đây là một quyết định khó khăn cho ông. Vì vậy mà người ta tự hỏi lý do nào đã khiến ông phải ra đi, và từ đó người ta đặt nhiều giả-thuyết về sự ra đi này. Có người đã cho rằng sở dĩ ông Ulbricht rời bỏ chính quyền là vì càng ngày ông càng trở thành một trở ngại cho sự hòa-giải giữa hai khối Cộng-sản Đông-Âu và tư bản Tây-Âu. Nếu vào đầu năm nay khi ở Ba-lan ông Gomulka đột ngột nhường quyền cho Gierek làm các lãnh-tụ diện Kremlin sừng sốt thì sự ra đi của ông Ulbricht cũng làm cho các lãnh-tụ Nga không kém ngạc nhiên. Và ông Brejnev đã vội vã gửi điện-văn ca ngợi công nghiệp của ông Ulbricht.

Thật ra thì lý do chính khiến ông Ulbricht rời bỏ chính quyền là tuổi già. Năm nay ông đã 77 tuổi và càng ngày càng suy nhược. Ông đã ở cả mùa đông vừa qua tại Mạc-tư-khoa để chữa bệnh. Và ông cũng đã hủy bỏ những cuộc viếng thăm các thủ-đô cộng-sản mà ông đã dự liệu. Ông quyết định rút lui vào lúc này là để cho ông Erich Honecker kế-vị ông có đủ thì giờ chuẩn-bị Đại-hội Đảng được triệu tập vào tháng 6 tới đây.

Tuy ông Ulbricht vẫn còn giữ chức-vụ Chủ tịch Hội-đồng Nhà-nước Đông Đức, tức là Quốc-trưởng và người ta còn đặc biệt lập ra chức vụ Chủ-tịch Đảng để trao cho ông, nhưng các chức-vụ này sẽ chỉ có tính cách hoàn-toàn nghi lễ và ông Ulbricht sẽ không đóng giữ một vai trò quan trọng nào trên chính-trường Đông Đức nữa. Walter Ulbricht bắt đầu cuộc đời chính trị của ông vào năm 1918, khi ông gia-nhập đảng Cộng-sản hồi 24 tuổi. Ngay từ lúc đó, ông đã tỏ ra là một cán bộ có tài tổ-chức và đã xây dựng được cơ sở cho Đảng ông vững mạnh tại Đức quốc. Năm 1933 khi Hitler lên nắm chính quyền, đàn áp các đảng tả phái, ông đã phải bỏ trốn sang Nga. Ông chỉ trở lại Đức với hồng quân Nga chiến thắng năm 1945. Ông đã nổi tiếng trong vụ đàn áp các người nổi loạn tại Berlin năm 1953 và trong vụ xây «bức tường ô-nhục» năm 1961 để chặn không cho những người Đông Đức bỏ trốn sang Tây Đức.

Trong những năm vừa qua ông đã cố gắng chống đối chính sách nhích gần lại Tây Đức của Nga-sô và việc giải-quyết vấn-đề Bá-ling. Nếu Nga thân-hữu với Tây Đức Đông Đức sẽ mất mặt với thế-giới. Và nếu Nga và Anh, Pháp, Mỹ thỏa thuận về một giải-pháp quốc-tế-hóa Berlin, thì đó lại là một thất bại ngoại-giao nặng nề đối với Đông Đức vì từ trước tới nay Bá-ling đã luôn luôn được chính-quyền Đông-Đức coi là lãnh thổ của Đông-Đức.

Cho tới nay, Đông-Đức, dưới quyền lãnh-đạo của Ulbricht, đã thành công một phần nào trong các mưu toan phá vỡ nỗ-lực hòa-giải của Nga vì tuy Ulbricht theo Nga nhưng ông là người bạn đồng hành duy nhất của Lénine lúc sinh

thời, nên được các lãnh-tụ Nga nể vì. Người kế-vị ông là ông Honecker sẽ không có ưu thế này để đương đầu với Nga. Vì vậy mà sự ra đi của Walter Ulbricht được coi như là một dấu-hiệu hòa-giải mới giữa hai phe Cộng sản và tự do tại Âu châu.

Khủng-hoàng chí h-trị tại Ai-cập

Hai ngày trước khi ông William Rogers, Ngoại trưởng Mỹ, tới thăm Le Caire, ông Anwar Sadat Tổng-thống Ai-cập đã quyết định cách-chức Phó Tổng-thống Ali Sabry. Hành động này đã khiến cho các giới chính-trị Trung-Đông sửng sốt. Thật vậy, tháng 9 năm ngoái, khi ông Anwar Sadat được cử làm Tổng-thống thay thế Nasser, người ta đều cho rằng ông Sadat sẽ không có đủ uy-tín của một Nasser để nắm quyền thực sự và ông sẽ phải chia quyền cai-trị với một tập-đoàn lãnh-tụ. Hơn nữa hai vị Phó Tổng-thống, các ông Hussein-al-Shafei và Ali Sabry lại là hai người có quyền-lực và uy-tín rất lớn, không những trong quốc-gia mà còn trong đảng Liên-hiệp Xã-hội Ả-rập nữa. Hai ông Shafei và Sabry cũng lại còn là những người bạn đồng hành của Nasser và Sadat trong việc lật đổ Quốc vương Farouk năm 1952 và xây-dựng một nước Ai-cập tân tiến.

Ông Sabry, tuy bề ngoài có vẻ khiêm nhượng nhưng thật sự là một đối thủ đáng sợ của ông Sadat. Khi ông Sadat quyết-định theo đường lối hòa với Do thái thì ông Sabry đã hết sức phản đối. Ông Sabry trước đây đã từng làm cố-vấn của Nasser, đã giữ chức vụ Thủ-tướng và Tổng Thư-ký của Liên-hiệp

Xã-hội Ả-rập. Vì vậy tiếng nói của ông được nhiều người nghe, nhất là các sĩ-quan trong quân đội Ai-cập. Khi ông Sabry bị cách chức, sáu vị Tổng-trưởng đã nhất loạt từ chức để phản đối. Nhưng ông Sadat nhất quyết dập tắt các mầm chống đối. Ông buộc ông Shawari Gomaa, người lãnh đạo tổ chức mật-vụ, và Tướng Fawzi, Tổng-trưởng Quốc-phòng phải từ chức. Ngoài ra ông còn giải-nhiệm luôn trên 100 sĩ-quan. Đồng thời ông ra lệnh hủy bỏ mọi hành động của cảnh sát nhằm kiểm soát dân chúng. Ông tố cáo rằng mật-vụ đã đặt máy ghi âm ngay trong văn phòng của ông và ông tuyên bố là từ nay chấm dứt chế độ cảnh-sát-trị tại Ai-cập.

Hiện giờ ông Sadat đã làm chủ được tình-thế nên khi ông Rogers tới Le Caire, ông đã đưa ra một đường lối hết sức ôn hòa. Trước kia ông đòi quân Do-thái phải rút khỏi bờ phía đông kinh Suez để quân đội Ai-cập tái lập chủ quyền ở vùng này. Nhưng ông đã loan báo cho ông Rogers rõ là ông sẽ sẵn sàng nhượng bộ điểm này và thay vì để quân đội chiếm vùng phía đông kinh Suez ông sẽ chỉ cho cảnh sát tới mà thôi.

Sau khi được biết rõ thiện-chí hòa-bình của Ai-cập, ông Rogers còn được các lãnh-tụ Ả-rập khác tiếp đón hết sức nồng nhiệt. Quốc-vương Hussein xứ Jordanie đã đích thân lái xe đưa ông đi quan sát các vùng trước kia bị phe kháng chiến Palestine chiếm giữ, nay đã được bình định. Vì vậy ông Rogers đã nhất quyết buộc các lãnh tụ Do-thái phải nhượng bộ. Ngay tại phi-trường Tel Aviv ông Rogers đã dùng những

ngôn-ngữ không mấy ngoại-giao để yêu cầu Do-thái tỏ thiện chí hòa bình. Ông còn tố cáo là chính sách của Do-thái quá cứng rắn và không rõ rệt.

Tuy Do-thái còn chưa đi tới một nhượng bộ nào nhưng những nỗ lực của hai ông Rogers và Sadat cũng đã đánh dấu một giai-đoạn mới trong việc đi tìm hòa-bình tại Trung Đông...

Anh-Pháp tìm cách ra khỏi bế tắc.

Khi 6 nước Tây Âu là Pháp-Đức, Ý, Bỉ, Hòa-lan và Lục-xâm-bảo kết hợp lại thành Thị-trường chung, thì Anh đã tìm cách để phá họ. Nhưng sau thấy nền kinh-tế của 6 nước trù phú nhờ ở tổ-chức này thì Anh lại xin gia-nhập. Nhưng đến lúc đó Pháp lại phá Anh. Tướng De Gaulle đã hai lần dùng quyền phủ-quyết để ngăn chặn không cho Anh gia-nhập Thị-trường chung.

Ngày nay De Gaulle đã chết, không còn ai có đủ uy-thể như ông để chống lại việc Anh gia-nhập Thị-trường chung nữa. Ngoài ra, chính các quốc-gia hội-yên của khối này cũng muốn có sự hiện diện của Anh để giảm bớt ảnh-hưởng chính-trị quá mạnh của Pháp. Nếu trong những năm vừa qua, Ý và Đức coi sự gia-nhập của Anh là một phương-tiện để chống lại sự lộng-hành của Pháp, thì những ngày gần đây người ta thấy có một sự khôi hài là chính Pháp cũng muốn dùng Anh để giới hạn địa vị thống-trị kinh tế của Đức trong khối Thị-trường chung. Thật vậy, Đức vừa rồi đã tự ý tách rời đồng Đức-mã ra khỏi đồng Mỹ-kim khiến trị giá của tiền Đức đã cao lên hơn bình giá (parité) giữa đồng Đức-Mã và đồng Mỹ-

kim và hệ-thống tiền-tệ thế giới đã phải qua một cuộc khủng hoảng. Pháp không muốn rằng, trong tương lai, Đức tiếp tục làm mưa làm gió trong nền kinh-tế thế-giới nữa nên đã thay đổi chính sách để cho Anh được gia-nhập Thị-trường chung.

Thủ-tướng Anh Edward Heath đã tới Paris gặp Tổng thống Pháp Georges Pompidou. Tuy cả hai bên đều đồng ý cho Anh gia-nhập Thị-trường chung nhưng việc gia-nhập này còn vấp phải nhiều trở ngại kỹ thuật, vì Anh tiếp tục đòi 6 nước Thị trường chung phải mở rộng cửa để cho sản phẩm canh nông của Liên-hiệp Anh tràn vào. Đòi hỏi trên là do Anh vừa muốn vào Thị-trường chung vừa muốn giữ vai trò lãnh đạo khỏi Liên-

hiệp-Anh. Nhưng nếu nhận điều-kiện của anh thì nền canh nông của 6 nước Tây-Âu sẽ bị lũng đoạn vì lúa mì của Gia-nã-đại và Tân-Tây-lan, thịt của Úc rẻ hơn ở Âu châu. Vì vậy mà cuộc thương thuyết bị bế tắc. Nhưng dù muốn dù không người ta cũng phải tìm các giải-tỏa bế-tắc này, vì Hoa-kỳ đang tìm cách rút khỏi Âu-châu. Khi Hoa-kỳ rút đi Nga-xô sẽ sẵn sàng nhảy vào lấp chỗ trống. Để ngăn cản sức bành-trướng của Nga, Âu-châu không có cách nào khác hơn là liên-kết thành một lực lượng lớn rộng. Do đó Anh có thêm hy vọng được chấp nhận vào lực lượng này.

TỪ TRÌ.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12

LABOHADZER

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHỔI .
- MỆT MỎI .

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

KN S6 : 78 MBYT/QCPD



Nhức đầu

: Nhóng

Budon

TRÍ:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCOP

Bạn đã, đang hay chưa có dịp du lịch Âu Châu.
Hãy tìm đọc :

TRÒI ÂU QUA MẮT VIỆT

của MINH QUÂN

- Thiên du ký của một phụ nữ Việt-Nam có dịp viếng thăm các nước Âu Châu : Thụy-sĩ, Pháp, Anh, Tây-ban-nha, Đức, Ý...
- Những nhận xét phong phú qua cái nhìn độc đáo của một người đàn bà Việt đánh giá văn minh Tây phương qua những giá trị sinh hoạt đích thực của họ.
- Một bút pháp bình dị, hồn nhiên khiến chúng ta như sống thực ở Tây phương nhưng không bao giờ quên quê hương vì « được du lịch là một cái thú nhưng được trở về lại càng thích thú hơn. »

TRÍ ĐĂNG xuất bản **ĐỒNG NAI** phát hành

THỜI SỰ KHOA HỌC

Thuốc lá... không có thuốc.

Trước một sự thật hiển nhiên như việc hút thuốc gây nên ung thư phổi, người ta cũng không dễ dàng khi từ bỏ tập quán này, ngay cả những người biết rõ sự tai hại của thuốc lá trên cơ thể. Nếu hầu hết giới bác sĩ ở Hoa-kỳ đã bỏ được thói quen hút thuốc lá thì ở Anh con số này mới có một nửa, ở Pháp số thôi hút chỉ là một thiểu số. Một số còn cho rằng đó là một thói quen tao nhã và nếu bỏ nó thì đời sống nhạt phèo... như thế thà chết còn hơn.

Sự nguy hại của thuốc lá là nó tạo ra rất nhiều nicotine, một độc chất đối với cơ thể. Việc này đã được biết rõ từ hơn 40 năm qua và ngay từ năm 1930, một hãng sản xuất thuốc lá ở bên Đức đã cố gắng sản xuất một loại thuốc lá có ít nicotine. Trong cây thuốc, chất nicotine đến từ rễ cây, người ta ước đoán 90% lượng nicotine ở lá thuốc đến từ nơi rễ. Do đó một công ty ở Nhật đã thử trồng một loại lá thuốc không có rễ. Họ đã thành công khi nuôi được lá thuốc lớn lên trong một môi trường nhân tạo có nhiều đường, lân tinh và chất đạm. Lá thuốc giò dầy, trông giống như một thứ bùn xốp, được đem sấy khô và nén thành bột. Loại thuốc này hầu như không có chứa nicotine.

Nhưng vấn đề không chịu ở mức giản dị như vậy. Khi một điếu thuốc lá được đốt lên, thì nó sản xuất ra 1.200 hợp chất có độc tính-chất nào cũng có thể là nguyên nhân gây nên ung thư cả.

Làm thế nào để có thể loại bỏ hết được 1.200 độc chất này để biến điếu thuốc thành một thứ tiêu khiển hoàn toàn vô hại?

Một nhận xét mới mẻ của bà bác sĩ Maud Moncousin, một chuyên viên trong «Ủy ban chống thuốc lá Pháp» cho rằng những người ghiền thuốc lá là những người ghiền... thở. Phương pháp tốt nhất để giúp họ cai thuốc lá là dạy cho họ phương pháp thở cho được thật nhiều khí trời.

Điều thuốc lý tưởng hợp vệ sinh trong tương lai sẽ được làm bằng những ống tròn giống như... một điếu thuốc, bên trong có gắn máy lọc không khí!

Đồng tính luyến ái

Hiện tượng đồng tính luyến ái (Homosexualité) nghĩa là tình yêu xảy ra giữa hai người cùng phái, hoặc nam hoặc nữ, là một vấn đề xã hội càng ngày càng quan trọng ở các nước tân tiến. Ở Mỹ, đã có nhiều dân biểu lên tiếng đòi hợp-pháp-hóa sự đồng tính luyến-ái. Trên thực tế, đó là một sự kiện đã được mặc nhiên chấp nhận. Có những tổ chức những cơ sở dành riêng cho người có khuynh-hướng đồng tính luyến ái. Bên các thành phố các nước Âu, Mỹ hai người cùng phái đi chung với nhau ngoài đường chắc chắn là sẽ bị coi như đồng tính luyến ái.

Đồng tính luyến ái được coi như thuộc lãnh vực chuyên môn của các nhà tâm-lý-học. Theo các nhà chuyên môn này thì đó là một xáo trộn về tâm

lý-học. Theo các nhà chuyên môn này thì đó là một xáo trộn về tâm lý do ảnh-hưởng của môi-trường xã-hội mà nạn nhân đang sống. Về phương-diện cơ-thể, bay bất cứ một phương-diện nào khác ngoài phương-diện tình-dục, đó là những kẻ bình thường.

Bác sĩ Margolese không muốn chấp nhận bình thường đó. Ông muốn tìm ra một sự bất bình thường có bằng chứng rõ ràng. Ông chú ý đến hai chất kích-thích-tổ *Androsterone* và *Etiocholanolone* trong nước tiểu của người đàn ông mắc chứng đồng tính luyến ái. Trong 10 người đàn ông có đời sống tình dục bình thường, tỷ-lệ chất *Androsterone* bao giờ cũng cao hơn chất *Etiocholanolone*. Và trong 14 người đàn ông có bệnh đồng tính luyến ái, ông thấy tỷ-lệ này luôn luôn đảo ngược lại, nghĩa là chất *Etiocholanolone* bao giờ cũng cao hơn chất *Androsterone*. Margolese không muốn kết luận sự xáo trộn này là nguyên nhân của căn bệnh sinh lý trên mà chỉ muốn minh chứng một người có một đời sống tình dục bất bình thường như thế không thể không có điểm gì khác biệt với một người bình thường.

Trong một cuộc thí nghiệm khác, bác sĩ Margolese đã chứng tỏ khám phá của ông có giá trị thật sự: Ông đã phân biệt được đúng những người bình thường và những người mang bệnh đồng tính luyến ái bằng cách phân tích nước tiểu của họ.

Sự thành công của bác sĩ Margolese làm các vị dân-biểu gặp khó khăn trong khi xin hợp-pháp-hóa tình trạng những người đồng tính luyến ái.

Sự thất bại của Salyut

Phi thuyền Salyut không lẽ tưởng đã giúp cho Nga cơ hội đi trước Mỹ về chương-trình thành lập một trạm thí nghiệm trong không gian, lại trở thành một thất bại cay đắng cho nước này.

Ngay từ lúc phi-thuyền được phóng đi từ trung-tâm không-gian Kazakhstan, giới chuyên môn của cơ-quan NASA đã nghi ngờ có một sự sai lầm. Salyut sau đó quả nhiên chỉ đạt đến quỹ đạo 140×130 dặm, một quỹ đạo quá thấp khiến phi-thuyền đang bị hút dần vô trọng trường trái đất và sẽ bốc cháy khi cọ xát vào bầu khí quyển trong vòng vài tuần tới.

Sự chậm-trễ trong việc phóng phi thuyền có người lái Soyuz 10 càng làm cho sự nghi ngờ tăng thêm. Có thể sự chậm trễ này là do nguyên nhân các nhà khoa-học Nga không muốn phí bỏ một phi-thuyền đắt giá như Soyuz 10 vào một mục-đích là ráp nối với Salyut đang bị đe dọa bốc cháy. Nhưng cuối cùng Soyuz 10 đã được phóng lên với phi-hành-đoàn 3 người. Quỹ-đạo của Soyuz 10 lại cao hơn quỹ-đạo của Salyut hiện đang bay và các phi-hành-gia Nga phải vất vả hơn 2 ngày mới ráp nối được với Salyut. Cuộc hội ngộ chỉ kéo dài có 5 giờ rưỡi, các phi-hành-gia đã vội vã trở về trái đất trong một chuyến bay đêm hoàn toàn bất ngờ. Họ cũng không kịp qua phi-thuyền Salyut như đã dự định trong chương-trình. Nguyên-nhân cuộc rời bỏ quỹ đạo đột ngột này có thể là do một sự hoạt động sai lạc của các hỏa-tiến thổi tống của phi-thuyền. Ở Mặt-tư-khoa, nguyên nhân sự trở về

được giải thích là do sự «say sóng», sự khó chịu khi chịu đựng trạng thái vô-trọng-lực đã bắt buộc các phi-hành-gia phải trở về trái đất.

Sau khi Soyuz 10 trở về bình yên, hệ-thống kiểm-soát dưới đất từ trung-tâm Kazakhstan đã điều-chỉnh được quỹ-đạo của Salyut từ 140×130 dặm thành 166×161 dặm. Cuộc điều-chỉnh thực hiện nhờ khai hỏa mấy hỏa-tiên phụ gắn trên phi thuyền. Tuy nhiên cuộc sống của Salyut cũng chỉ có thể kéo dài thêm 7 tuần-lễ nữa, không đủ thời gian để thành một trạm thí nghiệm hữu ích lâu dài trong không-gian.

Apollo 15

Chương trình Apollo 15 của cơ quan NASA ấy chỉ còn có 3 chuyến bay nữa là kết thúc: Apollo 15, 16 và 17. Sau đó là một chương trình không-gian khác, có mục đích khác hơn là thám hiểm nguyệt cầu.

Đầu tháng 8 tới đây, Apollo 15 sẽ chở theo 3 phi-hành-gia như thường lệ lên thăm viếng vùng thung-lũng Hadley

Rille, sâu chừng 600 bộ (khoảng 200 thước) nằm giữa vùng Biển-Mưa và vùng Biển Lặng (Seas of Rains and Serenity). Lần này họ được trang bị một chiếc xe đặc biệt để có thể đi thám hiểm xa hơn và thu lượm được nhiều vật liệu hơn. Nếu chương-trình không bị thay đổi vào phút chót như Apollo 13 vừa rồi, hai phi-hành-gia David R. Scott và James B. Irwin sẽ lái chiếc nguyệt-xa này. Chiếc xe hình dáng thô lỗ, không kính chắn gió, không mui xe, không cửa và không có động cơ này là một công-trình đáng giá 6 triệu Mỹ kim do hai hãng Boeing và General Motors hợp tác chế-tạo. Thật ra xe chạy bằng 4 động-cơ điện độc lập với nhau đặt ở gần 4 bánh xe, có thể hoạt động trong giới hạn khoảng 43 dặm nhờ sức hai bình điện chính đặt trên xe. Khi hết điện xe có thể lấy lại điện-lực nhờ một hệ thống quang-điện biến ánh sáng thành điện-lực.

Tuy vậy các phi-hành-gia không được phép đi quá chỗ phi thuyền quá 5 dặm, sợ trường hợp xe bị hư phải đi bộ trở về.

TỬ-DIỆP

CÁO LỖI

Vì lý do ấn loát và kỹ thuật, và muốn cho tờ báo khởi ra trẻ bạn đọc khỏi trông đợi, Bách-Khoa kỳ này phải gác lại truyện dài «Tuổi trẻ hư không» của Hoàng ngọc Tuấn, các mục «Thời sự văn nghệ, Sách báo mới, Hộp thư» và một số bài trong mục Sinh hoạt.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả, quý bạn phụ trách các mục trên đây, quý bạn tặng sách báo và những vị mà tòa soạn đã hẹn đăng bài.

Tòa soạn BÁCH KHOA

Trong Gia đình êm-ấm

Hay trên đường xa

khát mệt



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIỀN"!

CAPSTAN

MEDIUM

